

HỢP TUYÊN THÂN HỌC

TẬP PHỔ BIẾN THÂN HỌC, PHÁT HÀNH KHÔNG ĐỊNH KỲ

Số 20 & 21

Năm VIII (1998)

CHỦ ĐỀ:

GIÁO HỘI HỌC [II]

Bản Tính của Giáo Hội [ii]

Nhiệm thế, Bí tích, Đặc tính

Cơ Cấu của Giáo Hội [i]

Thế chế, Phẩm trật, Tác vụ



HỢP TUYỂN THẦN HỌC

Tập phổ biến Thần Học, phát hành không định kỳ

Chủ biên: M. Nguyễn Thế Minh, S.J.

Phụ biên: F. Gómez Ngô Minh, S.J.

Nhóm hợp tác: Trần Đức Anh, O.P. (Ý Đại Lợi); Đỗ Quang Biên (Hoa Kỳ); Vũ Kim Chính, S.J. (Đài Loan); Phan Đình Cho (Hoa Kỳ); Đinh Đức Đạo (Ý Đại Lợi); Trần Văn H. (Ý Đại Lợi); Vũ Xuân Huyền (Thụy Sĩ); Trần Văn Khả (Ý Đại Lợi); Lại Văn Khuyển (Hoa Kỳ); Cao Phùng Kỳ, SS. (Hoa Kỳ); Nguyễn Tiến Lăng, CSsR (Pháp); Trần Đình Nhi (Hoa Kỳ); Nguyễn Văn Phương (Ý Đại Lợi); Nguyễn Văn Sĩ, OFM (Ý Đại Lợi); Nguyễn Đoàn (Ý Đại Lợi); Phan Tấn Thành, O.P. (Ý Đại Lợi); Hoàng Minh Thắng (Ý Đại Lợi); Nguyễn Chí Thiết (Pháp); Nguyễn Đức Thu, S.J. (Úc Đại Lợi); Trần Ngọc Thu (Vatican); Bùi Hữu Thu (Hoa Kỳ); Nguyễn Trọng Tước, S.J. (Hoa Kỳ); Vũ Đình Tương, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Minh Ước, S.J. (Úc Đại Lợi); Phạm Văn Vương (Phi Luật Tân).

Tòa soạn: 42 rue de Grenelle - 75343 Paris Cedex 07 - France

☎: (01) 44 39 46 57; fax: (01) 45 48 25 49

Ấn hành: 3925 Tambor Road, - San Diego, CA 92124 - USA

☎: (619) 571 7830

Tổng quản: *Vietnamese Theological Association*



Số 20021 Năm VIII (1998)

GIÁO HỘI HỌC

[II]

Felipe Gómez Ngô Minh, SJ¹

B. BẢN TÍNH CỦA GIÁO HỘI

(tiếp theo)

II

GIÁO HỘI LÀ NHIỆM THỂ CHÚA KITÔ

“Chúa Kitô tạo lập cách mẫu nhiệm các em Ngài, tụ họp từ muôn nước thành thân thể Ngài, bằng cách thông truyền Thánh Thần cho họ. Trong thân thể ấy, sự sống Chúa Kitô tràn lan trên các tín hữu” (LG 7a).

Dân mới ấy của Thiên Chúa đã được thiết lập nhờ hy tế Đức Kitô, được nuôi dưỡng bằng thịt và máu của Ngài, sống bằng chính sự sống của Ngài và như là hiện thân của chính Ngài ở trong lịch sử. “Thân thể” là một hình ảnh biểu thị

¹ Về tác giả, xin đọc *Lời Nói Đầu* của số này.

một khía cạnh của Giáo hội, chứ không biểu trình toàn bộ Giáo hội học. Công đồng Vaticanô II đã dùng nhiều hình ảnh để chỉ về Giáo hội, vì một hình ảnh hay một khái niệm không thôi thì không thể ôm trọn hết mọi chiều kích của mầu nhiệm Giáo hội được. Nhưng hình ảnh cũng như ý niệm “Nhiệm thể” bắt nguồn từ Kinh Thánh và có khả năng làm nổi bật những khía cạnh quan trọng của Giáo hội; đáng khác trong những thời gần đây hình ảnh này đã giữ một chỗ đứng ưu vị, tiếp theo sau lời của Đức Piô XII nói rằng: “Để diễn tả và định nghĩa Giáo hội đích thực của Đức Kitô... không một từ ngữ nào cao quý hơn, tuyệt hảo hơn, thần thiêng hơn là *NHIỆM THỂ CHÚA KITÔ*.”²

1. Công thức “Nhiệm thể”

Trong Kinh Thánh không đọc thấy công thức “Nhiệm thể Chúa Kitô.” Thánh Phaolô chỉ nói về “Thân thể Đức Kitô.” Nói “thân thể” trước hết là ám chỉ đến thân xác của Đức Giêsu sinh bởi Đức Trinh nữ Maria và chết trên thập giá; kế đến là chỉ về Minh Thánh Chúa trong bí tích: “Đây là Minh Ta” (Mc 14:22; 1Cr 11:24); sau cùng, thánh Phaolô dùng từ ngữ “thân thể” với ý nghĩa ẩn dụ, khi ngài viết: “Những gian nan thử thách Đức Kitô còn phải chịu, tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức, vì lợi ích cho thân thể Ngài là Hội thánh” (Cl 1:24). Vì thế, thành ngữ “thân thể Đức Kitô” nói lên ba điều: thân xác thể lý của Đức Giêsu, Thánh Thể và Giáo hội. Về sau, thần học đã tìm cách để phân biệt

² Thông điệp *Mystici Corporis*, AAS 35 (1943) 199. Xin xem tác phẩm của Louis Bouyer, *L'Église de Dieu, corps du Christ et temple de l'esprit*, Paris 1970; *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo*, số 782-795.

hai ý nghĩa đầu; nói về bí tích Thánh Thể, thần học thêm tình từ “nhiệm mầu” để chỉ tính cách bí ẩn, huyền nhiệm, giấu kín. Thân thể này là tâm điểm của Giáo hội, là nguồn sống, là dấu chỉ và là nguyên do của sự hiệp nhất.

Thời Trung cổ, bắt đầu có những tác giả áp dụng thành ngữ “Nhiệm thể” cho Giáo hội.³ Thánh Catarina thành Siena đã gọi phẩm trật là “nhiệm thể.”⁴ Ở thế kỷ XII, “nhiệm thể” có nghĩa là Giáo hội, song đối với thân xác thể lý của Đức Giêsu, hoặc Minh Thánh trong bí tích. Tài liệu đầu tiên của huấn quyền dùng đến từ ngữ này là sắc chỉ *Unam sanctam* của Đức Bônifaxiô VIII ban bố năm 1302 (DS 270). Để hiểu ẩn dụ này, thần học đã dựa theo hai thí dụ sau đây; trước tiên, thí dụ so sánh với thân xác thể lý: cũng như một thể xác có một đầu và nhiều chi thể khác nhau, nhưng chỉ là một cá vị, thì Giáo hội cũng vậy; thứ hai là thí dụ so sánh với một xã hội: là một toàn thể duy nhất nhưng có nhiều thành viên, còn Giáo hội thì có nhiều tín hữu; chỉ phải lưu ý đối với thí dụ thứ nhất là trong Giáo hội nhiệm thể, mỗi “chi thể” vẫn giữ nguyên cá vị của mình.

Tuy nhiên, cả về phương diện xã hội, Giáo hội, là một thực tại siêu nhiên, bởi vì các chi thể không những có một cùng đích chung, nhưng còn sống cùng một sự sống chung nhờ Thần Khí, và tham dự vào cùng một năng động thần

³ Xem de Lubac, H., *Corpus mysticum. L'Eucharistie et l'Église au Moyen Âge*, Paris, Aubier (2^e éd.) 1949.

⁴ “Hãy nhìn coi gương mặt của Hiền thể ta bị biến dạng như thế nào; gương mặt nàng bị lở loét vì sự ô uế, lòng tự ái, kiêu căng và tham lam của những kẻ sống... trong Kitô giáo là *thân thể phổ quát*. Tôi cũng nói như thế về *nhiệm thể* Giáo hội, tức là những thừa tác viên của Giáo hội...” trong *Libro della divina dottrina*, c. 14, thuộc bộ sách *Scrittori d'Italia*, Bari 1912, tr. 33.

thiên do Đức Kitô ban cho qua đức tin và đức ái. Xã hội học có thể phát hiện được nhiều điều xác thực về Giáo hội; tuy nhiên, yếu tố “nhiệm mầu” vẫn mãi là đối tượng của chỉ một mình đức tin.

Đức Piô XII giải thích khái niệm “Nhiệm thể” như sau: “Bằng hạn từ ‘mầu nhiệm’ chúng ta có thể phân biệt thân thể xã hội của Giáo hội mà Đức Kitô là Đầu và là chủ, với thân thể vật lý của Ngài... và với mọi thân thể tự nhiên khác, dầu là thể lý hay luân lý. Trong một thân thể tự nhiên, nguyên lý hiệp nhất phối hợp mọi thành phần đến nỗi chúng không còn có sự tồn hữu riêng biệt nữa. Trái lại, trong nhiệm thể năng lực kết hợp các chi thể, dầu rất thâm sâu, mà vẫn để cho mỗi chi thể có một cá vị riêng... Khó mà so sánh nhiệm thể với pháp thể [pháp nhân]: chúng ta thấy cả hai khác nhau một trời một vực. Vì trong cái mà người ta gọi là pháp nhân, nguyên lý hiệp nhất là cùng đích chung và sự cộng tác chung nhằm đến cùng đích ấy dưới quyền bính xã hội. Trong khi đó, nơi nhiệm thể mà chúng tôi đang đề cập đến, ngoài sự cộng tác chung này còn có một nguyên lý nội tại... đó là Thánh Thần.”⁵

2. Một số tên gọi Giáo hội tương tự như Nhiệm thể

Ngoài thành ngữ “thân thể Đức Kitô” đọc thấy trong các thư của thánh Phaolô, còn có nhiều danh hiệu khác được Kinh Thánh dùng để chỉ về Giáo hội.

⁵ AAS 35 (1943) 221t.

a. Ẩn dụ cây nho

Thánh Gioan ghi lại một tên gọi đơn sơ hơn: “cây nho” (Ga 15:1-11). Qua ẩn dụ này, Đức Giêsu đã giải thích cho các môn đệ hiểu thế nào là kết hợp với Ngài, bằng cách nào sự sống nơi Ngài chuyển lưu qua họ, và sẽ sinh hoa quả như thế nào ở nơi họ.

“Ta là cây nho thật, và Cha ta là Người trồng nho.”⁶ Trong thế giới siêu nhiên, sáng kiến hoàn toàn xuất phát từ Thiên Chúa; sự sống hoàn toàn phát sinh từ Đức Kitô như nhựa từ thân nho. Để có thể sống, tuyệt đối cần phải kết hợp với Ngài. Tuy nhiên, điều đó chưa đủ, vì cũng có những nhánh khô không chịu để nhựa lưu thông vào trong mình; số phận của chúng là “bị chặt đi và ném vào lửa.”

Vì thế Chúa dạy: “Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em;” có sự tồn hữu trong nhau: Chúa ở trong các môn đệ và các môn đệ ở trong Chúa. Trong câu 7, Đức Giêsu giải thích là sự “tương tại” ấy xảy ra qua Lời: “Nếu lời Thầy ở lại trong anh em...,” nói cách khác, đức tin sống động là mối dây liên kết căn bản giữa các tín hữu và Đấng Mạc Khải. Đức Giêsu bảo lời Ngài “là Thần Khí và là sự sống” (Ga 6:63). Và hơn nữa: “Ai sống và tin vào Thầy sẽ không bao giờ phải chết” (Ga 11:26). Sứ điệp Đức Giêsu truyền rao không chỉ là một bộ kiến thức hay một tập cấm nang của khôn ngoan kết tinh, nhưng là chính sự sống và là sự sống đời đời (x. Ga 17:3). Lý do là vì Đức Giêsu đã thông truyền một sự hiểu biết của Thiên Chúa và thuộc về một mình

⁶ Xem George, A., “Jésus. La vigne véritable (Jn 15: 1-17)” trong *Logos* 2 (Tokyo 1960) 148-167.

Thiên Chúa (x. Mt 11:27): thông phần vào sự hiểu biết của Thiên Chúa là thông phần vào sự sống của Người. Thánh Gioan viết: “Ai tin vào danh Ngài, thì Ngài cho họ được trở nên con cái Thiên Chúa” (Ga 1:12). Khi tin nhận lời Đức Giêsu, tín hữu được sống sự sống của Đức Giêsu, nghĩa là được tham dự vào địa vị làm con hay “tử tính” của Ngài.

Thật ra, sự sống này vốn là tình yêu: “Anh em hãy ở lại trong tình thương của Thầy” (Ga 15:9). Như nhánh cây hút nhựa từ thân cây, kitô hữu cũng nhận được sự sống tình yêu nếu biết kết hợp với Thầy Giêsu. Và vì Thiên Chúa là tình yêu (1Ga 4:8), nên do việc kết hợp này, họ được tham dự vào chính bản tính của Thiên Chúa. Như thế, số phận của môn đệ là số phận của Thầy: Thầy trò đều có chung một niềm vui (x. Ga 15:11), một lòng thương (x. Ga 11:9-10), và cả hai đều được yêu thương bởi một Cha chung (x. Ga 16:27). Các môn đệ nhận được vinh quang của Chúa Con và mỗi hiệp nhất với Chúa Cha (x. Ga 17:22). Trong Cựu Ước, các tiên tri đã không thể tưởng tượng ra nổi một điều tương tự như vậy; Isaia có sấm ngôn: “Ta sẽ không cho ai khác vinh quang của ta” (Is 42:8). Song Đức Giêsu nói: “Con ở trong họ và họ ở trong Con” (Ga 17:23). Một cách nào đó, các môn đệ được đưa vào trong sự thông hiệp của Ba Ngôi Thiên Chúa. Đó là thâm tình người kitô có được đối với Đức Giêsu; chẳng thế mà thánh Phaolô quả quyết rằng: “Tôi sống, nhưng không còn là tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi” (Gl 2:20).

Qua ẩn dụ cây nho, thánh Gioan đã miêu tả chính thực tại mà thánh Phaolô gọi là thân thể Đức Kitô. Thí dụ cây nho làm cho hiểu rõ mỗi dây mật thiết kết hợp tất cả kitô hữu (những nhánh) với Đức Kitô (thân cây), và với nhau.

Các tín hữu sống như Đức Kitô, và nhờ Đức Kitô: “Không có Thầy, anh em chẳng làm gì được” (Ga 15:5).

b. Hiện thể của Chiên Con

Cựu Ước đã so sánh tình thương của Giavê đối với Ítraen như là tình yêu của Phu quân (thường là hay ghen) đối với người yêu của mình (x. Is 62:4-6; Hs 2;18; Ed 16:1-34). Tân Ước cũng diễn tả Chúa Cha dọn tiệc cưới rất chu đáo cho Con Một (x. Mt 22:1-4).⁷ Gioan Tẩy giả rất vui mừng vì Chúa rể đã đến (x. Ga 3:29); rồi chính Đức Giêsu tự giới thiệu mình là Chàng rể ấy, còn các tông đồ là những người bạn của Chàng rể (x. Mt 9:15). Sau cùng, sách Khải huyền miêu tả lễ cưới cánh chung của Chiên Con trong Giêrusalem thiên quốc, và vị Hiện thể chính là Giáo hội (x. Kh 19:7-8; 21:2-9). Hiến chế tín lý về Giáo hội của Vaticanô II dùng hình ảnh này trong số 6e và 7h để bổ túc hình ảnh “nhiệm thể.” Vậy thì hình ảnh “hiện thể” giúp hiểu về Giáo hội như thế nào?⁸

1) Một mẫu nhiệm hiệp nhất

Theo thánh Phaolô, định chế tự nhiên của hôn nhân đã báo trước mẫu nhiệm kết hiệp trong tình yêu giữa Đức Kitô và Giáo hội; ám chỉ đến lời sách Sáng thế viết nói là vợ chồng trở nên một xương một thịt, ngài viết: “mẫu

⁷ Các nhà chú giải không đồng ý với nhau về ý nghĩa Giáo hội học của dụ ngôn này.

⁸ Fekkes, J., “His Bride Has Prepared Herself: Revelation 19-21 and Isaa Nuptial Imagery,” *Journ. of Bibl. Lit.* 109 (1990) 269-287.

nhiệm này thật là cao cả, tôi muốn nói về Đức Kitô và về Giáo hội” (Ep 5:31-32).⁹ Trong hôn phối người nam và người nữ kết hợp với nhau một cách mật thiết nhất có thể có ở thế gian này, đến nỗi họ trở nên, một cách nào đó, xương thịt của nhau (x. St 2:23) trong cùng một thân thể duy nhất. Mỗi liên kết vợ chồng không chỉ diễn tả và thực hiện một tình yêu nhân loại tuyệt hảo, mà còn có thể nói là nó làm cho con người thành tựu hoàn hảo, như thể con người bị chia làm “hai nửa” và nhờ hôn phối, vợ chồng mới trở nên một con người toàn vẹn.¹⁰

Trong bối cảnh ấy, thánh Phaolô nói: “Chồng là đầu của vợ, cũng như Đức Kitô là đầu của Giáo hội – chính Ngài là vị cứu tinh của thân thể Ngài” (Ep 5:23). Đức Kitô mà không có Giáo hội thì như đầu mà không có thân mình: sự viên mãn của Đức Kitô là Giáo hội (x. Ep 1:23).

2) Một mẫu nhiệm cộng tác

Vợ chồng kết hợp với nhau là để hợp tác nhằm truyền lưu sự sống. Đức Kitô là Adam mới, tổ phụ của nhân loại mới (x. Rm 5:12-19; 1Cr 15:2). Muốn quảng diễn ý tưởng này của thánh Phaolô, các Giáo phụ đã gọi Giáo hội là Èvà mới. Thánh Áugustinô viết: “Câu này (St 2:23) đã được thốt lên một cách nhiệm mầu, như để phác họa một hình bóng tiên báo về Giáo hội tương lai sẽ được tạo thành từ canh sườn của vị Phu Quân đang thiếp ngủ, lúc chết (trên thánh giá). Tuy nhiên, Phaolô cũng đã nói về Adam: ‘Ông là hình ảnh

⁹ Xin xem Batey, R.A., *New Testament Nuptial Imagery*, Brill, Leida 1971.

¹⁰ Xin xem Cerfaux L., *La théologie de l'Église* (3^e éd.) 272-275; Best, E., *One Body in Christ*, London SPCK 1955.

của Adam tương lai'; còn về Giáo hội thì sao? Hãy nghe, hãy hiểu, hãy chú ý: Giáo hội sẽ đập nát đầu con rắn..."¹¹ Phép Rửa là việc tắm gội tinh luyện vị Hôn Thê; nhờ đó, chính Đức Kitô chuẩn bị sẵn cho mình một Giáo hội tinh luyện, không tì ó, không vết nhăn... (x. Ep 5:26-27). Qua Giáo hội, Đức Kitô dùng phép Rửa để tái sinh những con cái Thiên Chúa. Trong lòng Giáo hội, Lời sẽ sinh hạ những tín hữu mới. Thánh Augustinô đã so sánh Đức Maria với Giáo hội như sau: "Con của Đức Maria, Hôn Phu của Giáo hội đẹp hơn mọi con cái loài người. Đức Giêsu đã biến Giáo hội nên giống mẹ Ngài. Ngài đã trao Giáo hội cho chúng ta như một người mẹ, và giữ Giáo hội lại cho chính mình như một trinh nữ. Như Đức Maria, Giáo hội cũng được đồng trinh vĩnh viễn và được phong nhiều vô tận. Điều mà Đức Maria nhận được theo xác thịt thì Giáo hội lại nhận được theo Thần Khí. Đức Maria sinh một Con duy nhất, Giáo hội sinh nhiều con cái, nhưng nhờ người Con duy nhất này, họ sẽ trở nên một."¹²

3) Một mẫu nhiệm tùng thuộc

Thánh Phaolô khuyên những người vợ hãy tùng phục chồng mình như Giáo hội tùng thuộc Đầu mình là Đức Kitô. "Đầu" ở đây tượng trưng cho uy quyền. Quyền uy không căn cứ trên sự lệ thuộc pháp lý, nhưng trên một quan hệ sinh động, hiện sinh và hữu thể. Đức Kitô đã cứu chuộc hôn thê Ngài (x. Ep 5:23); Ngài là "chủ" của Giáo hội; Đức Kitô là Đầu, nên Ngài chi phối thân thể. Xưa,

¹¹ *Enarrationes in Psalmos*, 103.6, PL 37.1381.

¹² *Sermo* 195.2, PL 38.1018.

người vợ thuộc về chồng mới có cơm ăn áo mặc; Giáo hội cũng từng thuộc vào Đức Kitô như vậy. "... Đức Kitô nuôi nấng và chăm sóc Hội Thánh" vì yêu thân xác mình (x. Ep 5:29). Đức Kitô là chủ chiên, nên đàn chiên thuộc về Ngài, Ngài dẫn dắt và chăm nuôi họ. Giáo hội không làm chủ của chính mình, không tự quản tự trị; nhưng là từng thuộc Đức Kitô để tồn tại, để hoạt động, để sinh hoa trái. Tuy nhiên, từng thuộc không phải như tôi tớ thuộc về chủ, song như vợ thuộc về chồng, nghĩa là vì và trong tình yêu.

4) Một mẫu nhiệm hy vọng

Thánh Phaolô diễn tả việc tông đồ của mình như là công tác nhằm trang điểm hầu Giáo hội trở thành hiền thê trong trắng cho Đức Kitô (x. 2Cr 11:2). Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng có những hôn phu hôn thê bất trung. Tuy nhiên, trong trường hợp Đức Kitô và Giáo hội, lòng thủy chung của Phu quân còn mạnh hơn những vụ bất trung đại dột của Hôn thê nhẹ dạ (x. Hs 2). Tình yêu của Phu quân khiến cho Giáo hội luôn luôn có thể quay về cải thiện: "chớ mắc cỡ... người ta rầy vợ cưới lúc còn trẻ sao?... Ta bỏ người một lúc thôi... rồi lại yêu thương người vĩnh viễn" (Is 54:4-8). Sau mọi thử thách, niềm vui của ngày cưới sẽ tỏa ngời mãi mãi (Is 61:10; 62:4). Giáo hội không bao giờ suy đồi bại hoại đến độ phải thất vọng: lòng thương của Chúa vẫn mãi sẵn sàng tha thứ và đổi mới.

Sống giữa lịch sử, Giáo hội hằng chờ đợi Đức Kitô tái hồi; đặt biệt là phải cử hành Lễ Tạ ơn "cho đến khi Chúa lại đến." Tương lai không phải là một mối đe dọa, mà là một niềm hy vọng. Từ thời sơ khai, Giáo hội đã từng nguyện

câu: *Maranatha!* Xin Chúa hãy đến! (1Cr 16:22); và Kinh Thánh kết thúc với lời kêu lên của Thần Khí và Hôn thê: “Xin hãy đến!” (Kh 22:17). Là Hôn thê của Đức Kitô, Giáo hội phải lo sao cho niềm hy vọng này hằng mãi sống động trong thế giới.

2. Thân thể

Trong thế giới Hy Lạp, “thân thể” là thành ngữ rất quen thuộc, được dùng để chỉ về một xã hội. Thánh Phaolô đã viết các thư của ngài trong môi trường văn hóa ấy. Điều mới lạ là ngài đã gọi Giáo hội là thân thể của *Đức Kitô*.

a. Nguồn gốc của ẩn dụ này

Các nhà chú giải đưa ra nhiều giả thuyết về ẩn dụ nói trên. Có kẻ cho rằng ẩn dụ bắt nguồn từ một thần thoại gốc Ấn độ và Ba tư, về *Anthropos* (= con người), và đã được ngộ giáo thuyết tu sửa; nhưng hiện nay, giả thuyết này đã bị bác bỏ. Có người khác lại nghĩ rằng thánh Phaolô đã chịu ảnh hưởng của nền triết Stoa. Theo trường phái này, con người và thần linh hợp thành một thân thể duy nhất là thế giới: “Chúng ta chỉ là chi thể của một đại thể.”¹³ Tư tưởng này đã rất thịnh hành trong đế quốc Rôma. Cứ một toàn bộ có tính cách xã hội (ví dụ quân đội) thì được gọi là một “thân thể.” Nemenius Agrippa đã phổ biến một ngụ ngôn về các thành phần của một quốc gia hợp tác với nhau như những cơ quan của một thân thể. Đa số các nhà chú giải nghĩ là Phaolô xử

¹³ Seneca, *Epistola* 95.51.

dụng cách nói bình dân; ngôn ngữ của trường phái Khắc kỷ lúc đó đã trở thành rất phổ thông rồi. Vị tông đồ đã có thể lấy cách nói ấy để trình bày thần học của mình.

Là một nhà trí thức Do thái, Phaolô cũng có thể dựa theo những mô mẫu của Cựu Ước. Tư tưởng Do thái quen “tóm gọn” cả một tập thể vào trong tổ tiên của họ; vì vậy, Phaolô quan niệm Đức Kitô như Adam mới, như một “cá vị tập thể” (*personalité corporative, corporate personality*).¹⁴ Ngoài ra, còn có tư tưởng về “nhóm còn lại” của Ítraen, được cô đọng kết tinh thành một nhân vật duy nhất như gặp thấy dưới hình bóng “Con Người” trong sách tiên tri Đanien. Chắc hẳn Phaolô đã từng quen thuộc với cách quan niệm như thế; tuy nhiên, tư tưởng của ngài tỏ ra rất là đặc thù, độc đáo và thường dựa vào kinh nghiệm Kitô của mình.

Sau cùng, còn có người nghĩ rằng Phaolô đã dựa vào kinh nghiệm trong cộng đoàn Thánh Thể mà suy ra ý niệm về “thân thể Đức Kitô.” Trong 1Cr 10:16-17, ngài viết: “Khi ta cùng bẻ bánh thánh, đó chẳng phải là dự phần vào thân thể Đức Kitô sao?” Vì chỉ có một tấm bánh, “nên tuy nhiều người, tất cả chúng ta cũng chỉ là một thân thể.” Khi dự tiệc tế tự ngoại giáo, người tham dự “hiệp thông với ma quỷ” (1Cr 10:20). Tương tự như thế, khi người Kitô ăn thân thể của Chúa thì cũng trở nên một với Ngài. Nhờ kinh nghiệm này, Phaolô đưa ra suy tư từ ý nghĩa cá nhân lên ý nghĩa tập thể: vì cả cộng đoàn ăn thân thể Chúa, nên Giáo hội là một với Ngài, là thân thể của Ngài.

¹⁴ Xin xem Robinson, J.A.T., *The Body* (2nd ed.), London 1977.

b. Thần học của các Thư lớn

Hai thư thánh Phaolô gửi cho giáo đoàn Côrintô và thư gửi cho giáo đoàn Rôma được gọi là những “thư lớn.” Các thư này dùng hình ảnh thân thể để chỉ về các tín hữu sống trong trật tự, tùng phục và tinh thần tương thân tương ái, như các chi thể của một thân thể vậy. Dĩ nhiên, nói lên như thế không nhằm đơn thuần biểu trình ý nghĩa xã hội học, nhưng nhất là để nêu bật chiều kích cùng ý nghĩa thần học tiềm ẩn của sự kiện.

1Cr 6:12-20

Bản văn này gọi các kitô hữu là chi thể của Đức Kitô, và do đó hành vi của họ có thể làm vinh dự hoặc gây ô nhục cho chính Chúa. Đáng khác, nhờ Thần Khí lưu ngụ trong họ, họ trở nên đền thánh, và vì đã được mua chuộc bằng giá máu của Ngài, nên họ thuộc về Thiên Chúa.¹⁵

1Cr 10:14-22

Khi ăn Mình Chúa là dự phần vào thân thể Ngài; vì chỉ có một tấm bánh và tất cả chia sẻ cùng một bánh ấy, nên dù nhiều người, thì tất cả cũng chỉ là một thân thể. Trong câu 16, “thân thể” là thể xác cá nhân của Đức Giêsu; trong câu 17, “thân thể” có nghĩa là gì? Là một “tập thể” hay “thân thể của Đức Kitô”? Ý nghĩa không rõ ràng cho lắm. Vì có từ

¹⁵ Guénel, V., (ed.), *Le corps et le corps du Christ dans la première Épître aux Corinthiens. Congrès de l'ACFEB, Tarbes 1981, Paris, Cerf 1982.*

koinonía (thông hiệp) được dùng đến trong câu, nên có thể là thánh Phaolô đã muốn hiểu “thân thể” theo hai ý nghĩa: thông hiệp với Đức Kitô và với nhau trong cùng một cộng đoàn như trong một thân thể.¹⁶

1Cr 12:12-30

Đoạn này dùng ngụ ngôn của Mennius Agrippa để nhắc nhở cộng đồng Côrintô phải biết sống thống nhất và hợp nhất với nhau. Các bộ phận, tuy nhiều và khác nhau, thì cũng chỉ là một con người; xã hội nào rồi cũng vậy. Nhưng thánh Phaolô còn vượt quá bình diện tự nhiên này để tiến lên bình diện siêu nhiên: chúng ta là một thân thể không chỉ vì là thành viên của một tập đoàn, nhưng vì được chịu cùng một phép rửa trong cùng một Thần Khí. Trong Giáo hội, các bộ phận chỉ là “một” trong Đức Kitô. “Anh em là thân thể Đức Kitô, và mỗi người là một bộ phận” (1Cr 12: 27); một sự hiệp nhất có tính cách chức năng: những nhiệm vụ, dù khác nhau, nhưng có chung cùng một mục đích (xây dựng thân thể) và cùng một nguồn gốc (ân huệ của Thần Khí).¹⁷

¹⁶ Xin xem Guénel, V. (éd.), *Le Corps et le corps du Christ dans la première épître aux Corinthiens* (Lect.div. 14) Paris 1983.

¹⁷ Xin xem Havet, J., “Christ collectif ou Christ individuel en 1Cor 12,12?,” *Ephem. Theol. Lovan.* 23 (1947) 499-520; idem, “La doctrine paulinienne du ‘Corps du Christ’ Essai de Mise au point,” trong Descamps, A., et alii (eds), *Littérature et théologie Pauliniennes*, Paris 1960, 184-216; Ramaroson, L., “L’Eglise, corps du Christ’ dans les écrits pauliniens,” *Sciences Eccl.* 30 (1978) 129-141.

Rm 12:3-8

Ý nghĩa của đoạn này cũng tương tự như đoạn trên kia: chúng liên đới với nhau, như những bộ phận trong một thân thể. Các đặc sủng và tài năng khác nhau đều phải bổ túc cho nhau và giúp đỡ nhau: đó là ý nghĩa minh nhiên. Nhưng Phaolô lại viết thêm: “trong Đức Kitô,” là nguồn liên đới siêu nhiên. Từ ý tưởng này đến ý tưởng “thân thể Đức Kitô” chỉ còn một bước nhỏ, và mấy năm sau thánh Phaolô đã đi xong chặng cách ấy.

c. Nhiệm thể trong các ngục trung thư

Các thư viết cho tín hữu các giáo đoàn Philiphê, Côlôxê, Êphêsô và cho Philêmon thường được gọi là ngục trung thư, vì thánh Phaolô viết các thư ấy lúc ngài bị giam trong ngục tù. So với các thư trước, thì trong hai thư gửi cho giáo hữu Êphêsô và Côlôxê, ngài bước một bước dài trong giáo thuyết về Thân thể Đức Kitô. Trong 1Cr 12, chưa thấy được “đầu” khác với các chi thể khác như thế nào; trong khi trong Cl và Ep, đầu giữ một địa vị đặc thù; ngoài ra, trong Cr và Rm tông đồ chú ý đến các cộng đoàn địa phương, còn đối với Cl và Ep, trọng tâm là Hội thánh toàn thể. Ý tưởng căn bản của Phaolô nằm gọn trong câu Ep 1:22: “Thiên Chúa đã đặt tất cả dưới chân Đức Kitô và đặt Ngài làm đầu toàn thể Hội thánh.” Có thể tóm tắt ý nghĩa như sau: Đức Kitô là sự viên mãn của Thiên Chúa; Giáo hội là sự viên mãn của Đức Kitô; vũ trụ là sự viên mãn của Giáo hội. Nói cách khác: Đức Kitô là Đầu của Giáo hội, Giáo hội là thân thể Ngài;

vũ trụ phục tùng Đức Kitô qua Giáo hội.¹⁸

1) Chúa Kitô là Đầu của Hội Thánh

Nhiều lần thánh Phaolô đã gọi Đức Kitô là “ĐẦU.” Hậu cảnh của ẩn dụ này không phải nơi nào cũng như nhau; vậy cần phải xem xét văn mạch và ý niệm tiềm ẩn trong văn bản thì mới hiểu được tư tưởng của vị tông đồ. Sau đây là những bản văn chính viết về chủ đề Đức Kitô là “Đầu”:¹⁹

ĐẦU: Êp 4:15-16: *“Sống theo sự thật và trong tình bác ái, chúng ta sẽ lớn lên về mọi phương diện, vươn tới Đức Kitô vì Ngài là Đầu. Chính Ngài làm cho các bộ phận ăn khớp với nhau và toàn thân được kết cấu chặt chẽ, nhờ mọi thứ gân mạch nuôi dưỡng và mỗi chi thể hoạt động theo chức năng của mình. Như thế Ngài làm cho toàn thân lớn lên và được xây dựng trong tình bác ái.”*

ĐẦU mọi thiên phủ và uy linh: Cl 2:10: *“Trong Ngài anh em được sung mãn: Ngài vốn là đầu mọi quyền lực thần thiêng.”*

¹⁸ Xem Schnackenburg, R., *The Epistle to the Ephesians. A Commentary*, T&T Clark, Edinburgh 1991, đặc biệt “Appendix. The Church in the Epistle to the Ephesians” trg. 293-310; Usami, K., *Somataic Comprehension of Unity: The Church in Ephesians*, AB 101, Roma 1983.

¹⁹ Xin xem Schlier, H., “*Kephalē, anakephalaion*” trong *Theol. Dict. of the New Test.* III, 673-682.

ĐẦU của Hội thánh: Ep 1:22: *"Thiên Chúa đã đặt tất cả dưới chân Đức Kitô và đặt Ngài làm đầu toàn thể Hội thánh."*

ĐẦU của thân thể Giáo hội: Cl 1:18: *"Người cũng là đầu của thân thể, nghĩa là đầu của Hội thánh; Người là khởi nguyên, là trường tử trong số những người từ cõi chết sống lại."*

Đức Kitô là đầu nghĩa là gì? Theo quan niệm Do thái, đầu tượng trưng cho quyền bính và uy thế trong gia tộc (x. Xh 6:14), hoặc trong chi tộc (x. Ds 30:2), trong quân đội (x. Tl 11:8tt), hoặc trong quốc gia (x. Is 8:7). Theo quan niệm Hy lạp, đầu là nguồn gốc của sức sống cho thể xác. Vì thế, Chúa Kitô là thủ lãnh và nguồn sống của Giáo hội, chính vì "Ngài là đầu mọi quyền lực thần thiêng và anh em được viên mãn trong Ngài" (Cl 2:10). Vì vậy, muốn hiểu Giáo hội (và chúng ta) thì cần phải tìm hiểu về Đức Kitô trước đã.

2) Đức Kitô là viên mãn của Thiên Chúa

Tín điều đầu tiên: "Đức Giêsu là Chúa" (Cv 2:36; Pl 2:11) hàm chứa việc "mọi gối phải bái quỳ trước Danh Ngài." Lý do tối hậu là vì Ngài là Thiên Chúa (x. Ga 20:28), và vì thế là "đầu hết và cuối hết, alpha và ômêga" (Kh 22:13) cũng như Ngài là "Vua các vua và Chúa các chúa" (Kh 19:16). Còn trong kế hoạch cứu độ, Chúa Cha đã để Ngài nắm trọn tối thượng quyền trên mọi sự (x. Cl 1:18-19).

Vì Đức Kitô vừa là đầu của vũ trụ vừa là đầu của Giáo hội, nên giây liên kết của Giáo hội với thế giới phải đi qua Đức Kitô. Ngài vừa là trung gian sáng tạo vừa là cứu cánh

của mọi tạo vật, và cả hiện giờ Ngài đang làm cho mọi sự tồn tại; và chính với chức năng này mà Ngài là đầu của Giáo hội (Cl 1:15-18).²⁰

Hơn nữa, “Thiên Chúa đã vui lòng “cho tất cả viên mãn tích tụ ở nơi Người” (Cl 1:19): “viên mãn” (πλήρωμα) nghĩa là gì?²¹ Có thể có hai ý nghĩa: cái làm đầy và cái được làm đầy: Đức Kitô được tràn đầy thần tính, bởi vốn là Thiên Chúa, và đem chia sẻ sự viên mãn ấy với những ai ở trong Ngài. Đức Kitô có tất cả: thần tính, nhân tính, là Tạo hóa và tạo vật; là trưởng tử mọi thụ sinh, là trưởng tử của các kẻ sống lại từ cõi chết; trong cương vị viên mãn ấy, Ngài là trung gian của việc sáng tạo và của công trình cứu độ: mọi sự có nhờ Ngài, bất cứ ai được cứu rỗi là đều nhờ Ngài...

• *Đầu làm cho Thân thể sống động*

Đầu chuyển thông “những mạch sống” cho khắp thân thể, làm cho nó lớn lên và tăng trưởng (x. Ep 4:15-16). Đầu cũng có chức năng kết hợp các chi thể làm một cơ thể, như là một “hiệp đồng cơ năng” vì lợi ích của toàn thân. Do đó, những nhiệm vụ khác nhau (tông đồ, ngôn sứ, giảng viên, chủ chăn, v.v.) đều hợp tác để xây dựng một thân thể duy nhất (Giáo hội). Thần Khí là nguyên lý hợp nhất những khác biệt giữa các chi thể và tác dụng trong mỗi chi thể. Mọi năng lực trong Giáo hội đều từ Đầu phát xuất cả: mọi

²⁰ Muốn tìm hiểu về các văn bản này, xin xem Aletti, J.N., *Colossiens 1,15-20. Genre et exégèse du texte. Fonction de la thématique sapientielle*, AB 91, Roma 1981.

²¹ Xin xem Feuillet A., “Plérôme” trong *Diction. Bibl. Supplément*, VIII, 1972, 18-40.

ân sùng đều là ân sùng của Đức Kitô *Đầu* và có tiềm lực “kitô-hóa.” Chủ thể của các bí tích là Đức Kitô; Chủ chăn duy nhất là Đức Kitô, v.v.

Đầu (Thủ lãnh) điều hành và quản trị Thân thể

Tối thượng quyền của Đức Kitô không chỉ là một vinh tước, nhưng được thể hiện qua việc điều hành và quản trị Giáo hội. Ep 5:24 ghi nhận: “Giáo hội tùng phục Đức Kitô,” tức là để Ngài tác động và hướng dẫn mình. Như Đức Giêsu vâng phục Chúa Cha, thì cũng thế, các môn đệ phải vâng phục Đức Giêsu (x. Ga 14:23tt). Nếu quyền bính nào cũng do bởi Thiên Chúa mà có (x. Rm 13:1), và phải vâng phục chủ ông mình như Chúa Kitô (x. Ep 6:5), thì hướng chỉ là trong Giáo hội: “Ai nghe các con là nghe Ta” (Lc 10:16). Trong thân thể (Giáo hội), mọi quyền bính đều bởi Đầu mà ra. Đầu (Đức Kitô) không thiếu vắng, thế nên những “đại diện” của Ngài không có quyền xử thế như chính mình là chủ thật được (x. Mt 24:45-51), mà phải biết ý thức và tự coi mình chỉ là khí cụ của Chủ chăn duy nhất. Mặt khác, toàn cộng đoàn và mọi tín hữu cũng phải biết tùng phục các đại diện hữu hình của Đầu vô hình.

3) Giáo hội: Thân thể và sự Viên mãn của Đức Kitô

Kinh nghiệm trên đường Đamát ghi đậm dấu vết trên toàn bộ thần học của thánh Phaolô. Lúc ấy ngài nghe Đức Giêsu phán: “Saolô, Saolô, tại sao ngươi bắt bớ Ta” (Cv 9: 24), và thoáng thấy, một cách nào đó, các kitô hữu là chính Đức Kitô! Từ đó, ngài suy ra ý niệm về Giáo hội như là thân thể, và còn hơn nữa, như là chính Đức Kitô (x. 1Cr 12:12).

Ý nghĩa căn bản là Giáo hội được đồng nhất hóa với Đức Kitô, chia sẻ cùng một số phận, cùng một sứ mệnh. Thứ hai: trong Giáo hội có nhiều thành phần khác nhau, mà vẫn là một thân thể duy nhất. Thứ ba: mọi chi thể phải kết hợp với Đầu và qua Đầu, phải liên kết với nhau. Thứ tư: những chức năng khác nhau để giúp thân thể vận hành và hoạt động là do bởi Đầu mà phát sinh, chứ không bởi thân thể. Cuối cùng, Giáo hội chưa hoàn tất, vẫn còn đang lớn lên, và đang hướng về với Chúa Kitô.

Giáo hội cũng là “viên mãn” (*plerôma*) của Đức Kitô.²² Một đảng vì Giáo hội “được tràn đầy” mọi ơn phong phú của Đức Kitô, những ơn cần phải được biểu lộ ra trong thế giới và phải được tiếp tục triển khai ra trong lịch sử để hoàn tất Đức Kitô, tức là sứ mệnh của Ngài. Đảng khác, dựa theo thánh Tôma, Đức Piô XII viết: “Một cách nào đó, có thể nói rằng Giáo hội là phần bổ túc của Đức Kitô, và Ngài tự hoàn thành chính mình về mọi phương diện trong Giáo hội.”²³ Thánh Tôma viết: “Giáo hội là sự viên mãn của Đức Kitô, theo nghĩa là tất cả những gì là tiềm năng trong Giáo hội, bằng một cách nào đó, đã được hoàn tất trong các chi thể của Hội thánh Ngài.”²⁴ Các Giáo phụ Hy Lạp nói cho rằng công trình Nhập thể hoàn tất, khi vinh quang của Đầu lan tỏa qua mọi chi thể. Thánh Augustinô cũng quan niệm tương tự như vậy: “Chúa Kitô toàn diện (*totus Christus*), Đầu và các chi thể trong sự viên mãn của Giáo hội... sự viên mãn

²² Về điểm này, xin xem Benoit, P., “Corps, tête et plérôme dans les épîtres de la captivité,” *Revue Biblique* 63 (1956) 5-44; de la Potterie, J., “Le Christ, Plérôme de l’Église,” *Biblica* 58 (1977) 500-524; Mersch, E., *Le Corps Mystique du Christ*, II, ch. iv.

²³ *Mystici Corporis*, 230, DS 3813.

²⁴ Thánh Tôma, *In Ephes.* I, lect. 8.

của một con người.”²⁵

Giáo hội là lãnh vực thuộc toàn quyền Đức Kitô, nghĩa là tràn đầy quyền năng cứu độ của Thiên Chúa; qua Giáo hội Đức Kitô thống trị trên thế giới và đưa dẫn nhân loại về với Chúa Cha: đó là sự viên mãn của chức năng trung gian. Là Chúa tể căn khôn (x. Ep 1:20-23), là Đầu của Giáo hội, Đức Kitô thu hợp mọi sự thành một dưới quyền bính Ngài (x. Ep 1:10): đó là giáo lý của Vaticanô II về Giáo hội, xác quyết Giáo hội là “bí tích hiệp nhất” (LG 1a). Khác, Đức Kitô đã truất phế các quyền lực thần thiêng (một quan niệm hay một lối diễn đạt bình dân dựa theo thần thoại ngộ giáo) (x. Cl 2:15; Ep 1:21) và nhờ Giáo hội, Ngài thống trị chúng (x. Ep 3:10): Thân thể Đức Kitô là môi trường của tự do (x. Cl 2:16-22).

3. Linh hồn của Nhiệm thể

“Để chúng ta không ngừng canh tân trong Người (x. Ep 4:23), Người đã cho chúng ta thông dự vào Thánh Thần của Người, là chính Đấng duy nhất hiện hữu nơi Đầu cũng như trong các chi thể, và hằng làm cho sống động, liên kết cũng như thúc giục toàn thân, khiến các thánh Giáo Phụ đã ví tác động của Chúa Thánh Thần với công việc mà linh hồn, nguyên lý của sự sống, hoàn thành nơi thân xác con người” (LG 7g).

Khi hiểu Giáo hội là một “thân thể,” thì đương nhiên sẽ đặt câu hỏi: “linh hồn” Giáo hội ở đâu? Nhưng rồi câu trả lời cũng được tự nhiên tìm thấy: linh hồn của Thân thể Đức

²⁵ *Sermo* 341, PL 39. 1493.

Kitô là Thần Khí của Đức Kitô!²⁶ Đừng quên là ở đây phép ẩn dụ đang được dùng đến để biểu đạt. Dù thần học có thể nói rằng tương quan giữa Thánh Linh và Giáo hội giống như tương quan giữa hồn và xác; nhưng, vì đây là phạm vi mầu nhiệm, nên cần phải nói rõ ngay là lối diễn đạt thần học dùng đến trên đây là lối diễn đạt theo phép loại suy, và vì thế phần tương dị thì lớn hơn hẳn phần tương đồng.

a. Giáo lý Kinh Thánh

Trong Kinh Thánh, vai trò của Thánh Linh trong Giáo hội được quan niệm là tương tự như vai trò của linh hồn trong thể xác.²⁷ Trước tiên, Ngài là nguyên lý hiệp nhất của cộng đoàn và của toàn thể Hội thánh (x. 1Cr 12: 12-24; Ep 4:3-4), vì Ngài là nguyên lý hiệp nhất của đức tin (x. Ga 14: 16.17.26) và của thể chế (x. Cv 20:28; 1Cr 12). Thần Khí là nguyên lý sự sống của Giáo hội, vì mọi kitô hữu đã được sinh ra bởi Ngài qua Phép rửa (x. Ga 3:5; Tt 3:5), và Ngài hằng cư ngụ trong họ (x. Rm 8:9; 1Cr 6:19) làm cho họ sống (x. Gl 5:25). Trong thân thể Giáo hội, Thần Khí là nguồn xuất phát của mọi đoàn sủng và, qua chúng, của những “cơ năng” (nhiệm vụ) khác nhau (x. 1Cr 12:4t; Rm 12:4-8; Ep 4:11). Thật ra, Thần Khí đóng cùng một vai trò trong các chi thể cũng như nơi Đầu (x. Rm 8:9-11). Một xác không hồn là một thân ma; Giáo hội cũng như mỗi chi thể mà không có Thần Khí thì cũng chẳng khác chỉ những thân ma: chẳng làm gì được, chẳng còn là gì về mặt siêu nhiên, trong kế

²⁶ Thánh Piô X gọi Thánh Thể là “linh hồn của Giáo hội” (DS 3364).

²⁷ Xin xem Haya-Prats, G., *L'Esprit force de l'Église. Sa nature et son activité d'après les Actes des Apôtres*, Paris, Cerf 1975.

hoạch cứu độ.

b. Theo truyền thống: Thần Khí là linh hồn của Giáo hội

Những lý chứng về điểm này thì vô kể.²⁸ Ở đây, chỉ xin đan cử một vài thí dụ. Bên Đông phương, thánh Gioan Kim khẩu viết: “Sự duy nhất của Thánh Linh là gì? Như trong thân thể chỉ có một tâm linh ở mọi chi thể và làm cho tất cả thành một; Thánh Linh cũng hoạt động tương tự như thế ở trong Giáo hội. Ngài đã được ban cho để kết hợp mọi dị biệt giữa những chủng tộc hoặc phong hóa khác nhau: kẻ già với người trẻ, người giàu với kẻ nghèo, hạng nhỏ bé với hạng lớn mạnh, nam giới với nữ giới, mọi người trong Giáo hội nên một, được nối kết chặt chẽ với nhau hơn cả trong một thân thể duy nhất.”²⁹ Bên Tây phương, thánh Âugutinô còn miêu tả minh nhiên hơn: “Hãy thử xem các chi thể của chúng ta: thân thể do nhiều chi thể hợp thành; nhưng chỉ có một tâm linh hiện tồn và hoạt động trong mọi chi thể... Tâm linh chúng ta như thế nào, nghĩa là linh hồn chúng ta đối với các chi thể mình thế nào, thì Thánh Linh cũng như vậy đối với các chi thể của Đức Kitô, đối với thân thể Đức Kitô là Giáo hội.”³⁰

²⁸ Xin xem S. Tromp, *De Spiritu Sancto anima corporis mystici: testimonia selecta ex SS. Patribus*, Roma 1932 (hai c. số).

²⁹ *In epistulam ad Ephesios homiliae* 9.3, PG 62.72.

³⁰ *Sermo* 268.2, PL 38.1232.

c. *Giáo huấn*

Trong thông điệp *Divinum illud* (năm 1897), Đức Lêô XIII, đã đề cập đến chủ đề này và kết thúc với câu viết như sau: “Nếu cần rút gọn mà nói thì chỉ phải lưu ý rằng nếu Đức Kitô là Đầu của Giáo hội, thì Thánh Thần là Linh hồn của Giáo hội” (DS 3328). Đặc biệt, trong *Mystici Corporis* (năm 1943) Đức Piô XII cũng đã khai triển tư tưởng này: vì Thánh Thần là “Thần Khí của Đức Kitô” hoặc “Thần Khí của Con” (Rm 8:9; 2Cr 3:17; Gl 4:6), ắt cũng là “linh hồn của Giáo hội” (DS 3807tt). Công đồng Vaticanô II đã phê chuẩn giáo lý này: “Qua mọi thời đại, Chúa Thánh Thần hợp nhất toàn thể Giáo hội bằng niềm hiệp thông và việc thực thi tác vụ, ban phát cho các ơn phẩm trật và đoàn sủng khác nhau, để, tựa như linh hồn, chuyển sức năng sinh động cho các định chế trong Giáo hội...” (AG 4). Thánh Linh là nguyên lý trực tiếp của sức sống trong Giáo hội. Đức Kitô (Đầu) chuyển thông Thánh Linh của Ngài để thánh hóa thân thể; Hiến chế *Lumen Gentium*, số 7g, đã diễn tả hoạt động của Thánh Linh bằng ba động từ căn bản: *vivificat* (“làm sống động”), *unificat* (“thống nhất”) và *movet* (“thúc giục”). Kinh Tin kính tuyên xưng: “Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống.” Công đồng đã nói lên lại niềm xác tín này trong nhiều lần và nhiều đoạn của các văn kiện.³¹

³¹ Thí dụ: “Nhờ Thánh thần, Chúa Cha hồi sinh những kẻ đã chết vì tội lỗi” (LG 4). Nhờ Ngài, Đức Kitô “làm sống động toàn thân” (LG 7); “làm sống động toàn thể cơ cấu” của Giáo hội (LG 8a); vì Ngài là “Chúa và là Đấng ban sự sống” (13a), “ban sự sống cho tín hữu” (34a), “cho các môn đồ” (48b), “cho Dân Chúa” (AA 29c), “cho các thừa tác viên” (PO 12c); “cùng chính Người sẽ

Thánh Linh cũng là nguyên lý tăng trưởng của Giáo hội. Ngài luôn canh tân Thân thể Đức Kitô khiến Giáo hội tiến phát lên mãi trong lịch sử loài người cho đến khi đạt sự viên mãn trong Thiên Chúa (LG 7g,h). Là linh hồn của hoạt động truyền giáo, Thánh Linh làm cho Giáo hội phát triển lớn mạnh (AG 5); đã. Hơn nữa, Ngài còn “thúc đẩy” Giáo hội cộng tác với Ngài trong việc rao truyền Phúc âm, đến nỗi lòng nhiệt thành truyền giáo được coi là dấu chỉ khả giác của sự việc Thánh Linh thực sự hiện diện trong Giáo hội; và ngược lại, khi thấy một Giáo hội không còn để tâm cho lo cho công tác ‘phúc-âm-hóa’ môi trường xã hội của mình nữa, thì có thể có lý để nghi ngờ là không biết Giáo hội ấy còn sống theo Thánh Linh hay không...

Tuy nhiên, cần phải biết dừng đến điểm giáo lý này cho cẩn thận, vì Thánh Linh và Giáo hội không phải và cũng không bao giờ trở nên một “ngôi vị” độc nhất: Chúa Ngôi Ba đã không nhập thể vào trong Giáo hội! Hơn nữa, khác với “linh hồn,” Thánh Thần có thể hoạt động từ ngoài thân thể.

KẾT LUẬN

Thần học về Nhiệm thể giúp cho hiểu khía cạnh “nhiệm mẫu” của Giáo hội. Dù Vaticanô II có nhận ra một sự tương tự nào đó so với mẫu nhiệm nhập thể,³² nhưng cũng đã cố

làm sống động thân thể hay hư nát của anh em nhờ Thánh Thần Người ở cùng anh em” (GS 22d).

³² “Nhờ phương thức loại suy xác đáng, chúng ta có thể ví Giáo hội với mẫu nhiệm Ngôi Lời nhập thể; thực vậy, nhân tính được Ngôi Lời Thiên Chúa mặc lấy hầu phục vụ Ngài như cơ quan cứu rỗi sống động, và kết hợp với

tránh khai triển giáo lý theo chiều hướng và cách kiểu ấy, và cũng đã tránh dùng lối nói Giáo hội là Đức Kitô “kéo dài” ra trong lịch sử,³³ bởi rốt cuộc Giáo hội chỉ là một tạo vật. Đàng khác, quan niệm thánh Phaolô nói lên trong hai thư Cô lô xê và Ê phê sô, không hoàn toàn ăn khớp với cơ cấu trần thế của Giáo hội; nhưng là cái gì rộng hơn, là hiện thân của mẫu nhiệm cứu độ và canh tân vũ trụ: Giáo hội cụ thể là môi trường trong đó, mẫu nhiệm ấy tỏ hiện rõ ràng nhất.

Là thân thể Đức Kitô, Giáo hội trước hết là một thực thể thuộc về Ngài, và như Ngài là một, thì Giáo hội cũng là duy nhất. Tuy nhiên, những chi thể khác nhau, tức những chức năng và nhiệm vụ khác nhau, là yếu tố cấu tạo thân thể: độc nhất tính và đa dạng tính đều thuộc bản chất của thân thể này. Là thân thể của Đức Kitô vinh hiển, Giáo hội là bí tích của Ngài ở giữa lòng lịch sử loài người.

Nói cho đúng ra, “nhiệm thể” là Thánh Thể; Giáo hội và bí tích này “tương thuộc” với nhau. Giáo hội cử hành Thánh Lễ là hiện thực hóa chính bản chất của mình: kết hiệp với Đầu trong sự khác biệt của các chi thể (giáo phẩm và giáo dân), và đồng thời kín mức nhựa sống từ nguồn mạch trường sinh.

Nhiệm thể thì rộng lớn hơn Giáo hội hữu hình, và còn tiếp tục lớn lên mãi cho đến khi đạt đến mức viên mãn Chúa Cha đã ấn định từ muôn thuở. “Đức Kitô toàn thể,”

Ngài cách bất khả phân ly; thì cùng thể, toàn thể cơ cấu xã hội của Giáo hội phục vụ Thần Khí của Chúa Kitô, Đấng làm cho Giáo hội sống động để toàn thân thể được lớn lên (x. Ep 4;16)” (LG 8a).

³³ “Mẫu nhiệm cứu độ thần linh này được mạc khải cho chúng ta và vẫn tiếp tục trong Giáo hội, Giáo hội mà Đức Chúa đã lập nên làm thân thể Ngài...” (LG 52a).

“Adam mới” này chỉ có thể đạt tới mức hoàn hảo toàn vẹn khi mọi chi thể của Ngài đã được tháp nhập vào thân thể Ngài. Giáo hội có một chiều kích cánh chung, và chiều kích ấy sẽ thành tựu trọn vẹn khi Đức Kitô quang lâm với hết mọi chi thể – đích danh hay vô danh – của Ngài, những kẻ mà chỉ một mình Thiên Chúa biết lòng tin của họ.

III

GIÁO HỘI LÀ MỘT BÍ TÍCH

Giáo hội ở trong Đức Kitô như là bí tích hoặc dấu chỉ và là khí cụ của dây kết hợp mật thiết với Thiên Chúa, và giữa toàn thể nhân loại..." (LG 1a).

Nhận thức và giới thiệu Giáo hội là một bí tích, quả là một điểm khám phá tốt đẹp và hữu ích của công đồng Vaticanô II, giúp mô tả rõ mối tương quan giữa Giáo hội và Đức Kitô. Tương tự như Đức Kitô là bí tích của Chúa Cha (Ngài là hình ảnh *hữu hình* của Thiên Chúa *vô hình*: Cl 1:15), thì cũng vậy, Giáo hội là thực tại hữu hình làm biểu tượng cho Đức Kitô, là dấu chỉ cho thấy sự hiện diện của Ngài, và là dụng cụ Ngài dùng để thực hiện công trình cứu độ suốt giữa dòng lịch sử loài người.

Lumen Gentium áp dụng khái niệm "bí tích" cho Giáo hội theo nghĩa loại suy, chứ không theo đơn nghĩa như khi nói về "bảy bí tích." Thời trước công đồng, nhiều tác giả cũng đã từng dùng đến khái niệm này; đó chỉ là hình thức phản ánh một quan niệm cổ truyền về nhiệm vụ làm trung gian được trao phó cho Giáo hội ở trong kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa.

Hiến chế về Phụng vụ khẳng quyết: "Từ cạnh sườn Chúa Kitô chịu chết trên thập giá, đã phát sinh bí tích nhiệm lạ là Giáo hội" (SC 5). Danh xưng này được Hiến chế *Lumen Gentium* dùng như một cách định nghĩa Giáo hội. Hiến chế ghi rõ là: "Khi bị treo lên khỏi đất, Chúa Kitô đã kéo mọi

người đón với mình. Khi từ kẻ chết sống lại, Ngài đã phái gửi Thánh Thần ban sự sống đến với các môn đệ, và nhờ Thánh Thần thiết lập thân thể Ngài là Giáo hội, như là bí tích cứu độ phổ quát” (LG 48). “Bí tích phổ quát” này cũng được gọi là “bí tích hữu hình của sự hiệp nhất cứu độ cho toàn thể và cho mỗi người” (LG 9). Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, Giáo hội được *chính thức* định nghĩa như một bí tích. Vậy, sự kiện này muốn nói gì?

1. “Bí tích Giáo hội”

“Bí tích” là gì? Thần học định nghĩa: “bí tích” là “dấu chỉ hữu hiệu của ân sủng,” hoặc theo Vaticanô II là “dấu chỉ và dụng cụ của việc kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa.”¹ Còn theo thánh Tôma thì “bí tích” là “những gì có quan hệ với sự thánh thiện, trong tư cách là nguyên nhân, là dấu chỉ, hoặc là trong một dạng quan hệ nào khác.”² Với những loại phạm tửu hiện sinh hơn, bí tích được quan niệm như là biểu tượng Thiên Chúa dùng để mời gọi con người đón nhận ân sủng mà bí tích chứa đựng. Biểu tượng này linh nghiệm vì Thiên Chúa trung thành: Người đặt Giáo hội làm khí cụ cứu

¹ *Sách Giáo Lý...* giải nghĩa như sau: “Từ Hy Lạp *mysterion* được dịch ra tiếng Latinh thành hai từ *mysterium* (mầu nhiệm) và *sacramentum* (bí tích)... “bí tích” nói lên dấu hiệu hữu hình của thực tại bí ẩn của ơn cứu độ ... Công cuộc cứu độ của nhân tính thánh thiện và thánh hóa của Ngài là bí tích ơn cứu độ, được bày tỏ và hoạt động trong các bí tích của Giáo hội (mà các Giáo hội Đông phương cũng gọi là “các mầu nhiệm thánh”). Bấy bí tích là những dấu hiệu và dụng cụ Chúa Thánh Thần dùng để ban phát ân sủng của Chúa Kitô là Đầu, trong Giáo hội là Thân thể Ngài. Như vậy, Giáo hội nắm giữ và thông ban ân sủng vô hình mà Giáo hội là dấu hiệu. Chính theo nghĩa tương tự này mà Giáo hội được gọi là “bí tích” (số 774).

² *Summa*, III, 60, 1.

độ; thế nên, hễ ai gia nhập Giáo hội là được đón nhận vào trong lãnh vực cứu độ, và chính Thiên Chúa đích thân đảm bảo cho người ấy nhận được ơn cứu độ, nếu biết trung thành, không từ chối, không phản bội.

Công đồng cố ý dùng giới từ *như* (“như” một bí tích) để nói lên chủ ý muốn áp dụng ý niệm “bí tích” cho Giáo hội một cách loại suy, tức là theo cách khác so với “bảy bí tích” theo nghĩa quen thuộc; thế nên, không có chuyện có tám bí tích! Thần học hàng quan niệm Đức Kitô là “bí tích cơ bản,” vì Ngài là hiện thân của Thiên Chúa vô hình, là dấu chỉ của tình yêu Thiên Chúa đối với loài người, là trung gian (vừa dụng cụ vừa chủ thể) của ơn cứu độ; hơn nữa, chính bản thân Ngài là ân sủng tối thượng Thiên Chúa ban cho loài người. Đức Giêsu (con người) là trung gian làm cho chúng ta được kết hiệp với Thiên Chúa và nhận được mọi ơn Người ban. Công đồng Trentô dạy rằng các bí tích “chứa đựng ân sủng mà chúng biểu thị” (DS 1606); có thể mới thấy rõ Đức Kitô thật là “bí tích cơ bản.” Mà Giáo hội là thân thể Đức Kitô, cho nên trong Ngài và nhờ kết hợp với Ngài là Đầu, Giáo hội thông dự vào nhiệm vụ hay sứ mạng bí tích của Ngài.

“Bí tích tính” không nói lên bản chất, song là chức năng của Giáo hội. Không giống những dân tộc khác (như dân Việt Nam, dân Do thái, v.v.), Giáo hội có một chức năng biểu tượng; không giống những xã hội khác (các quốc gia, chẳng hạn), Giáo hội không có, không mang trong mình mục đích của riêng mình: đó là “đặc tính cá biệt” của Giáo hội.

Bí tích tính này được thông chuyển trước hết cho bảy bí tích, rồi cho Lời Chúa trong phụng vụ, cho các á bí tích, và cả cho các cơ chế của Giáo hội nữa, dù theo những mức độ rất khác nhau.

2. Nhiệm vụ bí tích

Muốn hiểu rõ hơn bí tích tính của Giáo hội, thì cần phải biết đặt Giáo hội vào trong toàn cục kế hoạch cứu độ. Xưa nay, Thiên Chúa thường dùng những dấu hiệu để giao tiếp với con người. Tại sao lại thế? Vì Người muốn vậy, nhưng cũng còn vì bản chất của sự việc: Thiên Chúa tuyệt đối vô hình; chỉ nhờ Con của Người nhập thể, con người mới được biết Người: “Không ai đã thấy Thiên Chúa bao giờ, nhưng Con Một... đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1:18); cụ thể hơn: ai thấy Đức Giêsu là thấy Chúa Cha (x. Ga 14:9): đó chính là trường hợp điển hình của bí tích chuẩn tắc. Bản tính con người bao giờ cũng cần đến những hệ thống biểu tượng để mà sinh hoạt và phát triển.³

Quả vậy, kế hoạch cứu độ được tóm gọn vào trong mẫu nhiệm nhập thể: Thiên Chúa trở nên xác phàm, Ngài là con đường cứu độ. Đức Kitô không chỉ là kho tàng tích chứa mọi ân sủng, không chỉ là trung gian duy nhất đưa dẫn lên với Thiên Chúa, mà còn là “mẫu mực” của những “đường lối” của Thiên Chúa nữa. Nơi Đức Kitô, vật chất trở nên dụng cụ cứu độ; nơi Đức Kitô, những cử chỉ và hoạt động của con người trở nên những cử chỉ và hoạt động của Thiên Chúa cứu độ; nơi Đức Kitô, thần tính cứu rỗi chúng ta qua nhân tính. Các Giáo phụ đã cương quyết bảo vệ “nhiệm vụ bí

³ Xin xem Chauvet, L.M., *Du symbolique au symbole. Essai sur les sacrements*, Paris 1979; idem. *Symbolisme et sacrement. Une relecture sacramentelle de l'existence chrétienne*, Paris 1987; Van Roo, W.A., *The Christian Sacrament*, Roma PUG 1992; Rahner, K., “Theology of the Symbol,” *Theological Investigations IV*, Baltimore: Helicon Press 1966, tr. 221-252; Domergue, M., “Nhập thể và Bí tích,” *Hợp Tuyển Thần Học*, số 5 (1992) 105-115.

tích” khi kết án các lạc giáo khinh miệt vật chất, như là ảo thân thuyết, ngộ giáo, thuyết tân Platô, hay là thuyết nhị nguyên, v.v.: tất cả đều phủ nhận các bí tích.⁴ Những phong trào có khuynh hướng duy linh, như thanh giáo (Cathari, Albigeois...), hoặc chủ trương từ chối những mối trung gian, Tin lành, v.v.: đều phản đối hệ thống bí tích.

Dẫu rằng, tuyệt đối mà nói, “chế độ bí tích” không nhất thiết là cần cho bản tính loài người; nhưng nếu dựa theo con người cụ thể – với bản chất vật thể và xã hội – mà nói, thì quả phải nhận là chế độ bí tích rất thích hợp với bản chất loài người. Thần học cổ điển thường nghĩ là “nếu Adam không phạm tội” thì bí tích cũng sẽ không có.⁵ Trái lại, Phanxicô Suárez chủ trương rằng dù không có tội, con người cũng vẫn cần đến các bí tích để giao tiếp và trao đổi với Thiên Chúa. Vì tự nhiên, con người cần dùng đến những dấu chỉ để diễn tả lòng tôn kính và niềm tin của mình đối với Đấng Tối Cao vô hình, cũng như để biểu hiện mối hiệp nhất tôn giáo giữa xã hội, v.v.⁶

⁴ Ví dụ, Inhaxiô Antiôkia, *Ad Smyrn.* 6, Irênêô, *Adv. haer.* 4.18.5; 5.1.3, v.v.; Tertullianô, *Adv. Marcionem* I, 28.29; *De carne Christi* 9, v.v.

⁵ Chẳng hạn thánh Tôma, *III.61.2*; *4 Sententiarum*, d.1.9.1a2; ngài theo lập trường thánh Augustino, *De Genesi contra manichaeos* 2.4, PL 34.198.

⁶ *Sách Giáo Lý của Công Đồng Trentô* (II, ch.1, số 14) đưa ra những lý do như sau: 1) Bản tính nhân loại cần đến giác quan để đạt tới sự vô hình; 2) Các dấu chỉ biểu lộ tôn ý của Thiên Chúa liên quan đến các lời hứa, và khích lệ con người tin tưởng vào Người; 3) Nhờ các bí tích, ân sủng đến với chúng ta một cách hợp với bản tính nhân loại hơn; các bí tích là phương thuốc chữa trị tính yếu hèn của chúng ta; 4) Một cộng đoàn tín hữu cần có dấu chỉ chung để bảo đảm sự hiệp nhất; 5) Những bí tích là phương tiện để công khai tuyên xưng đức tin trước mặt mọi người; 6) Những dấu chỉ như thế có khả năng cổ vũ lòng tin tưởng và tình thương giữa các tín hữu với nhau; 7) Các bí tích giúp chúng

Thật ra, trong chương trình của Thiên Chúa, công cuộc tạo dựng và cứu chuộc chỉ là hai mặt của cùng một thực tại. Tự nhiên và siêu nhiên, bản chất con người và ân sủng của Thiên Chúa, không chống đối nhau, song chặt chẽ ăn khớp với nhau. Tạo vật là sứ giả đầu tiên Thiên Chúa phái gửi đến với con người để tường thuật vinh quang của Người (x. Tv 19:1). Qua các tạo vật, Thiên Chúa mạc khải chính mình cho con người, và qua đó chuyển ban đến lương dân ơn cứu độ của Người (x. Kn 13:1-9; Rm 1:20). Cựu Ước cho thấy Thiên Chúa dùng các biến cố làm trung gian mạc khải, hết như khi Người dùng các cơ chế hoặc các tiên tri. Thường thường Thiên Chúa giao tiếp với dân Người qua biến cố và lời nói, là như hai phương cách bổ túc cho nhau (DV 1). Thiên Chúa vô tận, bất khả tri đối với trí lực hữu hạn loài người; vì thế, chính Người đã tự đặt mình trong tâm nhận thức của con người qua những hình ảnh, dấu chỉ, và biểu tượng.

Nhân chủng học hiện đại đã nêu bật cho thấy rằng tự bản chất, con người là một biểu tượng.⁷ Trong thực tế, chỉ khi “ý nghĩa” của một cá nhân con người được người khác nhận là “có nhân tính,” thì người ấy mới trở nên “một kẻ nào đó.” Nhưng bất cứ “ý nghĩa” nào cũng đều phải được hiểu qua dấu chỉ. Không có dấu chỉ và biểu tượng, con người không

ta sống khiêm nhường: đòi con người chúng ta phải chấp nhận những dấu chỉ khả giác vì vâng lời Thiên Chúa.

⁷ Xin xem Guenon R., *Symboles fondamentaux de la science sacrée*, Paris, Gallimard 1962; Jung, C.G., *L'homme et ses symboles*, Laffont-Port Royal 1964; Sterckx, S., *Introduction au monde des symboles*, Zodiaque 1966; Bouyer, L., *Le rite et l'homme*, Cerf 1962; Innis, R., (ed.) *Semiotics. An Introductory Anthology*, Bloomington, 1985; Melchiorre, V., *Simbolo e conoscenza*, Milano, 1988.

thể sống được. Ngôn ngữ chẳng hạn là một hệ thống biểu tượng. Vì thế, đứng tách ra khỏi xã hội – là một mạng dẹt từ những biểu tượng – một cá nhân không thể thành tựu chính mình được. Hơn nữa, Thiên Chúa đã dựng nên con người theo hình ảnh của Người; bởi thế, con người biểu thị những thực tại vượt hẳn lên trên chính mình, và hướng về với một đích điểm nằm ở “phía bên kia” cá nhân mình: con người là “bí tích” của Thiên Chúa. Vì vậy, con người có thể nhận ra Thiên Chúa khi tiến sâu vào trong thâm tâm của mình, hoặc là khi nhìn vào dung mạo người khác. Và vì con người mang đậm tính chất tôn giáo, cho nên cái mạng biểu tượng kia càng giúp cho con người có được những điều kiện thuận lợi để phát huy đặc tính ấy. Bởi tôn giáo biểu hiện qua một hệ thống biểu tượng, nghĩa là một hệ thống những nghi thức, những cuộc lễ, những nơi thánh, v.v.; nói cách khác: qua một hệ thống bí tích.

Đã dựng nên chúng ta làm con người, Thiên Chúa cũng muốn cứu rỗi chúng ta theo kiểu cách phù hợp với bản tính con người: vì con người là xác thể, nên Thiên Chúa đã dùng vật chất làm khí cụ cứu độ; vì mang xã hội tính, nên con người được cứu rỗi trong một xã hội và qua một xã hội, tức là Giáo hội; vì mang chiều kích thời gian, nên con người được Thiên Chúa tự mặc khải cho biết qua lịch sử và một cách lịch sử. Vũ trụ vận hành theo đà tiến hóa, nghĩa là Thiên Chúa đã đặt sẵn ở trong vật chất một tiềm năng có sức nảy nở để phát sinh muôn loài muôn vật và hết mọi sinh linh; thì kế hoạch cứu độ cũng thế: tiềm năng tôn giáo của tạo vật sẽ phát triển để tạo thành muôn vàn dạng loại nghi thức, biểu tượng, tôn giáo... Mặt khác, trong vũ trụ mỗi sự vật đều phát sinh từ sự vật khác, thì trong “vũ trụ cứu độ” cũng vậy và đó là hệ thống trung gian: Thiên Chúa cứu vớt

qua trung gian của người khác: qua Abraham, Người cứu ông Lót khỏi thành Sôđôma (St 18:22); qua Môsê, Yavê ban giao ước, v.v.; hoặc qua trung gian của một cơ chế, như: hàng tư tế, Đền thờ, Lệ luật, v.v.

Nhưng vì con người được quyền tự do, nên cơ chế cứu độ cũng phải hòa nhịp với khả năng tự trị này: vì thế, các bí tích không tác dụng một cách tự động, mà phải tùy vào ý hướng của thừa tác viên và tình trạng tâm hồn của người lãnh nhận.

3. Đức Kitô: bí tích cội nguồn

Đức Kitô là hiện thân sống động của Thiên Chúa nhân hậu (x. Tt 3:4): “Quả là lớn lao thật, Mầu nhiệm của chân đạo! (*pietatis sacramentum*) đã hiển hiện trong xác thịt...” (LThm 3:16). Con người Giêsu chứa đựng ân sủng tạo hóa (là chính Thiên Chúa) và ân sủng thụ tạo cao cả (là thực tại Ngôi hiệp), mà thần học gọi là “ân sủng thủ lãnh” (*gratia capititalis*), vì là ân sủng của Đầu, tức là nguồn ân sủng cho toàn thân. Đức Kitô không chỉ là dấu hiệu làm cho chúng ta biết Chúa Cha, mà là dấu hiệu “hiện thể hóa” Chúa Cha cho chúng ta; vì thế, ai thấy Ngài là thấy Chúa Cha: Đức Giêsu là bí tích của Chúa Cha. Đàng khác, Ngài là hiện thân của mầu nhiệm cứu độ; vì thế, ai gặp Ngài, tiếp xúc và chạm vào Ngài, là được nối liền với nguồn mạch ơn cứu độ, là được lành mạnh (x. Mt 9:20-22).

Con người Giêsu là công cụ của Thiên Chúa dùng để cứu độ thế gian: công cụ hoàn hảo, vừa hoàn toàn tự do, vừa hoàn toàn quy phục thánh ý Chúa Cha. Đức Giêsu là Ngôi Lời: như nhân vị của chúng ta chỉ hoạt động qua thể xác sống

động, thì ngôi vị Đức Kitô cũng hành động như vậy: Ngài chữa lành người phong cùi (x. Mt 8:3tt) hoặc tha thứ tội lỗi (x. Mt 9:2); Ngài muốn chia sẻ vinh quang với các bạn hữu mình (x. Ga 17:24) và mang ơn cứu độ đến cho các đồng bào từ chối đón nhận Ngài (x. Mt 23:37); và bây giờ Ngài đang không ngừng kết hiệp những gì đã bị phân tán (x. Ga 11:52; 12:32), cùng làm dụng cụ để Thiên Chúa hòa giải thế gian với chính mình (x. 2Cr 5:19). Thân xác của Ngài là nguồn trường sinh (x. Ga 6:53tt), và ngoài Ngài ra thì chẳng có được ơn cứu độ (x. Cv 4:12). “Đức Kitô là *bí tích* vì Ngài phối kết một ân sủng vô hình tổng quát với một hình thể khả giác có khả năng biểu thị và ban chuyển ân sủng ấy. Là bí tích *cứu độ*, vì Ngài mang trong Ngài sự hòa giải qua máu Ngài, giao ước mới và chung quyết, ơn làm con Thiên Chúa trong ân sủng, niềm hy vọng được vinh hiển, bảo chứng quyền thừa kế của con cái Thiên Chúa, mối hiệp thông mật thiết với Người, và giây hiệp nhất mọi con cái Thiên Chúa thành một dân tộc, một thân thể.”⁸ Sách Giáo lý dạy rằng: “Như vậy nhân tính của Ngài được coi như ‘bí tích,’ nghĩa là dấu hiệu và dụng cụ của thần tính Ngài và của ơn cứu độ mà Ngài mang đến cho ta: những gì hữu hình trong cuộc sống trần thế của Ngài, dẫn đưa chúng ta tới mầu nhiệm vô hình về thân thể làm Con Thiên Chúa của Ngài và về sứ mạng cứu độ của Ngài” (số 515). Vậy, Đức Kitô là bí tích căn nguyên của mọi bí tích.

⁸ Y. Congar, *Un peuple messianique*, Paris 1975, trg 18; xem Schillebeeckx, E., *Le Christ sacrement de la rencontre de Dieu*, Paris 1960.

4. Giáo hội là một Bí tích trong Đức Kitô

Như đã thấy, Vaticanô II gọi Giáo hội là “bí tích phổ quát của ơn cứu độ.” *Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo* nhận định thêm rằng Giáo hội là “bí tích biểu hiện sứ mạng của Đức Kitô và của Thánh thần” (số 738), và là “bí tích, nghĩa là dấu hiệu và là dụng cụ, của chính sự sống Thiên Chúa” (số 932). Sở dĩ Giáo hội là bí tích thì chính là vì Giáo hội ở trong Đức Kitô và tùy thuộc vào Ngài. Giáo hội là bộ mặt xã hội của Đức Kitô, nêu bật sự hiện diện cứu độ của Ngài ở trong thế giới: như dấu hoạt động qua thân thể, thì cũng vậy, Đức Kitô hoạt động qua Giáo hội.

Về một số khía cạnh, Giáo hội giống như mẫu nhiệm Nhập thể (LG 8). Trong thông điệp *Satis cognitum* (1896), Đức Lêô XIII viết rằng: “Như Đức Kitô, là Đầu và là Mẫu mực của Giáo hội, sẽ không phải là toàn vẹn nếu chỉ được nhận biết đơn thuần qua nhân tính hữu hình của Ngài... hoặc qua thần tính vô hình của Ngài mà thôi, ... vì Ngài là một trong và từ hai bản tính, hữu hình cũng như vô hình; thì cũng thế, Nhiệm thể của Ngài sẽ không phải là Giáo hội thật nếu không có sự việc các yếu tố hữu hình kín mức sức sống và năng lực từ những ân huệ siêu nhiên vô hình...” (DS 3301). Mặt vô hình của Giáo hội hiện tại ở sự hiện diện của Đức Kitô và Thánh Khí, như Đức Piô XII viết: “Đức Kitô hoạt động trong Giáo hội mật thiết đến độ có thể coi Giáo hội như là một ‘ngôi vị khác’ của Ngài,”⁹ và trích dẫn thánh Augustinô, Đức Piô XII viết tiếp: trong Giáo hội “Đức Kitô rao giảng Đức Kitô.”¹⁰ Thánh Tôma viết: “Đầu và các chi thể là

⁹ Thông điệp *Mediator Dei* AAS 35 (1943) 218.

¹⁰ *Sermo* 354.1, PL 39. 1536.

như một ngôi vị huyền nhiệm."¹¹ Vì Thần Khí hiện diện như vậy, nên công đồng Vaticanô II đã dựa theo một thứ loại suy để so sánh Giáo hội với mẫu nhiệm Nhập thể;¹² nhưng chức năng của Thần Khí trong Giáo hội thì khác hẳn với chức năng của Ngôi Lời trong Đức Kitô!

Trái với thần học kinh viện, thần học tân đại bàn luận rất nhiều về chủ đề này. Thế kỷ 19, M. J. Scheeben đã nêu lên tính chất bí tích của Giáo hội; nhưng có lẽ người gây được ảnh hưởng lớn nhất trong vấn đề này và có sức thu hút nhiều thần học gia lưng danh thuận theo quan điểm của mình,¹³ là Otto Semmelroth.¹⁴ Lợi điểm của ý niệm "bí tích" là ở chỗ có khả năng nêu bật thế quân bình giữa hai loại yếu tố cấu thành trong bản chất thần-nhân của Giáo hội, tức là vừa hữu hình vừa vô hình, vừa nhân loại vừa thần thiêng, vừa xã hội vừa mẫu nhiệm, vừa thể chế vừa đoàn sủng, v.v.

Lý do cuối cùng giải thích tại sao Giáo hội lại mang tính chất bí tích, thì cũng hết giống như lý do giải thích tại sao có cuộc Nhập thể: là để con người nhận được ơn cứu rỗi qua con người. Muốn chuyển thông ơn cứu rỗi cho mọi người, Đức Kitô phục sinh cần dùng đến một công cụ có tính chất lịch sử và xã hội, hiện diện ở khắp nơi và trong mọi lúc: đó là Giáo hội.

¹¹ *Summa Theologica* II.48.2 ad 1.

¹² Đừng quên là phép loại suy này nói lên một sự dị biệt lớn hơn là sự tương đồng: xem Y. Congar, "Dogme christologique et ecclésiologie. Vérité et limites d'un parallèle," trong *Sainte Église*, tr. 69-104.

¹³ Về lịch sử liên quan đến điểm này, xin xem Bernardi, M., *Zur Lehre von der Kirche als Sakrament. Beobachtungen aus der Theologie des 19. u. 20. Jahrhunderts*, trong *Muenchner Theol. Zeitschr.*, 1969, 29-54.

¹⁴ O. Semmelroth, *Die Kirche als Ur-Sakrament*, Frankfurt 1953.

5. Dấu chỉ và Ân sủng của bí tích ấy

a. Dựa theo Isaia 11:12, công đồng Vaticanô I gọi Giáo hội là “dấu hiệu đã mọc lên giữa các dân tộc” (DS 3014), và Vaticanô II nói rằng ánh sáng của Đức Kitô chiếu tỏa trên khuôn mặt của Giáo hội (LG 1); và nếu Giáo hội là thành xây trên đá (x. Mt 5:15), thì muôn dân có thể thấy rõ được “dấu chỉ” ấy. Dấu chỉ bí tích được cấu tạo do những yếu tố hữu hình của Giáo hội. Nếu không có nước thì cũng chẳng có được Phép rửa; nếu không có bánh thì cũng chẳng có được Thánh Thể; vậy, nếu Giáo hội không có những chất thể thích dụng thì cũng chẳng có được bí tích. *Lumen gentium* nói rõ là hình thể ấy, dấu chỉ ấy, là cơ cấu xã hội của Hội thánh (LG 8 a). Kinh Tin kính nêu lên bốn đặc tính hữu hình của Giáo hội: duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền, nghĩa là những gì con người có thể cảm thấy, nhận rõ được. Nếu Giáo hội chia rẽ, thì dấu chỉ sẽ bị phai mờ vỡ gãy. Có thể áp dụng lời Đức Giêsu nói qua Ga 17:21 cho hiệu năng cứu độ của bí tích tính Giáo hội. *Hiệp nhất* trên mọi bình diện (nhóm tông đồ, xứ đạo, địa phận, Giáo hội toàn cầu) tạo nên dấu chỉ và ảnh hưởng sâu mạnh đến hiệu năng của bí tích tính ấy. Vaticanô II trích dẫn lời thánh Tôma Aquinô nói rằng “nếu thiếu hiệp nhất, thì không thể có ơn cứu rỗi” (LG 26a). Sự *thanh thiện* hữu hình có lẽ là yếu tố chủ yếu cấu tạo nên dấu chỉ: cộng đồng Kitô có yêu thương lẫn nhau, có sống tinh thần chia sẻ và dấn thân vô vị lợi, có biết cầu nguyện cùng làm chứng cho Thiên Chúa và cho niềm hy vọng siêu nhiên, v.v. trước mắt mọi người, thì Giáo hội mới có đủ điều kiện để thi hành chức năng làm dụng cụ cứu độ hữu hiệu giữa cuộc sống cụ thể của xã hội loài người. Đặc tính *công giáo* đóng một vai trò trọng yếu trong việc xây

dựng dấu chỉ theo hai mặt: một mặt, tùy thời đại và hoàn cảnh, phổ quát tính với chiều kích toàn cầu, mang một sức hấp thu mạnh mẽ; và mặt khác, đặc tính này hàm tích một sự phong phú đa dạng (mà các công tác hội nhập văn hóa và bản xứ hóa là những thí dụ cụ thể), cùng tỏ rõ cho thấy rằng trong bất cứ môi trường văn hóa xã hội nào, ân sủng cũng chỉ đổi mới chứ không làm cho con người tha hóa đi. Đặc tính *tông truyền* của Giáo hội – toàn cầu cũng như địa phương – làm cho thấy rõ bản chất chính thống của Giáo hội; hay nói cách khác: giúp cho nhận ra đâu là Giáo hội thật, Giáo hội gìn giữ trọn vẹn và tinh tuyền sứ điệp Tin Mừng của Đức Kitô, tuyên xưng đức tin của các tông đồ để lại cùng bảo toàn cơ cấu chủ yếu của Giáo hội sơ khai, chứ không phải là một Giáo hội nào *khác*... đã biến thể. Các yếu tố kia càng tỏ lộ rõ ràng thì dấu chỉ bí tích càng nên hoàn hảo, tức là càng có sức làm chứng và thuyết phục. Vì thế, Vaticanô II đã “khuyên giục con cái [Giáo hội] ra sức thanh luyện và canh tân bản thân, để ấn dấu của Chúa Kitô chiếu sáng rạng ngời hơn trên khuôn mặt Giáo hội” (LG 15, GS 43df). Ngoài ra, để được như vậy thì còn cần phải tiến hành và đẩy mạnh công tác canh tân thích nghi cùng cải tiến sâu rộng những cơ cấu trong Giáo hội.

Là dấu chỉ ân sủng, Giáo hội có bốn phận phải làm sao để xã hội loài người nhận ra bản sắc cá biệt của mình, nhận ra mình quả là một cộng đồng đặc thù. Thánh Phaolô đòi buộc các kitô hữu phải có thái độ và lối sống khác với những người chung quanh (x. Rm 12:2; 1Cr 10:21tt). “Trước kia anh em là tối tăm, nhưng bây giờ, trong Chúa, anh em là ánh sáng” (Ep 5:8): vậy, do đâu mà người ta nhận ra được sự thay đổi này? Những giá trị của Giáo hội (lòng yêu thương, thái độ hòa giải, tha thứ, chân thật và khiêm hạ, v.v.) thì khác

hắn với những giá trị của thế gian (tiền của, địa vị, cường quyền, khoái lạc...): xã hội loài người có thấy được những bằng chứng cụ thể và hùng hồn đủ, để nhờ đó mà nhận ra những khác biệt kia hay không? Như mọi bí tích, Giáo hội cũng cần phải “cử hành” – nêu bật – bí tích tính của mình. Bí tích tính của Giáo hội được thể hiện, về mặt đối nội, qua niềm hiệp thông, tức là qua thái độ chia sẻ trong tình yêu thương; và về phía đối ngoại, qua công tác truyền giáo, tức là hành vi chia sẻ ơn cứu độ với muôn dân.

b. Mỗi bí tích chứa đựng một ân sủng đặc thù. Ân sủng Giáo hội chứa đựng là chính Đức Kitô: Giáo hội giới thiệu Ngài với loài người, giúp họ gặp Ngài, và hơn nữa, trở nên chi thể của Ngài, trong Giáo hội. Nếu Giáo hội không còn sức để chỉ cho thấy Đức Kitô, thì là như chiếc đĩa bần đã hỏng. Ngoài ra, công đồng Vaticanô II cũng đã miêu tả ơn bí tích kia như là “giấy kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và là mối hiệp nhất toàn thể nhân loại” (LG 1a). Việc kết hợp với Thiên Chúa đã thành hiện thực trong Đức Kitô, như con cái trong Con Một; thế thì Giáo hội phải là một gia đình mà Thiên Chúa là Cha. Hậu quả của niềm kết hợp với Thiên Chúa là mối hiệp nhất giữa loài người: Giáo hội là khí cụ Thiên Chúa dùng để thống nhất nhân loại đã bị tội lỗi phân tán. Thiên Chúa đã tạo dựng loài người như là một đại gia đình; bây giờ Người muốn tái tạo tình đoàn kết bằng một mối hiệp nhất mới (hoàn hảo hơn) nhờ Giáo hội, “để Giáo hội trở nên bí tích hữu hình của mối hiệp nhất cứu độ ấy (*salutiferae unitatis*)” (LG 9c); như thế có nghĩa là công tác thống nhất và công tác cứu rỗi chỉ là một. Là “bí tích phổ quát,” Giáo hội là dụng cụ phục vụ cho công trình cứu độ toàn diện: thể chất và thiêng liêng, cá nhân và xã hội, đời này và đời sau, cho từng người cũng như cho mọi nền văn hóa, đạo

đức và tôn giáo, cho mọi thứ chủ nghĩa và dạng thuyết triết lý...

Theo thánh Tôma Aquinô, có ba chức năng trong mỗi bí tích: “Dấu hiệu lưu niệm quá khứ, tức là cuộc Đức Kitô chịu chết; dấu hiệu chỉ về hoa quả của cuộc thương khó, tức là của ân sủng cứu độ; dấu hiệu tiên tri, nhằm báo trước vinh quang tương lai.”¹⁵ Thi hành các chức năng như thế là Giáo hội hằng nhớ đến Đức Kitô (cử hành Lễ Tạ Ơn, rao giảng, làm chứng, v.v.) và tiếp tục công trình cứu độ của Ngài, trong khi chờ đợi Ngài đến để hoàn tất vương quốc mà Ngài đã khai mở trong Giáo hội. Mỗi “hiệp nhất cứu độ” cũng đang hiện diện ở trong Giáo hội (một cách khiêm tốn), đang lớn lên, và sẽ đạt đến mức sung mãn trong ngày Quang lâm.

Hoa quả của Giáo hội-bí tích là bảy bí tích, đặc biệt là các bí tích Thánh tẩy và Thánh Thể. Thánh tẩy là như dạ con từ đó Giáo hội sinh ra các con cái Thiên Chúa và tháp nhập họ vào thân thể Đức Kitô. Thánh Thể là thân mình bí tích của Đức Kitô, và bởi vậy, là môi trường kiến tạo hữu hiệu cùng thể hiện hiệp nhất hùng hồn nhất ở đời này (x. LG 26, PO 6). Đặc tính bí tích – cách riêng là trong các bí tích Thánh tẩy và Thánh Thể – mang lại cho dân mới của Thiên Chúa những nét đặc trưng, không thể có được nơi các dân khác.¹⁶

¹⁵ *Summa theologica* III, 60. 3.

¹⁶ *Sách Giáo Lý của Công Đồng Trentô* viết: “Các bí tích của Luật mới có hai chức năng này: giúp phân biệt người Kitô với lương dân, và liên kết các tín hữu cách thánh thiện, chặt chẽ” (số 156).

6. “Ngoài Giáo hội không có ơn cứu độ”

Trong bối cảnh suy tư ấy, thần học đã đối diện với vấn đề có thể nói là gai gốc, tối tăm và kinh hoàng nhất của Giáo hội học. Truyền thống đã để lại công thức: *extra ecclesiam nulla salus*, có nghĩa là: “ngoài Giáo hội, không có ơn cứu độ.”¹⁷ Như Đức Kitô là Vị trung gian duy nhất, Giáo hội là dụng cụ cứu độ duy nhất: truyền thống dạy như vậy. Muốn hiểu chính xác thành ngữ này thì cần phải phân biệt hai giai đoạn trong lịch sử Giáo hội: tức là trước và sau thế kỷ 16; vì cho đến thế kỷ 16, Giáo hội (tức Châu Âu) mới khám phá ra là có hàng triệu người ở Châu Á và Châu Mỹ chưa từng nghe nói về Đức Kitô bao giờ.

Thành ngữ kia khởi phát từ thánh Cyprianô, giám mục Carthagô, rồi sau đó, thánh Augustinô đã tiếp tục dùng; hai vị áp dụng thành ngữ cho trường hợp của những người kitô lìa bỏ Giáo hội mà theo các tôn phái lạc giáo; lý do là vì họ phạm đến đức ái, nên đã mất ân sủng.¹⁸ Từ khởi điểm ấy, các Giáo phụ và thần học gia Trung cổ suy diễn rộng ra để đem đặc ngữ ứng dụng vào trường hợp các người Do thái và các lương dân. Các tác giả thường phân biệt các thời gian trước và sau Đức Kitô: trước Ngài, Do thái đã có lề luật làm khí cụ cứu độ; còn lương dân thì nhờ luật của lương tâm, như Kinh Thánh đã viết (x. Rm 2:15; Ga 1:9; Dt 11:6); sau Ngài, tức là trong thời đại của Giáo hội, dựa theo lời thánh Phaolô viết trong Rm 10:8, các Giáo phụ và tác giả ngày

¹⁷ Xem Francis Sullivan, s.j., *Salvation outside the Church? Tracing the history of the Catholic response*, Mahwah, NJ, Paulist Press 1992.

¹⁸ Cyprianô, *De Ecclesiae Catholicae Unitate*, 6 và 14; Augustinô, *Epistola* 141.5; *Epist.* 185.42 và 50.

trước tướng là ai trong thiên hạ cũng đều đã hay biết về Tin mừng, vì thế các vị cứ một mực suy luận và áp dụng chặt chẽ những lời của Đức Giêsu như được ghi lại ở trong Mc 16:15-16 và Ga 3:18: không vào Giáo hội tức là đã từ chối Lời Chúa, và vì thế không thể được cứu rỗi.¹⁹ Tuy nhiên, thần học Trung cổ cũng khẳng định rõ ràng không thể bị kết án nếu không cố ý phạm tội; nhưng họ tưởng là toàn cầu đã từng được nghe biết về Tin mừng, và cũng đã quan niệm tương tự như thế đối với các anh chị em Hồi giáo.

Giáo thuyết này đã được huấn quyền chuẩn phê. Công đồng Latêranô IV (năm 1215) tuyên bố: “Chỉ có một Giáo hội toàn cầu: ở ngoài Giáo hội này, chẳng có ơn cứu độ” (DS 802). Năm 1302, trong trọng sắc *Unam sanctam*, Đức Bônifaciô VIII đã so sánh Giáo hội với tàu Noê, và khẳng định là không ai ở ngoài Giáo hội Công giáo hoặc thuộc Giáo hội Công giáo nhưng lại không vâng phục giám mục Roma mà có thể được cứu rỗi (DS 870, 875). Thế kỷ 15, công đồng Firenze trích dẫn và phê chuẩn luận đề của Fulgentiô Ruspê (DS 1351).

Thế kỷ 16, Châu Âu mới biết rằng vô số các dân tộc Á, Mỹ, Phi, chưa hề nghe nói đến Đức Kitô. Tin lành nói chung (đặc biệt là các giáo phái theo học thuyết về tiền định) đều tin là ngoài Kitô giáo không có ơn cứu rỗi. Thần học công giáo thì chia làm hai trường phái: phía nghiêm ngặt (đứng đầu là phái Gianseniô) chủ trương rằng mọi người ngoài

¹⁹ Thánh Fulgentiô thành Ruspê (bắc Phi), môn đồ của thánh Augustinô, viết: “Hãy tin chắc và đừng do dự rằng không những hết thầy lương dân mà còn cả hết thầy người Do thái, lạc giáo và ly khai nữa, nếu chết ngoài Giáo hội công giáo, thì sẽ xuống lửa vĩnh viễn mà Thiên Chúa có sẵn cho satan và các ác thần của y” *De Fide ad Petrum*, 38, 79; PL 65.704.

Kitô giáo đều xuống hoả ngục;²⁰ phía khoan dung (đứng đầu là dòng Tên) thì xác tín rằng Thiên Chúa hằng ban ơn và tạo dịp cứu độ cho mọi người.²¹

Các Giáo Phụ đã từng đề cập đến việc “Rửa tội bằng ước muốn” khi một người dự tòng hoặc có lòng tin chết trước khi được lãnh nhận phép Rửa. Điều mới bây giờ là thần học áp dụng điều ấy cho cả những người không biết gì về Đức Kitô; vì thế, phải hiểu đó là một ước muốn mặc nhiên: ai sống ngay chính theo lương tâm thì được coi như có “đức tin mặc nhiên” và “ước muốn [mặc nhiên] gia nhập Giáo hội” dù là không ý thức. Xem ra Piô XII đã tỏ ý phê chuẩn quan điểm này.²² Năm 1949, Thánh Bộ Giáo lý Đức tin đã kết án lập trường của L. Feeney, SJ, vì vẫn còn tiếp tục chủ trương và cổ võ học thuyết Trung cổ (DS 3866-73).

Căn cứ vào ý định cứu độ phổ quát của Thiên Chúa (x. 1Tm 2:4), công đồng Vaticanô II dạy rằng “nếu biết thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, biết cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong hành động của mình theo sự hướng dẫn của tiếng lương tâm, thì cả những kẻ không biết đến Phúc âm của Đức Kitô và Giáo hội Ngài, nhưng lại không do lỗi mình, cũng có thể được cứu rỗi” (LG 16). Công đồng đã không nói gì đến “ước muốn mặc nhiên” đối với việc gia nhập Giáo hội. Đàng khác, trong số

²⁰ Một nhóm bị Đức Clémentê XI kết án (năm 1713) vì họ chủ trương rằng ngoài Giáo hội, chẳng có một ân sủng nào; x. DS 2429, 2305, 2308, 1311.

²¹ Thánh Rôbertô Bellarminô viết: “Nói ngoài Giáo hội không ai được cứu rỗi là nói về những ai không thuộc về Giáo hội hoặc trong thực tế hoặc trong ao ước, như thần học nói đối với Thánh tầy,” *De Controversiis Liber III. De Ecclesia Militante*, c. 3.

²² Trong *Mystici Corporis*: AAS 35 (1943) 242-243, DS 3821.

14, *Lumen gentium* dạy rằng Đức Kitô “đã xác nhận sự cần thiết của Giáo hội mà mọi người phải bước vào qua cửa phép rửa” (LG 14); vì vậy, một khi đã biết ý của Đức Kitô là thế mà vẫn từ chối không chịu bước vào hoặc bỏ Giáo hội mà đi, thì không thể có được ơn cứu rỗi. Thế thì Giáo hội có sửa đổi giáo lý đi không? Thưa tùy! Nguyên tắc thì không mấy may thay đổi, nghĩa là: Thiên Chúa công chính muốn cứu rỗi hết mọi người; Giáo hội là phương tiện cần thiết; Thiên Chúa không kết án người vô tội. Nhưng quan niệm về con người thì quả đã thay đổi: ngày xưa, thần học tưởng rằng mọi người đều đã được nghe Tin mừng, và đã biết ý định của Thiên Chúa, mà có người vẫn cứ cố tình từ chối Giáo hội, v.v., *thế nên* họ mắc tội; ngày nay, ai cũng rõ là một số rất đông trong nhân loại chưa nghe biết gì về Giáo hội, chưa hề biết Đức Kitô là ai, và cứ theo thiện chí tự nhiên mà vững tin vào tôn giáo của mình, coi đó là chính thật, không thấy cần phải gia nhập Giáo hội, v.v., và *vi thế* họ không mắc lỗi đối với ý định cứu độ của Thiên Chúa mà họ không hay biết (nói thế không có nghĩa là họ không phải trả lẽ với Thiên Chúa về các lỗi tội họ phạm trong những lãnh vực khác ...).

Thần học về Thần Khí và những hiểu biết mới về tâm lý con người cũng như về các tôn giáo khác, là một số trong các yếu tố đã gây ý thức cho thấy là cần phải thay đổi tư duy. Thánh Thần tự do thổi không ai biết được là về đâu (x. Ga 3:8). Xưa nay thần học vẫn giữ nguyên tắc *gratia non alligatur sacramentis*, nghĩa là: “ân sủng không bị ràng buộc bởi các bí tích,” tức là ân sủng (Thần Khí) cũng có thể hoạt động ngoài các bí tích. Tâm lý con người phức tạp, bí ẩn đến nỗi, rốt cuộc, chỉ một mình Thiên Chúa mới biết rõ được mức độ trách nhiệm của mỗi hành vi con người, để công bình quy kết ai có tội ai không. Đối với các tôn giáo, Vaticanô II đã có

một nhãn quan mới, hiện rõ qua lời dạy phải lo nhận định cho đúng và đánh giá cho tích cực những gì là chân thực, thánh thiện và hay đẹp tiềm ẩn nơi các tôn giáo (NA 2). Còn thần học thì xác quyết là Thần Khí có thể dùng những tôn giáo khác nhau – trong mức độ chỉ một mình Ngài biết – làm khí cụ cứu rỗi cho tín đồ các tôn giáo...²³

²³ Về vấn nạn phức tạp này, xin tạm xem K. Rahner, "Church, Churches and Religions," trong *Theological Investigations*, 18, tr. 188-195; Kunnumpuram, K., *Ways of Salvation: the salvific meaning of non-Christian Religions according to the Teaching of Vatican II*, Poona 1971; Balchand, A., *The Salvific Value of non-Christian Religions, according to Asian Christian Theologians writing in Asian-published Theological Journals, 1965-1970*, Manila, EAPI, 1973; R. Panikkar, *The Intrareligious Dialogue*, New York, Paulist 1978; Swidler, L., (ed.), *Toward a Universal Theology of Religion*, Maryknoll NY, Orbis books 1987; Dupuis, J., *Jésus-Christ à la rencontre des religions*, Paris, Desclée 1989; B. Mondin, "Ơn cứu độ trong các tôn giáo không Kitô," *Hợp Tuyển Thần Học*, số 5 (1992) 71-84.

IV

MẪU NHIỆM GIÁO HỘI QUA NHỮNG HÌNH BÓNG

“Trong Cựu Ước, Nước Thiên Chúa thường được mạc khải qua nhiều hình bóng: cũng thế, ngày nay bản tính thâm sâu của Giáo hội được giới thiệu với chúng ta qua nhiều hình ảnh rút ra từ đời sống du mục, canh nông, kiến trúc, hoặc cả từ gia đình cùng hôn lễ, và đã từng được phác họa trong những sách của các ngôn sứ” (LG 6a).

Mẫu nhiệm Giáo hội phong phú và phức tạp đến nỗi không thể tóm gọn vào trong một công thức. Hơn nữa, vì là một mẫu nhiệm, nên ngôn ngữ loài người, phát nguyên từ kinh nghiệm giác quan, không thể nào có khả năng để diễn tả cho thỏa đáng được. Vì thế, Kinh Thánh và Truyền thống đã phải nhờ đến những biểu tượng mà trình tả một nội dung vượt hẳn lên trên khả năng diễn đạt của lời nói.¹ Chính Đức Giêsu cũng đã dùng đến phương pháp này trong các dụ ngôn của Ngài. Quả vậy, thánh Tôma Aquinô nhận định là: chính qua trung gian của cảm giới mà chúng ta có thể vượt tới thần giới.² Trong Kinh Thánh, các nhà chú giải đếm được hơn 80 hình ảnh chỉ về Giáo hội; còn công đồng Vaticanô II thì chỉ nhắc đến một số hình bóng, và lồng chúng vào trong bốn chủ đề sau đây: đời sống du mục và nông nghiệp, công trình

¹ Minear, P.S., *Images of the Church in the New Testament*, 1961. Preston, G., *Faces of the Church. Meditations on the Mystery and its Images*, Grand Rapids, 1997.

² *Sententiarum*, d. 34, 3, a.1 và 2.

kiến trúc và gia đình.

1. Giáo hội giống như một chuồng chiên, một đàn chiên...

Với hình ảnh này, các nghị phụ muốn nhấn mạnh đến một đặc nét chủ yếu trong mầu nhiệm Giáo hội: đó là sáng kiến của Thiên Chúa trong việc hình thành Giáo hội. Cứu Ước cũng đã nói như thế về Ítraen. Isaia so sánh lòng ưu ái chăm sóc của Giavê với hành động tận tình nâng niu của người chăn chiên nhân lành: “Như mục tử, Người chăn đàn chiên của Người, cánh tay Người thấu hớp chúng lại; Người bồng chiên con và dịu dặt cừu mẹ nuôi con” (Is 40:11). Êdê-kien cũng đã dùng đến và khai triển cách so sánh ấy (x. Ed 34). Niềm tin tưởng của Ítraen vào Giavê dựa trên hình bóng này: “Chúa là mục tử của tôi, tôi chẳng thiếu chi, tôi chẳng lo gì...” (Tv 23). Đức Giêsu đã áp dụng tỷ dụ này cho chính mình (x. Ga 10:1-16).³

Nói về “chuồng chiên” (αυλή, *ovile*), là Đức Giêsu muốn nêu bật cơ cấu mà hình bóng “đàn chiên” giả thiết phải có. Đức Giêsu là “cửa” chuồng: một vai trò tương tự như vai trò của “đầu” ở trong thân thể, hoặc như thân cây đối với các cành cây. “Cửa” và “chuồng” thuộc về nhau, làm nên một cơ cấu duy nhất; nhưng “cửa” điều hành mọi sinh hoạt trong “chuồng:” mọi người vào ra đều phải qua cửa (x. Ga 10:9). Nhưng ở “cửa” lại có kẻ canh gác, và đó chính là Chúa Cha: Người đóng hoặc mở “cửa,” là Vị Chủ tể tối cao của Giáo

³ Tragan, P.-R., *La parabole du "pasteur" et ses applications: Jean 10,1-18*, Ed. Anselmiana, Roma 1980.

hội.

Khi nói về “đàn chiên” (ποίμνη, *grex*), là Đức Giêsu làm nổi bật xã hội tính của Giáo hội, hết như khi gọi Giáo hội là “dân” Thiên Chúa. Đức Giêsu là chủ chiên chăn dắt, săn sóc và nuôi dưỡng các chiên; hơn nữa, Ngài còn trao hiến mạng sống mình vì đàn chiên. Ngài là chủ của chuồng chiên thứ nhất, tức là Ítraen; nhưng cũng có những con chiên còn ở ngoài (lương dân), họ sẽ nghe tiếng Ngài (nhờ đức tin) và tất cả sẽ trở nên một đàn chiên duy nhất (x. Ga 10:16). Như thế Giáo hội xuất hiện như một dân tộc phổ quát và truyền giáo. Vaticanô II nói: “Mọi người đều được mời gọi gia nhập Dân mới của Thiên Chúa” (LG 13a).

Đức Giêsu là mục tử *nhân lành*, nghĩa là cũng có những mục tử khác. Trong tỷ dụ ấy, Đức Giêsu nói về những “tên trộm” (x. Ga 10:1.8.10), những chủ chiên “lạ mặt” (x. Ga 10:5), và những kẻ “chăn thuê” (x. Ga 10:12.13). Đường như dụ ngôn ám chỉ đến những tranh chấp về giáo lý, những chia rẽ, những thủ lãnh bất chính trong Giáo hội sơ khai, đúng như Tân Ước đã lên tiếng báo động trong nhiều đoạn khác (x. Mt 24:11.24tt; 2Tm 4:3; 1Ga 4:1; Kh 19:20, v.v.). Đức Giêsu khẳng định rõ là chỉ có một đàn chiên, một chuồng chiên duy nhất: bảo toàn hiệp nhất của Giáo hội duy nhất là điều làm của Đức Giêsu và các tông đồ phải đặc biệt lưu tâm lo lắng (x. Ga 10:16; 17:1t; Ep 4:5; 1Cr 1:10, v.v.). Nền tảng của duy nhất tính và của niềm hiệp nhất trong Giáo hội là chính Đức Kitô, “thủ lãnh của các mục tử” (1Pr 5:4) và là Đấng làm nên mối hiệp thông giữa các mục tử Ngài đã chọn để coi sóc đàn chiên (x. Ep 4:11), cũng như giữa họ với Phê-rô, là chủ chăn các chiên con và chiên mẹ (x. Ga 21:15-17).

2. Giáo hội là cánh đồng của Thiên Chúa

Công đồng Vaticanô II lấy lại từ ngữ của 1Cr 3:9: “Anh em là cánh đồng (γεώργιον) của Thiên Chúa,” và thêm vào đó, còn trưng dẫn những hình ảnh hay ẩn dụ rút ra từ lãnh vực nông nghiệp, như: cây ô liu, cây nho...

Vốn xuất thân từ vùng thôn dã, Đức Giêsu đã dùng nhiều tỷ dụ đượm sắc thái nông thôn: “Về Nước Trời thì cũng tựa như người kia gieo giống tốt trong ruộng mình...” (Mt 13: 24tt). Ý nói: Giáo hội là một thực tại trải rộng trong không gian và thời gian, trong đó, có những mãnh lực thù nghịch chống đối nhau. Mãi cho đến ngày thế mạng, bao giờ Giáo hội cũng sẽ gồm có người lành kẻ dữ, và thật là khó mà nhận diện cho rõ được ai lành ai dữ. Những biện pháp cứng rắn, khắt khe, cường bạo (như nhổ cỏ lùng) xét cho cùng thì chỉ phương hại đến lúa tốt. Thiên Chúa rất kiên nhẫn: Người chờ đợi, cho mưa nắng trên mọi người không phân biệt tốt xấu (x. Mt 5:45), mong họ sẽ hoán cải và được cứu thoát (x. 2Pr 3:9). Lịch sử cho thấy là các dạng lạc giáo đã cố lập ra nhiều loại giáo hội khác nhau, như: “Giáo hội của các thánh,” “Giáo hội của những kẻ trọn lành,” v.v... và quả Hội thánh đã bị cám dỗ thiêu sạch những kẻ lạc giáo đó đi...⁴

Thánh Phaolô biết rõ Thiên Chúa có những “nông nhân” với nhiều vai trò khác nhau trong cánh đồng của Người: có kẻ trồng, có người tưới... nhưng lúa có lớn lên, có trở sinh... là hoàn toàn do ơn nhưng không của Chúa. Chắc hẳn là từ

⁴ Thánh Bernardô cảnh cáo chống lại “thuyết duy hoàn hảo” và viết cho Đức Eugenio IV (môn đồ của ngài): *ordinatissimum est minus interdum ordinatum aliquid fieri: trật tự tốt nhất là thỉnh thoảng xảy ra một điều không được trật tự cho lắm* PL 182. 482.

sự kiện có nhiều “nông nhân” như thế, có thể phát sinh những chia rẽ, phe phái đối nghịch nhau trong cộng đoàn: “tôi thuộc về Apôllô, tôi thuộc về Phaolô...” Khốn cho Giáo hội nếu những thừa tác viên không ý thức rằng “kẻ trồng và người tưới cũng chỉ là một” (1Cr 3:8); và thương thay cho những tín hữu bị loại giáo sĩ bất trung mê hoặc mà bước vào con đường chia rẽ: họ chẳng hơn gì lương dân (x. 1Cr 3).

Công đồng nhận định tiếp: trong thửa ruộng ấy, “cổ thụ ô liu mọc lên, với gốc rễ thánh là các tổ phụ, và nơi đó, công cuộc hòa giải giữa dân Do thái với dân ngoại đã cũng như sẽ được thực hiện” (LG 6c). Thánh Phaolô đã dùng ám dụ này trong Rm 11:13-26 để chỉ về Giáo hội, coi đó là môi trường hòa giải giữa Ítraen và muôn dân. Vì Thiên Chúa trung thành, nên các lời Người hứa với Ítraen trong Cựu Ước vẫn còn hiện hành và có hiệu lực. Nhưng Đức Giêsu đã lưu ý cho bà xứ Samaria biết là: “Ơn cứu độ phát xuất từ dân Do thái” (Ga 4:22); Phaolô cũng tỏ ra rất ý thức về điểm đó khi viết: “... trước là người Do thái, sau là người Hy lạp (lương dân)” (Rm 1:16; 2:10). Vậy, Phaolô nêu bật cho thấy Giáo hội như là được “ghép vào Ítraen,” đang sống sự sống của Ítraen, như cành ghép sống nhờ nhựa sống của cây. Qua hình bóng này, sẽ thấy rõ được là dân Thiên Chúa của Cựu Ước và của Tân Ước chỉ là một. Vì vậy, trong Lễ quy, Giáo hội gọi “Abraham” là “tổ phụ chúng con.”⁵ Hình ảnh này còn dạy cho Giáo hội một bài khiêm nhường; bởi vốn là “cây dại,” Giáo hội đã trở thành mẫu nhiệm của ân sủng, của ưu tuyển và của lòng thương xót Thiên Chúa, biết rút sự thiện từ sự ác, khiến thánh Phaolô đã phải thốt lên: “Sự giàu có, khôn ngoan và thông suốt của Thiên Chúa sâu thẳm dường nào!” (Rm 11:

⁵ Xin xem phần trên về Giáo hội và Ítraen, và *Nostra Aetate* số 4.

33), và khuyên Giáo hội đừng nên “vênh vang” (x. 1Cr 4:7), kéo lại bị trở thành thứ “cây ký sinh.” Khốn cho Giáo hội nếu không biết sống trung thành hơn Ítraen! Khốn cho Kitô giáo nếu không biết sinh hoa trái đúng mùa... (x. Mt 21: 41).

3. Giáo hội: công trình xây cất của Thiên Chúa

Trong Kinh Thánh, ẩn dụ này xuất hiện dưới nhiều hình thức. Trong 1Cr 3:9-17, thánh Phaolô gọi cộng đoàn Kitô là “ngôi nhà Thiên Chúa xây lên.” Người coi mình như là “một kiến trúc sư,” và những người Kitô là Đền thánh Thiên Chúa.⁶ Ep 2:19-22 cũng đã dùng đến hình bóng này: nền móng là các tông đồ và các sứ ngôn, nhưng nguyên lý duy nhất liên kết các thành phần và tạo nên sự vững chắc của nhà là chính Đức Kitô. Ngài là “viên đá góc” bị thợ xây nhà loại bỏ, nhưng lại được Thiên Chúa tuyển chọn; nguồn xuất phát của hình ảnh đó là Tv 118:22-23: Đức Giêsu đã áp dụng các câu Tv này cho chính mình (x. Mt 21:42tt); còn các tông đồ thì đã dùng làm văn bản dẫn chứng (x. Cv 4:11; 1Pr 2:7).⁷ Trong sách *Pastor* (“Mục tử”), Hermas (thế kỷ 2) so sánh Giáo hội với một chiếc tháp đang được xây cất ngay giữa trần thế, trên nền móng là Đức Kitô (*Similitudo* 6). Chức năng của đá tảng này không phải là “nằm-một-chỗ,” thậm lặng, bất động, trong khi tòa nhà ngày càng cao lên..., bởi nếu những viên đá làm nên nhà này là những “viên đá sống

⁶ Jean Daniélou, *Le signe du Temple*, Paris 1942.

⁷ Xin xem Bonard, P., *Jésus Christ édifiant son Église. Le Concept d'édification dans le Nouveau Testament*, Neuchâtel-Paris 1948; Pfansmater, J., *Die Kirche als Bau. Eine exegetisch-theologische Studie zur Ekklesiologie der Paulusbriefe*, Roma 1960.

động” (1Pr 2:5), thì tảng đá móng tất càng sống động hơn nữa. Kinh Thánh muốn dạy cho biết là sự hiệp nhất và vững chắc của Giáo hội tùy thuộc sự dựa cậy vào Đức Kitô. “Tảng đá” này cũng không thể không làm cho liên tưởng đến “viên đá” kia là Phêrô, mà chính Đức Giêsu đã đặt làm nền móng hữu hình của Giáo hội Ngài, để củng cố đức tin và niềm hiệp nhất của anh em đang sống giữa dòng lịch sử.⁸

Trên nền móng này, hết thảy các tín hữu đều là thợ xây. Một đàng, phải để Thiên Chúa xây ngôi nhà, như thánh Inhaxiô Antiôkia viết: “Anh em là những viên đá của đền thờ Chúa Cha; Người đã nâng anh em lên giàn xây với chiếc máy của Đức Kitô, là thập giá của Ngài, và nhờ sợi dây cáp là Thánh Linh.”⁹ Đàng khác, những viên đá phải được đẽo gọt cho bằng nhẵn cân gọn, như thánh thi *Caelestis Urbs Jerusalem* nói: “Được đẽo nhỏ và đánh bóng nhờ mũi đục và nhất búa hồng phúc...” Nếu những viên đá trong bức tường không gắn dính vào nhau nhờ tinh thần hy sinh dung thứ, nhờ biết nhượng bộ và thương yêu lẫn nhau..., thì chẳng bao lâu ngôi nhà ấy sẽ biến thành một đồng đá. Thánh Phaolô khuyên các tín hữu hãy góp công mà xây nhà Chúa. Kiến trúc sư ở đây là vị sứ đồ; nền móng là Phúc âm đích thực: “Nếu có ai, kể cả chúng tôi, hoặc một thiên thần nào từ trời xuống, loan báo cho anh em một Tin Mừng khác với Tin Mừng chúng tôi đã loan báo, thì kẻ ấy đáng bị chúc dữ!” (Gl 1:8). Hiệp nhất trong đức tin là yếu tố tuyệt đối cần thiết: “đức tin duy nhất” (Ep 4:5); nhưng trên đức tin duy nhất này, có những lối kiến trúc rất khác nhau, có những vật liệu cũng rất khác nhau, như “vàng, bạc, đá quý, gỗ, rơm rác...”; chỉ

⁸ Xin xem J. Pfammater, *Die Kirche als Bau*, Rom 1960.

⁹ Thánh Inhaxiô, *Ad Ephesios* 9.1.

nên nhớ là mỗi người sẽ chịu trách nhiệm về công việc hay công trình xây dựng của mình trước tòa Thiên Chúa (x. 1Cr 3:12tt).

Kết quả công tác “xây dựng” là *Nhà của Thiên Chúa*, tức là Giáo hội (x. 1Tm 3:15). Qua hình này, một lần nữa, Kinh Thánh nêu cho thấy rằng Giáo hội là một cơ cấu hữu hình, là “chỗ ở” của gia đình con cái Thiên Chúa, mà gia trưởng là chính Người. Dùng ẩn dụ này là thánh Phaolô muốn nhấn mạnh đến tổ chức của Giáo hội: quả vậy, trong đoạn thư 1Tm 3:1-13, ngài nói về các giám mục và các phó tế, nghĩa là những vị có trách vụ đặc biệt trong Nhà Chúa. Như tác giả đã viết trong 2Tm 2:20, trong một gia đình, không phải tất cả mọi người đều bình đẳng, như nhau, nhưng là có người trên kẻ dưới, có người tốt kẻ xấu, v.v., phải có người biết săn sóc: “ai không biết điều khiển gia đình mình, thì làm sao có thể lo cho Hội thánh của Thiên Chúa được” (1Tm 3:5); rồi ngài còn nói về các trợ tá: họ phải là những người đang hoàng, “phải được thử luyện trước đã rồi mới được thi hành chức vụ trợ tá.” Trong Nhà của Thiên Chúa phải có trật tự do các vị ấy bảo đảm, bằng không thì sẽ không còn hiệu năng hoạt động.

Hình ảnh “Nhà Thiên Chúa” có thể xem ra tiêu cực, vì thế tác giả vội vàng nói ngay về chức năng hay “sứ mạng” của Nhà là làm “cột trụ và điểm tựa của chân lý.” Nhà chú giải C. Spicq viết: “Phận vụ đầu tiên của Giáo hội, như đọc thấy trong các Thư mục vụ, là lưu giữ và duy trì đức tin kitô và chính thống, là bảo vệ đức tin ấy cho khỏi mọi sai lạc hăng không ngừng đe dọa.”¹⁰ Điều đó cũng ám chỉ tới tác vụ

¹⁰ C. Spicq, *Les épîtres pastorales*, Paris 1969, I., tr. 466.

của huấn quyền: phải dạy cho đúng giáo lý chính thống, nhưng cũng đừng quá lo sợ, vì Thiên Chúa đã niêm ấn nền móng ngôi nhà ấy với lời hứa trung thành của Người (x. 2Tm 2:14-19). Đồng thời, thành ngữ “Nhà của Thiên Chúa” cũng nói lên tính chất thánh thiêng cùng chức năng phụng tự của Giáo hội.¹¹ Là lãnh hạt dành riêng cho Thiên Chúa (x. St 28:17tt), Giáo hội cũng là *Đền thờ*.¹² Hình ảnh này hàm ngụ những ý nghĩa rất phong phú. Một đàng, Đền thờ là nơi Thiên Chúa ngự trị. Đền thờ tuyệt hảo là chính Đức Giêsu (x. Ga 2:19-21), vì trong Ngài, Thiên Chúa cư ngụ cách viên mãn (x. Cl 2:9); và đàng khác, Đức Kitô là “vị thượng tế đứng đầu Nhà Thiên Chúa” (Dt 10:21). Vì vậy, trong Nhà Thiên Chúa hằng sống, Đức Kitô không ngừng dâng hy lễ hằng cửu ở trên trời cũng như ở dưới đất. Ấn dụ này đưa đến chỗ quan niệm Giáo hội như là “dân tư tế,” như là nơi con người có thể dâng lên Thiên Chúa hy lễ thiêng liêng trong Thần Khí và sự thật.

Ý niệm đền thờ hay cung thánh cũng nói lên chiều kích cánh chung của Giáo hội. Theo thư Do thái, Đức Kitô thượng tế đã đi vào “nơi rất thánh” ở trên trời; nhưng Đền thờ này có nền móng ở dưới đất: được xây cất trên các tông đồ và các tiên tri (x. Ep 2:19-22).¹³ Đền thờ vươn lên chạm tới trời vì đá đỉnh nóc là Đức Kitô. Giáo hội mang cánh chung tính, theo hai ý nghĩa: 1) vì đang được xây cất cho đến khi hết

¹¹ L. Cerfaux, *La théologie de l'Église suivant Saint Paul*, Paris Cerf 1965, tr. 125-131.

¹² Xem Y. Congar, *Le Mystère du Temple* (Lectio divina 22), Paris 1958.

¹³ Frayeman, M., “La spiritualisation de l'idée du Temple dans les Épîtres pauliniennes,” *Eph.Theol.Lov.* 23 (1947) 378-412; Schnackenburg, R., *The Epistle to the Ephesians*, T&T Clark, Edinburgh 1991, “Excursus: The Church in the Epistle to the Ephesians” tr. 293-310.

thấy những “viên đá sống” nằm đúng vào chỗ của mình... trong ngày Quang Lâm, và 2) vì hiện giờ, Giáo hội đang tham dự vào phụng vụ thiên quốc nhờ Đầu của mình là Đức Giêsu thượng tế, cũng như nhờ các chi thể vinh quang của mình là các thánh: “Trong phụng vụ trần thế, chúng ta tham dự qua tiền vị, vào phụng vụ trên trời, cử hành trong thánh đô Giêrusalem, là nơi, lần bước trên đường lữ khách, chúng ta đang tiến về, ở đó Đức Kitô đang ngự bên hữu Thiên Chúa như một thừa tác viên của cung thánh, của nhà tạm đích thực...” (SC 8).

Phaolô và Gioan cũng đã mô tả chiều kích cánh chung của Giáo hội bằng những hình ảnh tương tự là: *Giêrusalem trên Trời*, mẹ chúng ta (x. Gl 4:26), *Thành thánh Giêrusalem mới* (x. Kh 21), *Hiền thê trinh khiết của Chiên Con*.¹⁴ Thánh Hilariô nói: “Thành này, tức là thân thể Đức Kitô, đón nhận toàn thể nhân loại vào trong Ngài.”¹⁵ Nhờ thiên ân quy tụ, tất cả chúng ta đều trở thành công dân của thành thánh ấy là Giáo hội vinh quang (x. LG 51b, NA 1b).

4. Những hình ảnh rút từ đời sống gia đình

Nói về “Nhà” ắt là phải ám chỉ đến “gia đình.” “Nhà của Thiên Chúa” hàm chứa các khái niệm “con cái,” “hôn thê,” “hiền mẫu,” v.v. Trong Cựu Ước, thành ngữ “nhà Ítraen” chỉ về toàn dân Do thái (x. Lv 17:3.8.10; Ed 4:3; v.v.), và bản

¹⁴ Xin xem Fohrer G. & Lohse, E., Σιών, trong TDNT 7, 292-338; Comblin, J., “La liturgie de la nouvelle Jérusalem (Apoc. XXI,1-XXII,5)”, *Eph.Theol.Lov.*, 29 (1953) 5-40; Lamirande, Émile, “Jérusalem Céleste” trong *Dict. de Spir.* Fasc. LIV-LV, 1973, 944-958.

¹⁵ Hilarius, *In Mattheum* 4.12, PL 9.935B.

LXX đôi khi dịch “nhà” ra “con cái” (thí dụ: St 45:11; 1V 11: 20, v.v.). “Nhà” nói lên một đơn vị xã hội rõ ràng, khác với những nhóm khác. Cựu Ước coi Ítraen như là nhà của Giavê (x. Gr 12:7; Hs 8:1), theo một ý nghĩa rất gần với ý niệm “cộng đoàn của Giavê” (*ekklesia*: Đnl 23:3, hoặc *synagôghê*: Ds 16:3, v.v.), hoặc “cộng đồng của Đấng Tối Cao” (Hc 24:1-2). Thánh Phaolô coi “Ítraen của Thiên Chúa,” cộng đồng mới, là Giáo hội (x. Gl 6:16). Ngài khuyên các tín hữu tụ họp lại trong tinh thần thân thuộc. Trong Giáo hội cũng tựa như trong một gia đình, cần có những người đảm nhận trách nhiệm cai quản, nhưng là với tinh thần huynh đệ (LG 32d), khác với lối cai quản giữa người đời. Vaticanô II nhấn nhủ rằng: “Linh mục có bốn phận phải săn sóc các tín hữu với hết tình của một người cha trong Đức Kitô, vì đã sinh họ cách thiêng liêng nhờ phép rửa và giáo huấn... Bởi thời nay, nhân loại ngày càng hướng tới tình trạng hiệp nhất trong các lãnh vực dân sự, kinh tế và xã hội, nên các linh mục có bốn phận càng bách thiết hơn trong nỗ lực phối kết các cố gắng và khả năng của mình dưới sự chỉ đạo của các giám mục và giáo hoàng, để loại trừ mọi mầm mống chia rẽ, hầu đưa toàn thể nhân loại đến chỗ hiệp nhất ở trong gia đình Thiên Chúa” (LG 28ef).

Khái niệm “gia đình Thiên Chúa” mang đậm ý nghĩa cánh chung, bởi ý định của Chúa Cha hệ tại ở việc biến đổi “gia đình nhân loại” thành “gia đình con cái Thiên Chúa:” đó chính là sứ mạng của Giáo hội. Là một “đoàn thể hữu hình và là một cộng đoàn thiêng liêng,” Giáo hội đồng tiến với toàn thể nhân loại, và chia sẻ cùng một số phận trần thế với loài người. Giáo hội là như men, như hỗn của xã hội loài người, để làm cho toàn thể nhân loại biến thành gia đình Thiên Chúa (LG 40b).

Cùng với hình ảnh “gia đình,” Vaticanô II đã gọi lên cả một loạt chủ đề liên quan với “phụ nữ;” thế nên, Giáo hội được gọi là: hiền thê, trinh nữ, mẹ chúng ta, v.v. Về “Hiền thê,” thì trước đó, chương “Giáo hội là Nhiệm thể Đức Kitô” đã bàn đến.

Giáo hội là *Mẹ chúng ta*. Truyền thống kitô không ngờ gọi Giáo hội bằng danh hiệu đầy yêu thương này, vì không thể nói đến mẹ mà không nghĩ đến tình thương dịu hiền. Thánh Cyrpianô đã tóm gọn cảm nghĩ của cộng đoàn kitô cổ xưa như sau: “Ai không có Giáo hội làm mẹ, thì không thể có Thiên Chúa làm Cha.”¹⁶ Chính vì thế khi say mê tìm hiểu về Giáo hội, tín hữu kitô không thể không nhận ra mẹ của mình, như Newman đã cảm nhận trong kinh nghiệm từng sống qua.¹⁷ Quả thế, danh hiệu này của Giáo hội xuất hiện trong nhiều bản tuyên tín: “Tôi tin... vào Mẹ thánh là Giáo hội,”¹⁸ và đã mạnh mẽ nuôi dưỡng lòng tôn sùng của toàn Dân Chúa: tín hữu công giáo thường sống thái độ con thảo. Chẳng thế mà thánh Augustinô khuyên: “Chúng ta hãy yêu mến Thiên Chúa là Chúa chúng ta, và yêu thương Giáo hội Người: hãy yêu Thiên Chúa như Cha, thương Giáo hội như Mẹ... Hỡi anh em yêu dấu, hãy luôn luôn giữ lấy điều này: hãy đồng tâm nhất trí mà xem Thiên Chúa như Cha và Giáo hội như Mẹ.”¹⁹

¹⁶ *De Unitate Ecclesiae* 6, PL 4.519.

¹⁷ H. Newman, *Apologia pro vita sua*, ch. V.

¹⁸ Xin xem DS 45, 47, 478, 807, v.v.

¹⁹ *In Ps 88.2.14*, PL 38. 1140; xem *Sermo de Alleluia*: neque poterit quisque haber Deum patrem qui Ecclesiam contempserit matrem; *Sermo 216.6*: Pater Deus est, mater Ecclesia; xem J. Plumpe, *Mater Ecclesia, An Inquiry into the concept of the Church as Mother in early Christianity*, Washington 1934;

Kinh Thánh là gốc xuất phát của hình ảnh này. Cựu Ước coi mối quan hệ giữa Đức Giavê và dân Ítraen như là một giao ước tình yêu – hôn ước – giữa vợ chồng. Từ đó dân tộc (hoặc Ítraen, Giêrusalem, hay Sion...) được sánh với người mẹ, và các tín hữu được coi như là những người con. Is 54:1-7 mà nhiều Giáo phụ đã chú thích, hoặc Is 66:7-13 là một vài tỷ dụ điển hình. Trong Tân Ước, thánh Phaolô ví Giáo hội với một trinh nữ hiền thê của Đức Kitô, và coi như là Êva mới, mẹ của các kẻ sống (x. 2Cr 11:2-3).²⁰ Tư tưởng này nổi bật trong Ep 5:25-27 và 1Cr 6:15-16, và được trình bày rõ ở trong Gl 4:26: “Giêrusalem thượng giới là mẹ chúng ta,” một người mẹ sinh hạ những người con để sống tự do. Theo chiều hướng ấy, thánh Gioan cũng đã dùng cách xưng hô tương tự khi viết cho cộng đoàn kitô: “Thưa Bà...,” hoặc “con cái Bà” (2Ga 1.13). Trong sách Khải huyền, tác giả mô tả Giáo hội bị bách hại như một đàn bà đang sinh con và bị con rồng đuổi theo: hấn tiếp tục giao chiến với những người còn lại trong dòng dõi bà... (x. Kh 12:1-17).

Hình ảnh nêu rõ ý nghĩa sau đây: Giáo hội là phương tiện cứu độ cho con cái mình. “Giêrusalem trên trời,” được quan niệm như vườn diệp quang dưới đất, đang chuẩn bị cho niềm toàn phúc vĩnh cửu: “Nhờ Phép rửa, các thánh được bước vào vườn diệp quang thứ nhất, cho đến khi vương quốc Thiên Chúa hiển đạt.”²¹ Giáo hội không chỉ là một giai đoạn trên

K. Delahaye, *Ecclesia mater chez les Peres des trois premiers siècles*, Paris, Cerf 1964.

²⁰ De Broglie, G., “L’Église, nouvelle Ève, née du Sacré-Coeur” *Nouv. Rev. Théol.* 68 (1946) 3-25.

²¹ Hippolytô, *Commentarium super Canticum*, frg. six; Ôrigênê: “Những người tái sinh nhờ phép rửa được đặt trong vườn diệp quang, nghĩa là Giáo hội” :

đường dẫn về quê hương vĩnh cửu, nhưng còn đóng giữ thật vai trò trung gian: Giáo hội đem ánh sáng Đức Kitô cho mọi người,²² và do vậy mà sinh hạ các con cái mình. Hippolytô viết: “Miệng của Chúa Cha đã sinh Lời thuần túy; Lời này xuất hiện lần thứ hai qua các thánh; vì không ngừng sinh ra các thánh, nên Lời cũng được các thánh sinh ra.”²³ Và Lời này chỉ sinh hạ cách hợp pháp trong Giáo hội; vì thế, Tertul-lianô gọi những kẻ lạc giáo là *sine matre* (“không có mẹ”).²⁴ Chính từ ý niệm này mà thánh Cyprianô đã đưa ra mệnh đề: “Ngoài Giáo hội không có ơn cứu độ,” bởi vì Đức Kitô chỉ nhờ hiền thê của mình là Giáo hội, mới có được những con cái cho Chúa Cha.²⁵ Trái lại, các lạc giáo bị nhạo là “gái mãi dâm,” là “đàn bà ngoại tình,” không thể nào sinh con cho Thiên Chúa được.²⁶

Vai trò trung gian cứu độ của Giáo hội được quan niệm nhiều cách khác nhau: khi thì theo cách *ngoại tại*: chẳng hạn coi Giáo hội như là nơi gặp gỡ giữa Thiên Chúa cứu độ và con người tội lỗi, hoặc là như cơ hội tạo nên dịp gặp gỡ ấy...; quan niệm này quả là quá nông cạn; khi thì cách *nội tại*, một cách gần như vật lý: có vẻ như buộc Thiên Chúa phải dùng Giáo hội để tiếp xúc với loài người; hiểu như thế lại quá đáng. Đa số các tác giả quan niệm vai trò của Giáo hội trong khuôn khổ của kế hoạch cứu độ: đã đành là Thiên Chúa hoàn toàn tự do, “có thể từ các hòn đá... sinh nên con

PG 12. 100B; xin xem Cyprianô, *Epist.* 77.10; Irênêô, *Adv. Haereses* 5.5.1, v.v. và Lincoln, A.T., *Paradiso ora e non ancora*, Paideia, Brescia 1985.

²² Irênêô, *Adv. Haereses* 5.20.1.

²³ Hippolytô, *Commentarium in Daniele* 1.10.8

²⁴ *De praescriptione haeticorum* 42.

²⁵ Cyprianô, *De unitate ecclesiae*, 6; *Epistula* 59.13.

²⁶ *Idem. Epistula* 75.14.

cái cho Abraham” (Mt 3:9), tuy nhiên, một cách nào đó họ sẽ là con cái của Giáo hội vinh quang; tích cực mà nói, Thiên Chúa sinh con cái nhờ lời Giáo hội rao giảng và các bí tích trao ban. “Mẹ Giáo hội” đây là Hiền thê toàn diện, tức là bao gồm cả giáo dân lẫn giáo sĩ, mỗi người tùy theo ơn gọi của mình.

Vai trò làm mẹ ấy phản ánh rõ trong những phẩm tính Truyền thống đã gắn liền vào tên gọi “mẹ,” như: “mẹ hiền,” “mẹ thánh,” “mẹ vú nuôi,”... (*alma mater*; SC 122b); Truyền thống cũng áp dụng các tước hiệu ấy cho Đức Maria, vì ngài là mẹ của Đức Giêsu và là mẹ của Giáo hội (LG 63). Nghe đến các tước hiệu ấy, không thiếu chi những tín hữu công giáo cảm thấy một niềm sốt mến nồng cháy dâng tràn lên từ tận đáy lòng của mình; chẳng thế mà Paul Claudel thốt lên: “Hãy chúc tụng mẹ vĩ đại uy linh đến muôn đời, trên gối mẹ con đã được học biết tất cả.”²⁷

* * *

Còn có thể nêu thêm nhiều hình ảnh khác rút ra hoặc là từ những biến cố trong Cựu Ước, mà dựa theo ý nghĩa tiên trưng (*typology*), Truyền thống áp dụng cho Giáo hội, chẳng hạn như: cuộc “xuất hành,” cuộc “vượt qua biển đỏ,” “tàu Noe”;²⁸ hay nhiều hơn nữa như: “tàu (của Phêrô),” “chiếc

²⁷ Claudel, P., “Ma conversion,” trong *Pages de Prose*, do A. Blanchet thu tập, tr. 279. Xem thêm De Lubac, H., *Méditations sur l'Église*, ch. VII: “Ecclesia mater.”

²⁸ Xem Daniélou, J., *Sacramentum futuri: études sur les origines de la typologie biblique*, Paris, Beauchesne 1950; Rahner, H., *L'ecclesiologia dei padri*, Roma 1971; Gherardini, B., *La chiesa arca dell'alleanza*, Roma, Città Nuova 1971..

lưới,” “cây thang Giacóp,” v.v..., hoặc là từ hầu hết các nữ nhân vật lớn trong Kinh Thánh, bắt đầu từ Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu, rồi Agar, Sara, “người yêu” trong Diễm Ca, cho đến Maria Madalêna, v.v. Mỗi hình bóng nêu bật một khía cạnh của mầu nhiệm Giáo hội, và kêu mời chúng ta tìm hiểu cho sâu rộng hơn về mầu nhiệm ấy, không phải là bằng học hỏi trí thức song là qua con đường chiêm niệm.

V

GIÁO HỘI THÁNH THIỆN

“Đức tin xác nhận là Giáo hội thánh thiện một cách bất khả khuyết. Thực vậy, cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, Đức Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng được tôn xưng là ‘Đấng Thánh duy nhất,’ đã yêu thương Giáo hội như hiền thê của mình, và đã hiến thân để thánh hóa Giáo hội. Ngài đã kết hiệp với Giáo hội như với Thân thể mình và ban cho dư đầy ơn Thánh Thần để làm vinh danh Thiên Chúa. Thế nên, Giáo hội quả là ‘Dân thánh của Thiên Chúa,’ và các thành viên của Giáo hội được gọi là ‘các thánh’.”¹

Thánh là thuộc từ đầu tiên được gán cho danh từ *Giáo hội* trong Truyền thống. Từ đầu thế kỷ 2, trong thư gửi cho cộng đồng Tralles, thánh Inhaxiô Antiôkia († 107) đã gọi Giáo hội là “thánh.” *Martyrium Polycarpi* († 155) cũng vậy. Còn cuốn *Pastor* của Hermas († vào khoảng 150) gọi Giáo hội là “ba lần thánh.” Trong các kinh Tin kính, “thánh” cũng là đặc tính thứ nhất được áp dụng cho Giáo hội. Theo P. Nautin, công thức tuyên xưng đức tin Hippôlytô dùng ở Rô-ma trong nghi thức Rửa tội (thế kỷ 3), ghi là: “Con có tin Chúa Thánh Thần trong Giáo hội thánh thiện không?”² Khoảng năm 348, nghi lễ Thánh tẩy của Giêrusalem cũng dùng thành ngữ ấy (DS 41). Kinh Tin kính của thánh Êpi-

¹ *Sách Giá Lý...* số 823 (x. LG 39); xin xem thêm các số 823-829.

² Nautin, Pierre, *Je crois à l'Esprit Saint dans la sainte église pour la résurrection de la chair*, Paris 1947.

phanhông cũng thế (DS 42); cuối cùng, công thức đã được chuẩn nhận vào trong tín quy của các công đồng Nixêa và Conx-tantinốp, mà tính hữu kitô hằng dùng để tuyên xưng đức tin cho tới ngày nay (DS 150).³ Hẳn là đặc tính ấy phản ánh kinh nghiệm của cộng đồng kitô về hoạt động của Thần Khí ở nơi họ; rồi từ đó, họ lấy ngôn ngữ dùng cho Ítraen mà áp dụng cho mình là “Ítraen mới.” Vậy, từ *thánh* phải được hiểu theo ý nghĩa của Kinh Thánh.

1. “Thánh” trong Kinh Thánh

a. Tôn giáo nào cũng biết đến khái niệm *thánh*.⁴ Văn hóa Sêmita, đặc biệt tại miền Canaan, coi là *thánh*, những gì thuộc về một quyền năng nhiệm mầu của thần thiêng. Ý niệm “thánh” bao gồm hai yếu tố chủ chốt là: tách biệt và thanh khiết. Cựu Ước gọi là “thánh” những điều được tách ra khỏi thế tục để dành riêng cho Thiên Chúa, và vì thế được tham dự vào đặc tính “thánh” của Thiên Chúa.⁵ Bởi tự bản tính, Thiên Chúa là thánh, nghĩa là hoàn toàn khác với thế gian (x. Hs 11:9), nên “Sự thánh” là chính Giavê (x. Am 4:2; Is 6:1-11). Cảnh vực của Thiên Chúa là thánh, và bởi thế những thực tại được đặt vào trong cảnh vực ấy đều được thông phần vào đặc tính “thánh.” Ítraen là dân thánh vì đã được Giavê chọn để dành riêng cho Người. Vậy, “thánh”

³ Trong *Tuyển Tập Tin Liệu* của H. Denzinger (=DS), các số 1, 2, 3, 4, 5...

⁴ Xin xem Castelli, E. (ed), *Le sacré. Études et recherches*, Roma-Paris 1974; Ries, J. (ed), *L'expression du sacré dans les grandes religions*, Louvain-la-Neuve, I (1978), II (1983); Costecalde, C.B., *Aux origines du sacré biblique*, Paris, 1987.

⁵ Wright, D.P., “Holiness (OT)” trong *The Anchor Bible Dictionary*, 1992, III, 237-149.

mang ý nghĩa tương tự như “được chọn” (x. Đnl 7:6; 14:2; Is 62:12). Thiên Chúa đã chọn họ, tựa như đã sinh họ ra làm con cái, nên họ được thông phần bản tính của Người (x. Đnl 14:1-2). Các lời Thiên Chúa hứa là thánh (x. Tv 105:42), Đền thờ là thánh (x. Tv 5:8), những vật dụng dùng vào việc thờ phụng (x. Xh 30:29), cũng như ngày sabát đều là thánh (x. Xh 31:14), v.v. Những gì *thuộc về* hay *quy về* Thiên Chúa thì đều là thánh. Hơn bao giờ hết Dân Chúa là thánh khi được triệu tập để phụng thờ Thiên Chúa trong “đại hội của những người thánh” (Tv 149:1), để làm thành “một vương quốc tư tế,... một dân thánh” (Xh 19:6).

Vì họ là thánh, tức là được dành riêng cho Chúa, nên họ phải trở nên thánh, trở nên “vô tội”: sự thánh hữu thể đòi phải có sự thánh hiện sinh. “Hãy là thánh vì Ta là thánh” (Lv 19:2): đó là giới răn căn bản. “Thánh” đây có nghĩa là tuân giữ những mệnh lệnh của Giavê (x. Đnl 26:17-19). Cuối cùng, Thiên Chúa đặt Thần Khí Người vào lòng họ (x. Ed 36:27), tức là ban cho một sinh khí mới, để họ có được khả năng sống trong công chính và đức nghĩa trước mặt Thiên Chúa (x. Is 61:10-11).

b. Tân Ước quan niệm sự thánh trong ánh sáng của kinh nghiệm phục sinh và của mạc khải về sự sống Thiên Chúa Ba Ngôi. Thiên Chúa là “Cha thánh” (Ga 17:11), đã hết lòng yêu loài người (x. Ga 3:16; 13:1). Giữa dòng lịch sử, dân mới của Chúa phải làm cho sự thánh ấy lan tỏa trong khắp thế giới (kinh Lạy Cha: “Xin làm cho Danh thánh Cha vinh hiển,” Mt 5:9): “Anh em hãy sống thánh thiện trong cách ăn nết ở, để nên giống Đấng Thánh đã kêu gọi anh em...” (1Pr 1:15-16). Đức Giêsu là hiện thân của Thiên Chúa chí thánh, là “Đấng Thánh của Thiên Chúa” (Mc 1:24), vì Ngài

được đầy Thần Khí (x. Lc 4:18). Nơi Ngài, “Thiên Chúa chí thánh” đã trở nên “Thiên Chúa-với-chúng-ta.” Đức Giêsu là thánh vì được thụ thai bởi Thánh Thần (x. Lc 1:35), vì được Thánh Thần thánh hiến cho sứ mạng (x. Lc 3:22; 4:18), vì hoạt động nhờ sức của Thần Khí (x. Mt 12:28), v.v.; tóm lại, Ngài là thánh vì Ngài là một với Cha thánh (x. Ga 10:30), vì Ngài là chính Thiên Chúa chí thánh (x. Ga 20:28).

“Thánh” là biệt hiệu đặc trưng của Thần Khí: “*Thánh Thần*.” Không được Thần Khí thánh hóa, thì chẳng có gì và không một ai là “thánh” cả. Như ở tại sông Giordan, Người xuống trên Đức Giêsu để khai mở sứ mạng, thì ngày Lễ Ngũ tuần, Thần Khí cũng đã xuống trên Giáo hội sơ khai (x. Cv 2:3-4). Mục đích sứ mạng của Thánh Thần là thông truyền cho loài người sự sống thánh thiện của Ngôi Cha và Ngôi Con. Bởi Thiên Chúa là tình yêu (x. 1Ga 4:8), nên Thần Khí đổ tình yêu của Thiên Chúa vào lòng các tín hữu (x. Rm 5:5), làm cho họ trở nên con cái Thiên Chúa (x. Rm 8:14). Vì Thiên Chúa là chân lý (x. 3Ga 12; Ga 14:16), và Thánh Thần là “Thần Khí của chân lý” (Ga 14:17; 15:26 v.v.), nên Người thánh hóa các môn đồ trong chân lý (x. Ga 17:17.19). Vì Thiên Chúa là ánh sáng (x. 1Ga 1:5), nên Thần Khí soi lòng mở trí các tín hữu cho họ hiểu mầu nhiệm của Thiên Chúa (x. Ep 1:17-18). Thế thì nhận biết Cha và Con chính là sự sống đời đời, tức là sự sống thánh của Thiên Chúa (x. Ga 17:3).⁶

Sự thánh thiện này phải xuất hiện rõ ra giữa thế giới loài người này, trong và qua bộ mặt của Giáo hội.

⁶ Thils, G., *Existence et sainteté en Jésus-Christ*, Paris, 1982.

2. Giáo Hội “Thánh”

Như trong Cựu Ước, Giavê thánh hóa dân Người, thì dân mới của Thiên Chúa trong thời Tân Ước là Giáo hội, càng phải nên thánh nhiều hơn nữa (x. 1Pr 2:9-10).⁷ Giáo hội là gia đình của những ai “được gọi là thánh” (Rm 1:7; 1Cr 1:2): nghĩa là được Thiên Chúa làm cho nên thánh. Mặt khác, Đức Kitô đã chọn Giáo hội làm hiền thê “xinh đẹp lộng lẫy, không tỳ ố, không vết nhăn... thánh thiện và tinh tuyền” (Ep 5:27); như thế có nghĩa là lời tiên tri Isaia 62:4-5 quả đã ứng nghiệm với Giáo hội hiện tại. Đức Kitô là Đầu, là Tân lang: sự thánh thiện của Giáo hội là kết quả của việc kết hợp bất khả phân ly giữa Đức Kitô và Giáo hội Ngài.

Giáo hội biểu lộ sự thánh thiện qua các thành viên “tinh tuyền thánh thiện” (Ep 1:4) của mình, vì họ được sống đời sống phục sinh của Đức Kitô (x. Rm 6:4), như con cái Thiên Chúa trong Con Một. Không chút do dự, thánh Phaolô gọi các kitô hữu là “thánh:” “Kính gửi tất cả anh em ở Rôma, những người được Thiên Chúa yêu thương, và được gọi là thánh” (Rm 1:7); “Kính gửi Giáo hội của Thiên Chúa ở Côrintô, những người đã được hiến thánh trong Đức Kitô Giê-su, được gọi là thánh” (1Cr 1:2); trong thư gửi cho tín hữu Philiphê ngài viết: “Các thánh hết thảy, nhất là những người ở trong cung điện hoàng đế, cũng gửi lời chào anh em” (Pl 4:22); và ngài coi việc quyền tiền tại Côrintô để giúp Giáo hội Giêrusalem túng thiếu, là một công tác “phục vụ các thánh” (2Cr 8:4). Tông đồ chỉ trình tả lại kinh nghiệm sống của Giáo hội. Đức Kitô là “Đấng Thánh duy nhất,”⁸ và

⁷ Xin xem chương V của Hiến chế *Lumen Gentium*.

⁸ “*Tu solus sanctus*,” như Giáo hội hát trong kinh *Vinh danh*.

qua mầu nhiệm phục sinh, Ngài đã chia sẻ sự thánh tuyệt đối – vừa thần thiêng vừa nhân loại – với các anh em mình khi thông ban Thần Khí của Ngài cho họ (x. Rm 8:11. 14-17). Và sự việc Giáo hội hiện đang sinh hoạt trong lãnh vực thánh, tức là trong “vương quốc Thánh Tử chí ái” (Cl 1:13) cũng cho thấy Giáo hội là thánh. Như Đức Giêsu đã nói: dù vẫn ở trong thế gian, nhưng các tín hữu không thuộc về thế gian (x. Ga 17:14). Còn thánh Phaolô thì nhận định rằng họ “đã được biến đổi nên giống hình ảnh của Chúa vinh quang” (2Cr 3:18). Vậy, người kitô quả là “thụ tạo mới” (2Cr 5:17; Gi 6:15).

Như Ítraen có Đền thánh, thì bây giờ người kitô chính là “đền thờ của Thiên Chúa hằng sống” (1Cr 3:16-17; 2Cr 6:16), là “đền thánh trong Chúa” (Ep 2:21), là “đền thờ của Thánh Thần” (1Cr 6:19). Với tình yêu cá biệt, Thiên Chúa Ba Ngôi đoái thương cư ngụ trong các tín hữu trung thành (x. Ga 14:23).

Căn cứ vào sự thánh hữu thể ấy, Đức Giêsu đã đặt ra trước mắt của người kitô lý tưởng cao siêu bậc nhất này là: “Hãy trở nên hoàn thiện như Cha hoàn thiện của anh em ở trên trời” (Mt 5:48), tức là tiến tới ngày càng gần hơn với sự thánh ấy: tự sức riêng mình, con người bất lực, không theo đuổi nổi lý tưởng cao siêu ấy; nhưng dựa vào sức lực của Thần Khí, người kitô không thất vọng, bởi biết rõ rằng toàn bộ đời mình có thể trở nên “một của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa” (Rm 12:1). Dù đã là thánh – theo nghĩa khách quan – thì – về mặt chủ quan – người kitô cũng còn phải “lo đạt tới mức thánh thiện hoàn toàn” (2Cr 7:1), ngày càng tiến lên “từ đức tin đến đức tin” (Rm 1:17) cao hơn mãi.

3. Giáo hội là “Thánh:” như thế nào?

Căn cứ vào tính cánh chung, công đồng Vaticanô II xác định Giáo hội là thánh thực sự; nhưng vì cũng là Giao hội lữ hành, nên sự thánh thiện ấy còn bất toàn (LG 48). Giáo hội “thánh thiện cách bất khả khuyết” vì tình yêu của Đức Kitô trung thành (LG 39); nhưng “vì ôm ấp vào trong lòng mình cả những kẻ có tội, nên Giáo hội vừa thánh thiện mà cũng vừa phải không ngừng thanh luyện chính mình” (LG 8c). Giáo hội là Dân của Thiên Chúa: vì là *Dân* nên có tội, nhưng vì là *của Thiên Chúa* nên thánh thiện. Chính vì vậy mà thánh Phaolô vừa quả quyết: “anh em là thánh” (x. 1Cr 6:11), nhưng cũng vừa bảo: “ý muốn của Thiên Chúa là anh em nên thánh” (1Ts 4:3). Thánh thiện của Giáo hội có tính cách biện chứng: giữa cái *đã* và cái *chưa*, giữa cái mình đã có và cái mình phải có, giữa ân huệ của Thiên Chúa và cố gắng của con người. Thân phận ấy, thánh Phêrô đã miêu tả thật chính xác như sau: “Anh em hãy sống thánh thiện trong cách ăn nết ở, để nên giống Đấng Thánh đã kêu gọi anh em, vì có lời Kinh Thánh chép rằng: *‘Hãy sống thánh thiện, vì Ta là Đấng Thánh’*” (1Pr 1:16-17).

a. Theo thần học, nếu Giáo hội là thánh thì trước hết là do chính cơ cấu của mình. Các yếu tố cấu tạo Giáo hội thành cơ quan cứu độ là thánh: ý định của Chúa Cha muốn dành cho cơ quan ấy một vai trò đặc thù ở trong kế hoạch cứu độ, là thánh và đó chính là nguồn gốc phát sinh của Giáo hội. Đức Kitô, Đấng sáng lập Giáo hội, là thánh; Thánh Thần, Đấng truyền sức sinh động cho Giáo hội, là thánh; Thiên Chúa đã đặt trong Giáo hội kho tàng mạc khải của Người, tức là Lời Chúa, nhằm tới đức tin, tức là thái độ đáp ứng của

loài người. Đức Kitô đã phó thác cho Giáo hội những công cụ thánh hóa là các bí tích; và Chúa Thánh Thần hằng ban xuống trên Giáo hội, tràn đầy những đoàn sủng, những dịch vụ hay thừa tác vụ.⁹

Những thực tại ấy là thánh, vì chức năng khách quan của chúng là thánh hóa: Lời Chúa là tốt, dù người giảng có xấu; các bí tích có sức thánh hóa, dù thừa tác viên có bất xứng; những tổ chức (như là các dòng tu, các hội đoàn giáo dân, v.v.) Thần Khí khơi dậy, đều thánh thiện, dù trong đó có những thành phần bất trung; các chức vụ phẩm trật là tốt vì có mục đích làm chỉ nam giúp cho dân Chúa vững bước trên đường thánh hóa, dù đôi khi trong đó có những cá nhân tội lỗi (x. Mt 23:2-3).

b. Giáo hội thánh vì là Dân Thiên Chúa hình thành từ những thành viên thánh. Con người trở nên chi thể Giáo hội với bí tích Thánh tẩy, tức là với việc thánh hóa các tội nhân và hiến thánh làm cho họ trở thành “tư tế vương giả” (x. 1Pr 2:5-9; Kh 1:5-6; 5:9-10; LG 10). Thật ra, thay vì gọi người kitô là “thánh,” thì nên gọi họ là “được thánh hóa,” vì vốn là tội nhân, nhưng nay họ được công chính hóa; vì thế, sự thánh thiện này là ơn Chúa ban để được thông phần vào sự thánh thiện của Đức Kitô. Và hơn nữa, họ còn được thông

⁹ Vaticanô II đã dành cả một chương trong Hiến chế về Giáo hội để bàn về bậc sống các tu sĩ dòng tu hay tu hội sống lời khuyên Phúc âm: “Dù không thuộc về cơ cấu phẩm trật của Giáo hội, thì bậc sống tuyên khấn các lời khuyên Phúc âm cũng mật thiết gắn chặt với cuộc sống và sự thánh thiện của Hội Thánh” (LG 44d). “Vậy, một khi đã được gọi để tuyên khấn, mọi tu sĩ hãy chuyên tâm sống bền đỗ trong ơn gọi Chúa đã gửi đến cho mình, và hãy mãi mãi tiến bộ để Giáo hội càng thêm thánh thiện và vinh quang Thiên Chúa Ba Ngôi duy nhất và bất phân càng thêm rạng ngời; trong và nhờ Đức Kitô, Người chính là nguồn mạch và là nguyên ủy của mọi sự thánh thiện” (LG 47).

phần vào chức năng thánh hóa của vị Thượng tế: “Quả thế, những người đã lãnh nhận phép rửa, nhờ ơn tái sinh và nhờ Thánh Thần xúc dầu, được thánh hiến để trở thành ‘nhà tạm’ thiêng liêng và chức tư tế thánh, hầu qua mọi hoạt động của bản thân con người kitô mình, hiến dâng những lễ vật thiêng liêng cùng rao truyền những kỳ công” của Chúa (LG 10a). Thần học gọi căn tính thánh này là “ấn tích,” mà tội lỗi cá nhân cũng không xóa nổi. Ấn tích Rửa tội và Thêm sức không bao giờ mất; người kitô được Thánh Thần niêm ấn để đánh dấu là đã “thuộc về Thiên Chúa.” Các thừa tác viên chức thánh thì còn được niêm thêm ấn tích không bao giờ phai nhạt, đánh dấu quyền được thông phần cách đặc biệt vào chức Tư tế của Đức Kitô. Tập thể các phó tế, linh mục và giám mục làm thành một cơ quan thánh của Giáo hội, không tùy thuộc vào tình trạng đức hạnh của cá nhân. Dùng cơ quan này Đức Kitô bảo đảm quá trình thánh hóa thân thể Ngài, bởi qua họ Ngài cử hành các bí tích để nuôi dưỡng con cái của Chúa Cha: dầu các thừa tác có bất xứng, có tội lỗi, thì bí tích vẫn thành sự, và các vị vẫn là công cụ thông chuyển Thần Khí.

c. Giáo hội có thánh thiện, thì cũng là nhờ ân sủng và nhân đức của các tín hữu. Dù rằng có những tội nhân, thì giáo hữu công chính cũng chiếm đa số. Có một ơn gọi chung, ơn gọi “ăn ở thật khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại, lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau...” (Ep 4:1tt). Vaticanô II nhấn mạnh đến sự việc “...tất cả các kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, cũng đều được kêu gọi tiến đến mức viên mãn của đời sống kitô giáo và mức trọn hảo của đức ái” (LG 40b). Giáo hội đã thắng thế tội ác vì ơn tha thứ luôn luôn sẵn có. Công đồng đã không ngần ngại xác định là Giáo hội “thánh thiện bất khả khuyết” (LG 39), không phải vì không thể

phạm tội, song là vì dù cho có tội, ơn thống hối và tha thứ hằng được ban ra dồi dào hữu hiệu. Trong Giáo hội, không thể có chuyện không có những thánh nhân.¹⁰ Lý do là vì “sự thánh thiện luân lý” phát sinh như là hoa trái từ máu rất thánh của Đức Kitô, và Giáo hội không ngừng cử hành hy tế của Ngài. Hơn nữa, vì Đức Kitô và Hiền thê Ngài không thể nào mà không khăng khít trung thành với nhau; và sau cùng vì “Thần Khí của thánh thiện” (Rm 1:4) hằng ở cùng và hằng tác dụng trong Giáo hội. Nguồn mạch của sự thánh thiện hiện sinh là lời hứa của Chúa: “Quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi” (Mt 16:18), và “Thầy ở với anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28:20).

d. Giáo hội là thánh vì hằng hướng về “thành thánh” cánh chung (x. Kh 21:2), phần thưởng dành cho người kitô trung thành (x. Kh 22:19). Tín hữu kitô bao giờ cũng sống trong thế căng thẳng: là thánh nhưng phải nên thánh thêm mãi (x. Kh 22:11). Tình trạng này chỉ kết thúc khi Đức Kitô quang lâm. Vì thế, Thánh Linh thúc giục Giáo hội liên li nài xin Chúa sớm trở lại: “Thần Khí và Tân Nương nói: ‘Xin Ngài ngự đến!’” (Kh 22:17). Đức tin của Tân Ước đã ý thức rõ về mối liên hệ giữa sự thánh thiện và sự sống lại. Đức Kitô phục sinh là mạc khải về sự thánh của Thiên Chúa: vì là “Đấng Thánh của Thiên Chúa,” nên Đức Giêsu đã sống lại. Trung Tv 16:10, các tông đồ đã minh xác: Thiên Chúa “không để Vị Thánh của Người phải hư nát” (Cv 2:27; 13:35). Sự thánh thiện của Thiên Chúa được chuyển thông qua bí tích Rửa tội, vì đó là bí tích làm cho được thông phần vào cuộc tử nạn và phục sinh của Đức Kitô (Rm 6:3-6). Là thân

¹⁰ Karl Rahner, *Theological Investigations*, III, London: Darton, Longman & Todd 1967: “The Church of the Saints,” tr. 91-104.

thể của Đức Kitô phục sinh, Giáo hội phải hướng về với “Đầu” của mình là Đức Kitô phục sinh đang hiển trị ở trong “trời mới và đất mới” (Kh 21:1-2), để “được ở cùng Chúa mãi mãi” (1Tx 4:17). Viễn tượng ấy là nội dung của niềm hy vọng sống động Giáo hội hằng ấp ủ, và là đối tượng của lời cầu (x. Tt 3:7). Sự thánh thiện chỉ thành tựu trọn vẹn khi Thiên Chúa là tất cả trong mọi sự (x. 1Cr 15:28). Trong khi chờ đợi Chúa trở lại, Giáo hội không ngừng được thánh hóa qua công tác làm cho con người cũ trở thành con người mới, cõi đất cũ trở thành miền đất mới, tạo vật cũ trở thành tạo vật mới.

Các Thánh Thông Công

Được tuyên xưng qua kinh tin kính ít nhất là từ thế kỷ thứ năm, tín điều này làm chứng cho sự thánh thiện của Giáo hội. Trong công thức này, từ *các thánh* có nghĩa chỉ về vừa những điều thánh vừa những người thánh; còn ý nghĩa đầu tiên mà từ *thông công* muốn chỉ về, không phải là chia sẻ, song là hiệp thông nhờ một nguyên tắc thánh, nói cách khác là nhờ dây liên đới siêu việt nối kết các chi thể sống động của Giáo hội trong Thánh Thần.¹¹ Nhưng thực trạng thông phần vào của cải siêu việt của nhau, đòi hỏi phải có việc chia sẻ của cải hiện sinh của nhau.

Giáo hội gồm có “các thánh” ở dưới đất, ở trong luyện ngục và ở trên Trời. Giáo hội như Bí tích cứu độ, và thực trạng “các thánh thông công” chính là nội dung (*res sacra-*

¹¹ Xin xem bài “Communion des saints” trong *Dict. de Théol. Cathol.*, II, 1923, 429-480; “Communion of Saints” trong *Sacramentum Mundi*, Burns & Oates, 1968.

menti) của bí tích ấy, là mối liên kết làm cho các thánh thành một thân thể duy nhất. Nếu nhìn thấu qua thái trạng của các thánh ở trên Trời, thì sự thánh thiện của Giáo hội quả là bất khả khuyết, ngay cả về phương diện nhân loại. Tình trạng hiệp thông thánh này phát sinh từ mối thông hiệp với Đức Kitô¹² và với Chúa Cha (1Ga 1:3).¹³ Niềm hiệp thông này thánh hóa các tín hữu và khiến họ hiệp thông với nhau. Như ở trong Thiên Chúa Ba Ngôi, Thánh Thần là “dây nối kết” Chúa Cha và Chúa Con trong tình yêu, thì ở trong Giáo hội cũng vậy; vì thế thánh Phaolô đã viết bằng một công thức hoa mỹ nói rằng: “Cầu chúc toàn thể anh em được đầy tràn ân sủng của Chúa Giêsu, đầy tình thương của Thiên Chúa, và ơn *thông hiệp của Thánh Thần*” (2Cr 13: 13). Sách Giáo Lý mới trích lời của Sách Giáo Lý Rôma ghi rằng “Giáo hội được cai quản bởi một Thánh Thần duy nhất, thế tất những gì tốt lành Giáo hội nhận được, thì đều trở thành cái vốn chung” (số 847). Thánh Linh “cai quản” Giáo hội như một nguyên lý nội tại; vì thế, tín điều “thông công” muốn nói rằng trong Giáo hội, hiệp thông bởi một nguyên lý thánh duy nhất, những người thánh cùng chia sẻ với nhau những kho tàng thánh thiêng đã được để làm của chung.

Ý thức rõ về mối liên đới siêu việt này, thánh Phaolô đã “cầu nguyện cho anh em hết thủy” (Pl 1:3), và xin cộng đoàn Êphêsô “cầu cho toàn thể các thánh” cũng như cho ngài (x. Ep 6:18-19). Vì đặt nền móng nơi chính Đức Kitô và Thánh Thần, nên mối liên đới này không giới hạn ở trong đời này

¹² Từ *communio* (Latinh) hoặc *koinonia* (Hy Lạp) có ý nghĩa “hiệp thông” và “rước lễ” vì cả hai rút cuộc chỉ là một: x. 1Cr 10:16.

¹³ Nên lưu ý là Cựu Ước không bao giờ nói về “hiệp thông” với Giavê; “hiệp thông” với Thiên Chúa là đặc tính của Dân Tân Ước.

mà thôi, nhưng vẫn mãi tiếp tục ở đời sau (x. LG 49-50). Đó là lý do tại sao Giáo hội sơ khai đã nhận ra là cần phải kính các vị tử đạo và cầu nguyện dâng lễ cho các tín hữu đã qua đời: mỗi liên đới thánh này quả là mạnh hơn sự chết vậy. Thực trạng “Các Thánh thông công” luôn luôn ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống của các tín hữu, như Sách Giáo Lý viết: “Các tín hữu học được nơi Giáo hội *gương sáng của sự thánh thiện*: họ nhận ra khuôn mặt và nguồn mạch của sự thánh thiện nơi Đức Trinh Nữ Maria rất thánh; họ thấy được bằng chứng trung thực của sự thánh thiện nơi những người sống thánh thiện; họ khám phá ra sự thánh thiện trong truyền thống tinh thần cũng như trong lịch sử lâu dài của các vị thánh đã đi trước họ và được phụng vụ kính mừng theo nhịp chu kỳ Các Thánh” (số 2030).

Cuối cùng, *communio sanctorum* – tức cùng nhau chia sẻ của cải thiêng liêng – phải đưa đến *communicatio bonorum* – tức chia sẻ của cải vật chất – như Vaticanô II đã lưu ý: “Các thành phần khác nhau trong Giáo hội đều liên kết với nhau qua mối dây hiệp thông mật thiết về của cải thiêng liêng, về nhân sự tông đồ cũng như về tài nguyên vật chất. Quả thực, mọi phần tử Dân Thiên Chúa đều được kêu gọi chia sẻ của cải mình, và lời nói sau đây của vị tông đồ cũng ứng hiệu đối với mỗi một Giáo hội: *‘Ơn riêng Thiên Chúa đã ban, mỗi người trong anh em phải dùng mà phục vụ kẻ khác. Như vậy, anh em mới là những người khéo quản lý ân huệ thiên hình vạn trạng của Thiên Chúa’*” (LG 13c; x. GS 69).

4. Thánh thiện còn khiếm khuyết

“Trong khi Đức Kitô ‘thánh thiện, vô tội, vô tì’ (Dt 7:26), ‘không hề biết đến tội’ (2Cr 5:21), nhưng đã đến để xóa tội của dân (x. Dt 2:17), thì, vì còn ấp ủ tội nhân trong lòng của mình, và đồng thời là thánh mà vẫn cần phải được không ngừng thanh luyện, nên Giáo hội hằng ra sức xám hối và canh tân” (LG 8c).

Giáo hội có thánh thiện là nhờ các cấu tố thần linh; Giáo hội có yếu nhược tội lỗi là do các cấu tố nhân loại. Đức Giêsu đã báo trước là cỏ lùng sẽ còn mọc lên trong ruộng lúa của Thiên Chúa “cho đến ngày mùa” (x. Mt 13:24-30), và chiếc lưới của Nước Trời thì sẽ gom đủ thứ cá, tốt cũng như xấu (x. 13:47-48). Chính vì thế Ngài đã thiết đặt những thể thức sửa lỗi trong cộng đoàn (x. Mt 18:15-18). Thánh Phaolô đã phải đối phó với tình trạng “chướng tai” ở trong cộng đoàn Côrintô mà, trong những dịp khác, ngài ban khen là tốt (x. 1Cr 5:1tt). Còn tông đồ Gioan thì đã thấy xuất hiện ở trong cộng đồng Giáo hội địa phương của ngài, những “kẻ phản Kitô” (1Ga 2:18).

Vaticanô II cũng công nhận Giáo hội là thánh nhưng còn bất toàn, chính vì thế mà bao giờ cũng phải cần đến nỗ lực cải tiến (UR 6a).¹⁴ Công đồng Trentô dạy rằng người công chính vẫn còn có thể phạm tội (DS 1440, 1619¹⁵); ở dưới đất này, sự thánh thiện sẽ không bao giờ thập toàn hoàn hảo:

¹⁴ Xin xem K. Rahner, *Theological Investigations* VI, London: Darton, Longman & Todd 1969: “The Church of Sinners,” tr. 253-269, và “The sinful Church in the Decrees of Vatican II,” 270-292.

¹⁵ “Sẽ bị tuyệt thông nếu chủ trương rằng: người đã được rửa tội thì dù muốn và dù có phạm tội bao nhiêu đi nữa, cũng không thể mất ân sủng, trừ khi người ấy từ chối không muốn tin.”

“người công chính nào cũng phạm tội nhẹ” (DS 1537) hay trọng (DS 1573). Trong lịch sử, thỉnh thoảng lại xuất hiện những lạc giáo chủ trương một Giáo hội không tì ố chỉ gồm toàn những thánh nhân; như Jan Hus († 1415) chẳng hạn: ông này cho rằng Giáo hội là cộng đoàn của “toàn thể những người được tiền định,” còn tất cả những người khác sẽ phải xuống hỏa ngục, bởi dù có sống trong ân sủng Thiên Chúa, họ cũng không thuộc về Giáo hội (DS 1201, 1205, 1206); Pasquier Quesnel cũng bị kết án (năm 1713) vì chủ trương một dạng học thuyết tương tự (DS 2472-8).

Các Giáo phụ thường nhắc lại hình ảnh này là Đức Kitô, Đấng chặn chiên lành, đã tìm ra được một Giáo hội tội lỗi để biến hóa cho thành thánh thiện, đã gặp thấy một Giáo hội ô uế mà vẫn thanh luyện cho ra tinh tuyền. Công trình của Ngôi Lời nhập thể chỉ mỹ mãn hoàn tất ở trong vương quốc cánh chung. Truyền thống nêu những phụ nữ tội lỗi trong Kinh Thánh làm hình bóng tiên trưng cho Giáo hội, như Thamar, Rahab, Madalêna...: Giáo hội chỉ là thánh vì nhờ được giải thoát khỏi tội lỗi; bởi vì bản tính nhân loại chỉ là xác phàm. Cũng vì thế mà tước hiệu hơi nghịch lý này là “*casta meretrix*” (“gái điếm trinh bạch”) đã được áp dụng cho Giáo hội.¹⁶ Và bởi vậy, khi cử hành Lễ Tạ Ơn, bao giờ Hiến thể Đức Kitô cũng đều bắt đầu với nghi thức sám hối: *communio peccatorum*; nhưng lại kết thúc với hành động hiệp thông (rước Lễ) với Chúa: *communio sanctorum*.

Và đây, một vấn nạn được đặt ra: đã đành là có những tín hữu tội lỗi, nhưng chính Giáo hội có tội lỗi không? Nếu nhìn Giáo hội qua bản chất *mâu nhiệm* (Nhiệm thể), thì

¹⁶ Xin xem H.U. von Balthasar, “*Casta Meretrix*,” trong *Sponsa Verbi: Skizzen zur Theologie*, II, Einsiedeln 1961, tr. 203-305.

không thể có chuyện vương nhuốm tội lỗi; vì vậy, nhiều nhà thần học giải thích rằng Giáo hội có tội nhân, song không có tội; tín hữu tội lỗi là như bị xé làm hai: một đằng thì ở trong Giáo hội, và đằng khác thì thuộc về thế gian. Nếu xét theo tư thế là *cộng đồng các tín hữu*, thì Giáo hội vừa thánh vừa tội lỗi. Tội lỗi của dân Chúa làm giảm bớt đi tính chất thánh của Nhiệm thể; tội lỗi của các thủ lãnh tác hại đến chính Giáo hội.¹⁷ Vì thế, Đức Phaolô VI và Đức Gioan Phaolô II đã nhiều lần lên tiếng công khai xin lỗi vì những tội *Giáo hội* đã phạm trong quá khứ, chẳng hạn như khi gây chia rẽ với Đông phương¹⁸ hoặc khi dính líu vào việc tạo ra bầu khí bài Do thái.¹⁹ Lịch sử cũng cho thấy đã có những vị lãnh đạo cấp cao trong Giáo hội phạm vào những tội tà trời như sát nhân, buôn thần bán thánh, kéo lê cuộc sống phóng dăng, thế tục, vô trách nhiệm..., cũng như có những đám đông tín hữu sống theo mê tín dị đoan. Bộ mặt của Giáo hội bị méo xệch đi vì tội lỗi.

Vì các tín hữu đều liên đới với nhau, nên họ càng đạo đức thì toàn bộ Giáo hội càng thánh thiện; và trái lại, tín hữu tội lỗi thì làm giảm thiểu đi “mức độ thánh thiện” của dấu chỉ cứu độ là Giáo hội. Nhưng phải nói ngay là phần liên đới tích cực (công đức) hay tiêu cực (tội lỗi) của các tín hữu quả

¹⁷ Xin xem chú thích 13.

¹⁸ Vaticanô II nhận định: “Lời chứng sau đây của Thánh Gioan vẫn còn giá trị đối với những lỗi lầm phương hại đến hiệp nhất: ‘Nếu ta nói rằng mình vô tội, ta kể Người là kẻ dối trá và Lời Người không ở trong chúng ta’ (1Ga 1:10) Vậy, chúng ta hãy khiêm nhượng xin lỗi Chúa và xin lỗi các anh chị em ly khai, cũng như chúng ta tha cho kẻ có nợ chúng ta” (UR 7b)

¹⁹ Xin xem Tuyên Ngôn *Nostra Aetate*, 4g: “...Giáo hội rất lấy làm đau lòng vì sự thù ghét, đàn áp và những hành động của chủ nghĩa bài Do thái trong bất cứ thời nào và do bất cứ ai đối với người Do thái.”

là ít ỏi so với sự thánh thiện của Đức Kitô; Ngài là nguồn phát sinh chủ yếu của “thánh tính” Giáo hội. Bao lâu còn là lữ khách, thì bấy lâu Giáo hội vẫn mãi “tiến bước giữa những cám dỗ và thử thách đau thương;” nhưng hằng “được vững mạnh nhờ ơn Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã hứa ban, để dù có yếu hèn về mặt xác thịt, Giáo hội cũng vẫn hoàn toàn trung tín, sống như một Hiền Thê xứng đáng của Chúa mình, và không ngừng đổi mới chính mình dưới tác động của Chúa Thánh Thần cho đến ngày, nhờ Thánh giá mà đạt đến ánh sáng không hề tắt” (LG 9 cuối).

5. Giá trị biện giáo của đặc tính “thánh thiện”

Bốn “đặc điểm” của Giáo hội (duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền) thường được các nhà biện giáo dùng làm lý chứng để xác minh Giáo hội (công giáo) là Giáo hội thật.²⁰ Nhưng sự thánh thiện thì quá tế nhị, nên ít ai dám dùng đến để làm “bằng cứ.” Thật vậy, nếu nói “ta thánh hơn người” thì quá là huênh hoang, và vì thế, sẽ làm tiêu mất đi chính điều tuyên bố. Đã là bằng cứ, tất phải có tính cách hữu hình; nhưng, “thánh thiện” có là do bản tính siêu nhiên, nên không thể nào lấy những hiện tượng bề ngoài để mà đo lường hay xác định thực tại bề trong được.

Đàng khác, Đức Kitô và Thánh Thần đang hoạt động cả ở ngoài biên giới Giáo hội công giáo; thậm chí ngoài Kitô giáo nữa; vì thế Giáo hội nào, tôn giáo nào cũng có thể có những người thánh và những giá trị thánh. Hơn nữa, muốn

²⁰ Xin xem Thils, G., *Les Notes de l'Église dans l'apologétique Catholique depuis la Réforme*, Paris, Gembloux 1947.

“do lương mức độ” thánh thiện, thì phải có những tiêu chí chung với phía “đôi đàm,” mà thật sự là không có.

Dù vậy, Đức Kitô vẫn muốn Giáo hội giống như “thành xây trên núi,” như “ánh sáng chiếu giải trước mặt thiên hạ” (x. Mt 5:14-16). Còn Vaticanô II thì nói: Giáo hội là “một dấu chỉ nêu cao trước mắt các dân tộc” (SC 2; UR 2e; AG 36b). Thế thì, vì “ấn dấu của Đức Kitô phải chiếu sáng rạng ngời trên khuôn mặt Giáo hội” (LG 15), và “qua khuôn mặt ấy, người ta phán đoán về sức mạnh và chân lý của sứ điệp Kitô giáo (GS 43e) — tức là phải nêu rõ lý chứng minh giáo — nên công đồng khuyến khích các tín hữu chăm lo sống đạo xứng đáng; ắt là, trước hết, phải cần đến sự thánh thiện. “Bí tích cứu độ” là “dấu chỉ thánh hóa;” vì thế, qua đó, loài người có thể nhận thấy rõ được sự thánh thiện trong Giáo hội.

Khoa biện giáo có khuynh hướng dựa vào một số sự kiện hay hiện tượng như là *phép lạ* để bàn rộng về các đặc điểm, cho rằng Giáo hội có thánh thiện như thế là *bởi vì* Thiên Chúa can thiệp đặc biệt để tạo nên kết quả lạ thường như vậy. Biện luận như thế chỉ là việc làm vô ích, vì không mấy ai đã thấy, đã nhận phép lạ, và trong lãnh vực này không thể *chứng minh* điều gì một cách xác quyết. Về những thực tại siêu nhiên, thì nhiều lắm là chỉ có thể đề xuất một số “dấu hiệu” có sức gợi ý suy tư. Có thể nhận ra được nhiều dấu chỉ khách quan về sự thánh thiện của Giáo hội, chẳng hạn như là những sự kiện sau đây: Giáo hội vẫn mãi trung thành với sứ mệnh rao giảng Tin Mừng và cử hành các bí tích; vẫn mãi tiếp tục ra sức nâng cao mức độ đạo đức của nhân loại; thái độ khoan dung đón nhận các tội nhân; luôn luôn đề nghị cho con người một lý tưởng luân lý cao nhất; hàng

không ngừng sinh nên nhiều con cái thánh thiện: sự thật mà nói, trong Giáo hội có nhiều thánh nhân đích thực; thiếu chi những vị chân tu chiêm niệm, trọn đời dâng hiến toàn thân cho một mình Thiên Chúa; thiếu chi những kitô hữu dấn thân vô điều kiện và vô vị lợi để tận tụy phục vụ những anh chị em đau yếu, nghèo khó, bất lực (như: người cùi, dân chúng bị bóc lột, người mù chữ, v.v.); một tình yêu hiện thể *nhân danh Đức Kitô* như thế quả là dấu chỉ hùng hồn cho thấy Thiên Chúa chí thánh hằng hiện diện ở giữa Giáo hội. Và như thế, mọi người sẽ nhận rõ được ngay sự thánh thiện ấy, không cần phải biện luận dông dài. Vậy, điều mà Giáo hội đang cần nhất bây giờ là có được nhiều người thánh.²¹

²¹ Xin xem Grand-Maison, M., *L'Église par elle-même motif de crédibilité*, Rome 1961; Von Balthasar, H.U., *Amore e credibilità cristiana*, Roma 1981; Gómez, F., "Towards a Ministry of Sanctity?" *East Asian Pastoral Review* 22 (1985) 147-155; Cotugno, N., "La testimonianza del Popolo di Dio, Segno di Rivelazione alla luce del Concilio Vaticano II" trong Fisichella, R., (ed), *Gesù Rivelatore*, Casale Monferrato 1988, 222-240;

VI

ĐỊNH NGHĨA GIÁO HỘI

Kinh Thánh không *định nghĩa* Giáo hội, nhưng dựa trên các hình ảnh và ẩn dụ Kinh Thánh, các tác giả đã cố gắng trình tả về Giáo hội. Vậy, Giáo hội được gọi là: “Ítraen của Thiên Chúa,” “Giêrusalem,” “thành trì,” “kiến trúc,” hoặc là “vườn nho” của Thiên Chúa, v.v. Và có nhiều từ ngữ còn sát với ý nghĩa của bản tính Giáo hội hơn nữa, cũng đã được dùng đến, như “dân Thiên Chúa,” “Mẹ chúng ta,” “Nữ trinh,” hay “Hiền thê,” v.v. Qua những cách thức miêu tả Giáo hội như thế, có thể thấy được Giáo hội là gì *đối với chúng ta*, hay nói cách khác: chúng ta cần phải làm gì để hiệp thông với Thiên Chúa.¹

Giáo hội là một mẫu nhiệm; và đã là một mẫu nhiệm, thì không danh từ nào, không công thức nào,² có thể định nghĩa cho hoàn toàn đúng được. Dẫu vậy, thể theo ý muốn của Đức

¹ Xin xem Rokhof, H.W., *The concept of the Church; a methodological inquiry into the use of metaphors in Ecclesiology*, Sheed & Ward, Patmos 1981. Về quan niệm Chính thống, xin xem Trembelas, P., *Dogmatique de l'Église orthodoxe catholique*, Chevetogne 1967, II, 366tt.

² Chẳng hạn: “các thánh,” “Kitô hữu,” “tín hữu,” “môn đồ của người Galilêa,” “khách lữ hành,” “dân được tuyển chọn,” “dân thánh,” “dân Thiên Chúa,” “huynh đệ,” “Ítraen mới, hoặc của Thiên Chúa, hoặc Ítraen thực,” “đền thờ Thiên Chúa,” “nhà Thiên Chúa,” “đồng đội Abraham,” “Nước Trời,” “Thân mình Đức Kitô,” “vườn nho,” “đàn chiên...” v.v., và nhiều hơn là những gì đọc thấy trong Tân Ước.

Phaolô VI, công đồng Vaticanô II cũng đã để lại cho chúng ta một vài công thức tương tự như dạng định nghĩa: “Không ai còn có thể do dự được là đã có một ý muốn, một nhu cầu, một bổn phận đòi Giáo hội phải tự định nghĩa về mình một cách xứng hợp hơn.”³

Danh xưng Giáo hội

Kinh Thánh dùng từ *Ekklesia* để chỉ định thực tại gọi là Giáo hội. Chính từ này cũng đã là một thứ định nghĩa hay. Từ *ekklesia* phát nguyên từ động từ *ek-kaleô* có nghĩa là “triệu tập” (*convocatio*), “nhóm hội,” vừa chỉ về hành động: triệu tập, tụ họp; vừa chỉ về kết quả (thụ động) của hành động là cộng đồng được triệu tập.

Trong môi trường văn hóa Hy Lạp, *Ekklesia* có nghĩa là “đám họp công dân” (x. Cv 19:32-40), với mục đích thường là pháp lý; ngày nay người ta sẽ gọi đó là cuộc ‘mít-tinh’ do một yếu nhân triệu tập. Nhưng Kitô giáo không mượn từ này từ thế giới Hy Lạp đương thời, song là lấy nó từ Kinh Thánh.

Trong Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp (bản dịch Bảy Mươi: LXX), từ *ekklesia* được dùng 96 lần để chỉ cộng đồng Ítraen được triệu tập; trong một số lần, từ ấy mang ý nghĩa đời, còn lại thì thường (72 lần) được dùng để chỉ về cuộc hội họp tôn giáo, mà tiếng Do thái gọi là *Qahal*, thường ghép với từ *Yhwh* để tạo thành từ *Qahal-Yahuweh* (hội đồng của Giêhô), với ý nghĩa kép: “được Thiên Chúa triệu tập” và “sở hữu của Thiên Chúa” (x. Đnl 23:2; 1Sb 28:8; Nkm 13:1; Mk 2:5, v.v.). Cựu Ước dùng 115 lần từ *Qahal*, trong đó 72 lần với ý

³ Phaolô VI, *Diễn văn khai mạc khóa II c.d Vaticanô II*, ngày 29-9-1963.

nghĩa tôn giáo. Những lần hội họp này sẽ là kiểu mẫu cho cộng đồng kitô, tức Giáo hội. Ngay từ đầu, Giáo hội ý thức rõ mình là một cộng đồng do Thiên Chúa triệu tập, chứ không phải là một đoàn nhóm tụ họp do tự ý hay do ý muốn loài người: Ôn gọi thần linh chính là nguồn phát sinh của Dân Thiên Chúa.

Tân Ước dùng đến nhiều từ khác nhau để gọi các môn đồ của Đức Giêsu. Nhưng ngay từ đầu, từ *ekklesia* đã được chọn để chỉ về các ngài như là danh xưng đặc biệt. Thánh Phaolô dùng 62 lần, sách Công vụ các tông đồ 23 lần, sách Khải huyền 20 lần; còn Tin mừng Nhất lãm thì chỉ dùng có 2 lần trong Matthêu; như vậy, Tân Ước dùng từ *ekklesia* đến 114 lần. Các văn bản tiếng Latinh đã dùng những từ tương tự. Tertullianô dùng từ *curia* (Apol. 39); các tác giả khác dùng từ *contio*, hoặc *comitia*, v.v... Tuy nhiên, nói chung, Giáo hội không muốn dịch nghĩa, nhưng chỉ muốn chuyển âm thành *ecclesia* mà thôi. Thật ra, ngôn ngữ Kitô giáo có nhiều ‘thuật ngữ’ như vậy, tức là chỉ phiên các từ Hy Lạp ra chữ Latinh, như: *episcopus*, *baptisma*, *christianus*...v.v.

Từ *ekklesia* có nghĩa trước hết chỉ về cộng đồng kitô nói chung, rồi sau đó mới ngụ ý chỉ về cộng đoàn địa phương. Ngay từ đầu, các kitô hữu đã tự giới thiệu là “Giáo hội của Thiên Chúa” (Cv 20:28); điều đó chứng tỏ họ đã lấy danh xưng này từ Cựu Ước, và đồng thời họ coi mình là Ítraen mới, Ítraen thực, đang lữ hành trong sa mạc (x. 1Pr 2:9tt; 2Cr 6:16; Dt 8:10, v.v.), là “số tín trung còn lại” giữa số đông chối phản đạo (x. Cv 5:31-32; 7:1-53). Giáo hội đã được gọi là *ekklesia* ngay tại Palestina, như thấy được ở trong Mt 16:18; 18:18, và trong Cv, nơi các chương nói về cộng đồng Giêrusalem gốc Do thái (x. Cv 5:11; 8:1-3; 9:31; 12:1-5). Vậy,

xét theo tư thế nào – tức là cộng đồng địa phương hay cộng đồng phổ quát – thì Giáo hội Giêrusalem cũng đã được gọi là *Ekklesia*.⁴

Ban đầu, “Giáo hội” thường được dùng và hiểu theo số ít (x. Cv 2:47; 8:1-3), ngay cả khi có ý nói về Giêrusalem (x. Cv 9:31); sau này, từ ấy mới được dùng ở số nhiều (x. Kh 1:4; 11:20; 2Cr 11:28, v.v.). Nhưng khi Tân Ước nói về các Giáo hội, thì không hề có ý đề cập đến một thứ liên bang, mà chỉ muốn nêu lên một thực tại duy nhất được hiện thực trọn vẹn trong mỗi cộng đoàn. Chính đó là ý nghĩa muốn biểu đạt qua cách nói: “Giáo hội ở Côrintô” (1Cr 1:2; 2Cr 1:1). Giáo hội mang ý nghĩa siêu việt trong tương quan với từng cộng đoàn (x. 1Cr 15:9; Gl 1:13, v.v.), và vì thế thánh Phaolô đã có thể đi từ số ít qua số nhiều bằng cách phối hợp cả hai ý nghĩa (x. 1Cr 4:34; Pl 3:6, v.v.).

Vậy, ý nghĩa của danh từ *ekklesia* có thể được tóm gọn như sau: “Nhiều mẫu nhiệm cao cả được nói lên qua danh từ *EKKLESIA*. Trước hết là sự triệu tập... để trực tiếp biểu đạt lòng nhân hậu và ánh huy hoàng của ân sủng Thiên Chúa, cũng như để đánh dấu khoảng cách ngăn giữa Giáo hội và những thực tại trần thế khác. Vì những thực tại này là hậu quả của lý trí và khôn ngoan loài người; còn trái lại, Giáo hội là hậu quả của minh trí và kế hoạch Thiên Chúa. Người dùng tác động và tác vụ của các vị mục tử mà rao giảng để kêu mời tự bên trong lẫn bên ngoài.”⁵

⁴ Cha E. Schillebeeckx viết: “Trái với quan niệm trước kia, ý nghĩa phổ quát của từ *ekklesia* không phải là một sự ‘đổi mới’ của từ ấy, song là ý nghĩa nguyên thủy từ lúc đầu (x. Gl 1:13; 1Cr 15:9; Pl 3:6)”, trong *Church, The Human Story of God*, New York 1993, tr. 147.

⁵ *Sách Giáo Lý Công Đồng Trentô*, I.10.3.

2. Nội dung của từ *ekklesia*: định nghĩa chính xác

Vì Giáo hội là một thực tại phức tạp và có thể tìm hiểu từ nhiều quan điểm khác nhau, nên khi định nghĩa Giáo hội, các tác giả thường có khuynh hướng nhấn mạnh cách riêng đến một khía cạnh nào đó.⁶

a. Giáo hội như một xã hội

Về phương diện này, câu định nghĩa sau đây của thánh Rôbertô Bellarminô được coi là cổ điển: “Giáo hội là một xã hội gồm nhiều người liên kết với nhau qua việc tuyên xưng cùng một đức tin kitô giáo, và qua việc tham dự các bí tích, dưới quyền tài thẩm của những chủ chăn hợp pháp, nhất là của Đức Giáo hoàng, vị đại diện duy nhất tại thế của Đức Kitô.”⁷ Khái niệm ‘xã hội’ là khái niệm thích hợp nhất để giúp nhận thức đúng về Giáo hội trước những nguy cơ của Tin lành, của phái Janseniô và Pháp giáo (*Gallicanisme*), bởi nó nêu rõ tính chất duy nhất, hữu hình và cơ cấu phẩm trật của Giáo hội, ngược lại với những khuynh hướng duy linh hoặc địa phương hóa đưa tới ly khai. Công đồng Vati-

⁶ Xin xem Dulles, Avery, *Models of the Church, expanded edition*, Doubleday, N.Y. 1987.

⁷ *Opera omnia*, éd. Justin Fèvre, Paris, 1870, II, tr. 316-318; vì câu này đã được nói đến nhiều, nên cần phải đọc lại nguyên văn: Tòì nói rằng Giáo hội là “coetum hominum ejusdem christianae fidei professione colligatum, et eorundem sacramentorum communione collegatum, sub regimine legitimorum pastorum, ac praecipue unius Christi in terris Vicarii Romani Pontificis.” Bellarmino cũng biết đến chiều kích bề trong hoặc “linh hồn” của GH, nghĩa là những ơn của Thần khí, đức tin, cậy, mến, v.v.; vì thế, ngài phân biệt những thành viên của GH làm ba nhóm: những người thuộc về cả xác lẫn hồn của GH, những ai chỉ thuộc về xác (các tội nhân) mà thôi, và những ai chỉ thuộc về linh hồn (có đức tin mà chưa chịu phép Rửa tội).

canô II cũng đã dùng đến khái niệm ấy: “Giáo hội được thiết lập và tổ chức trong thế gian này như một xã hội” (LG 8), với những cơ cấu phẩm trật. Công đồng Vaticanô I không dùng từ ‘xã hội’ nhưng lại miêu tả những yếu tố cấu thành Giáo hội theo các loại nguyên nhân: nguyên nhân chất thể là các tín hữu; nguyên nhân mô thức là mối hiệp nhất trong đức tin và dây hiệp thông; nguyên nhân cứu cánh là nhân tố làm cho công trình cứu chuộc được trường tồn; và nguyên nhân dụng cụ là các chủ chăn, tức những vị phục vụ sự hiệp nhất; tất cả được thiết đặt theo kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa.

Định nghĩa như thế vẫn chưa đủ. Còn cần phải nêu rõ thêm rằng Giáo hội là một xã hội đặc loại, vì Giáo hội bao gồm những yếu tố vượt quá trật tự xã hội tự nhiên: tức là những gì thuộc lãnh vực hay bình diện siêu nhiên của Hội thánh.

b. Giáo hội như là Hiệp thông

Để vượt ra ngoài những giới hạn pháp lý của phạm trù ‘xã hội,’ các nhà thần học đã cầu đến khái niệm “hiệp thông.” *Hiệp thông* là gì? Thưa là một thực tại phức tạp, nhưng có thể tạm nói đó là tương quan liên vị giữa Thiên Chúa và con người, cũng như giữa loài người với nhau: F. Pilgram quan niệm như vậy.⁸ Còn J. Hamer thì định nghĩa: “Giáo hội là nhiệm thể Chúa Kitô, nghĩa là một sự hiệp thông vừa bên trong vừa bên ngoài, làm cho sống kết hợp với Đức Kitô, bởi đã được gầy dựng nên do nhiệm cục của Đức Kitô trung gian.”⁹ Công đồng Vaticanô II đã nêu bật ý niệm này trong

⁸ F. Pilgram, *Psychologie der Kirche*, 1860.

⁹ Xin xem J. Hamer, *L'Église est une communion*, (Unam sanctam 40), Paris, Cerf 1962, ch. IV.

nhiều đoạn văn kiện, như LG 4: “Thần Khí thống nhất Giáo hội trong niềm hiệp thông (*communione*) và công tác phục vụ (*ministracione*), trang bị và dẫn dắt bằng nhiều ân huệ khác nhau (x. Ep 4:11-12; 1Cr 12:4; Gl 5:22).”¹⁰

Quan niệm Giáo hội như là hiệp thông đáng được đặc biệt đề cao, bởi nó nêu bật những chiều kích siêu nhiên của Giáo hội; chỉ có một điều cần phải lưu ý là đừng lãng quên đi yếu tố hữu hình và tổ chức trong Giáo hội. Vì thế, Pilgram đã cẩn thận ghi thêm để bổ túc, điều ông gọi là một yếu tố biệt loại (*sui generis*), tức khái niệm *politeia* (tương tự như một thành phố hay một quốc gia), nghĩa là Giáo hội cũng phải có một cơ cấu tổ chức thuộc thần quyền. Ngày nay, nhiều nhà thần học tỏ rõ thái độ ưu đãi đối với khái niệm *hiệp thông* và thường dùng đến trong Giáo hội học.¹¹

c. Giáo hội: Nhiệm thể của Đức Kitô

Công đồng Vaticanô I đã muốn định nghĩa Giáo hội như là thân thể huyền nhiệm;¹² nhưng các nghị phụ đã không đồng ý với cách miêu tả như thế về Giáo hội, vì đó là một ẩn dụ: các ngài e rằng lối diễn đạt ấy sẽ làm cho rơi vào một thứ thần bí quá khích và bỏ quên đi những khía cạnh cụ thể

¹⁰ Xin xem Philips, G., *L'Église et son mystère au II^e concile du Vatican*, Paris 1967, phần cắt nghĩa số 4 này của văn kiện.

¹¹ Garijo-Guembe, M.M., *Communion of the Saints. Foundation, Nature, and Structure of the Church*, Collegeville, Mn. 1994; Nwaigbo, F., *Church as Communion: An African Christian Perspective. Theology of the Local Church in the Light of the Second Vatican Council*, Bamberg, 1996; Rigal, J., *L'ecclésiologie de communion. Son évolution historique et ses fondements*, Paris, Cerf 1996; Schindler, D.L., *Heart of the World, Center of the Church: Communio Ecclesiology, Liberalism and Liberation*, Grand Rapids, 1997.

¹² Xin xem Mansi 51. 751-763.

hữu hình của Giáo hội. Thật ra, các nhà thần học cũng tránh dùng cách nói ấy: trong *Dictionnaire de Théologie Catholique* của Vacant-Mangenot-Amann (năm 1923) không thấy có mục từ *Nhiệm thể*; còn *Catholic Encyclopedia*, New York 1907-1912, thì chỉ có một nửa cột viết về đề mục này; các bộ: *Kirchliches Handlexicon* của M. Buchberger, Freiburg 1907-12, *Từ Điển Thánh Kinh* của F. Vigouroux (Paris 1895-1912) và *Dictionnaire Biblique. Supplément* của L. Pirot cũng chẳng đề cập gì đến chủ đề *Nhiệm thể*.

Chính Kinh Thánh đã gọi Giáo hội là “thân thể Đức Kitô;” vậy, khi ghép thêm tính từ “huyền nhiệm” (*mysticum*), thì một cách nào đó, đã làm ẩn dụ ấy trọn nghĩa. Đức Piô XII viết: “Để định nghĩa, để mô tả khuôn mặt thật của Giáo hội Chúa Kitô, ta không thể tìm thấy thành ngữ nào hay hơn, hoàn hảo hơn, và hoà hợp với khía cạnh thần linh hơn là những thành ngữ “nhiệm thể của Đức Kitô.”¹³ Dù không đưa ra một định nghĩa duy nhất về Giáo hội, công đồng Vaticanô II cũng đã dành trọn cả số 7 của Hiến chế về Giáo hội để trình bày về thực tại và thực chất của “nhiệm thể.”

Như vậy, Giáo hội là một “thân thể” bao gồm tất cả những người có cùng một đức tin và đã chịu cùng một phép rửa, qui tụ dưới sự chỉ đạo của một thừa tác vụ phẩm trật, và họ được liên kết với Đức Kitô, cũng như với nhau bằng những giây liên hệ siêu việt vượt ra ngoài mọi thứ phạm trù nhân loại như: “cùng đích chung,” “phương tiện,” “liên đới,” “niềm tin,” hoặc cả “tình yêu hỗ tương,” v.v. Có thể so sánh những giây liên kết ấy với các mối tương quan sống động giữa đầu và các chi thể trong một thân thể.

¹³ AAS 35 (1943) 199.

d. Giáo hội như là Bí tích

Hiến chế *Lumen Gentium* của Vaticanô II đã định nghĩa Giáo hội như “một thứ bí tích trong Đức Kitô, hoặc như dấu chỉ, như khí cụ của sự kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất giữa toàn thể nhân loại” (LG 1). Trong câu này, từ ‘bí tích’ mang ý nghĩa loại suy trong tương quan với ‘bảy bí tích’ của sách bốn, theo nghĩa hẹp. ‘Bí tích’ đây mang ý nghĩa nêu bật mối liên hiệp giữa những yếu tố hữu hình và vô hình trong một tác động duy nhất nhằm tới việc thực hiện công trình cứu độ thế giới. Hai chiều kích dọc và ngang – tức thái độ tùy thuộc vào Thiên Chúa và tầm hướng nhìn về loài người – được phối hợp hài hòa. Giáo hội vừa mang tính chất vật thể mà vừa tiềm chứa năng động thần linh. Để nêu bật tính “thần-nhân” của Hội thánh, Giáo hội chính thống cũng đã dùng đến ý niệm tương tự.¹⁴ Định nghĩa như thế thì quả là hay đẹp, nhưng vẫn còn cần phải được bổ túc bởi những cách thức định nghĩa khác.¹⁵

e. Giáo hội, Dân Thiên Chúa

Tên gọi Giáo hội là “dân Thiên Chúa” phát xuất từ Kinh Thánh. Trong phụng vụ, thành ngữ này xuất hiện khắp nơi, và các Giáo phụ đã dùng nhiều đến khái niệm ấy; còn công đồng Trentô thì đã giải thích. Trái lại, họa hiếm lắm Giáo hội học mới dùng đến phạm trù “dân Chúa.” Năm 1940, phát biểu qua cuốn *Ekklesiologie im Werden* (Giáo hội học

¹⁴ Xin xem Evdokimov, P., *L'orthodoxie*, Neuchâtel, 1959.

¹⁵ Xin xem McPartlan, P., *Sacrament of Salvation; an introduction to eucharistic ecclesiology*, Edinburgh, T&T Clark, 1995.

trên đường hình thành), M. D. Koster chủ trương rằng thay vì “nhiệm thể,” ý niệm “dân Thiên Chúa” phải được coi là cột xương sống của khoa Giáo hội học. Dù vậy, ba năm sau, thông điệp *Mystici Corporis* đã làm cho thần học tạm bỏ quên ý niệm “dân Chúa.”

Lợi thế của danh xưng “dân Thiên Chúa” là nói lên mối liên hệ giữa Giáo hội và Ítraen, làm nổi bật chiều kích lịch sử và những quan hệ của Ítraen với các dân tộc khác trên mặt đất. Định nghĩa này cũng nói lên khá rõ ràng việc Giáo hội thuộc về lãnh vực của lời Chúa hứa, của việc Người quyết định tuyển chọn, và của giáo ước (x. 1Pr 2:9-10). Ý niệm “dân Thiên Chúa” cũng nêu rõ tính chất xã hội và phẩm trật của Giáo hội. Cuối cùng, “năng động cánh chung” của Giáo hội cũng tỏ lộ rõ ràng: như là dân lữ hành, Giáo hội đang tiến về “đất hứa” là Nước Thiên Chúa.

Vì thế, M. Schmaus đã định nghĩa “Giáo hội là dân Thiên Chúa của Tân Ước, do Đức Kitô thiết lập, có cơ cấu phẩm trật, có nhiệm vụ phục vụ Thiên Chúa và công cuộc cứu rỗi mọi người; một dân hiện hữu cụ thể trong dạng cách ‘nhiệm thể’ Đức Kitô.”¹⁶ Như vậy, tác giả đã nối kết hai khái niệm ‘dân Chúa’ và ‘thân thể Đức Kitô’ lại với nhau. B. Lambert cũng quan niệm như của Schmaus, dù có khác nhau trong một vài điểm; ông viết: “Giáo hội là dân của Tân Ước được Chúa Thánh Linh và chứng từ của các tông đồ triệu tập, được tụ hợp lại trong Đức Kitô do tác động thần linh nhờ đức tin và phép rửa, để tạo thành thân thể Đức Kitô. Trong dân này, Thiên Chúa đã mạc khải cách hữu hình sự hiện diện cứu độ của Người cho thế gian và giữa thế gian, nhờ

¹⁶ M. Schmaus, *Katholische Dogmatik III/I*, München 1953, 40-48.

Lời và Bí tích, qua trung gian những chứng từ của các tông đồ, qua các thừa tác vụ và nhiệm vụ, để kiến tạo Nước Thiên Chúa.”

Quan niệm Giáo hội như là dân Thiên Chúa đã được Vaticanò II dứt khoát phê chuẩn trong chương hai của Hiến chế tín lý về Giáo hội. Quan niệm này nêu rõ vai trò của các tín hữu, sự bình đẳng cân bằng của mọi kitô hữu trong tính chất tư tế chung cũng như trong cảm thức đức tin, vai trò tích cực của Giáo hội ở trong thế giới, và sự khác biệt giữa các phận vụ cùng công tác phục vụ chung, nhắm tới cùng một cứu cánh duy nhất.

f. Giáo hội: hiện thân của Đức Kitô và Thần Khí

Nhiều tác giả khác thì nhấn mạnh đến khía cạnh nhiệm mầu và những yếu tố vô hình của Giáo hội. Nổi tiếng nhất là quan điểm của Johann Adam Möhler (1796-1838): “Giáo hội hữu hình là chính Con Thiên Chúa hằng tỏ mình cho nhân loại dưới lột phàm nhân, tự đổi mới không ngừng mà vẫn giữ nguyên như cũ, tức Giáo hội là cuộc nhập thể của Con Thiên Chúa, một cuộc nhập thể kéo dài cho đến mãi mãi.”¹⁷ Xét cho cùng, lối định nghĩa này phù hợp với ý niệm “nhiệm thể,” và được diễn đạt theo một dạng miêu tả độc đáo và sống động. Sau Vaticanò II, H. Mühlen đã đề nghị cách định nghĩa Giáo hội theo Thần Khí học; ông quan niệm Giáo hội “như *una mystica persona* (một ngôi vị huyền bí), như “mẫu nhiệm đồng nhất hóa” Thánh Thần với các kitô

¹⁷ J.A. Moehler, *Symbolik*, § 36; xuất bản do J.R. Geiselman, Harmstadt 1958, I, tr. 389.

hữu nơi Đức Kitô: một ngôi vị trong nhiều nhân vị.¹⁸ Đến độ có người đã dám coi Giáo hội như một thứ nhập thể của Thánh Linh. Lợi điểm của quan niệm này là nêu bật vai trò của Thánh Thần trong Giáo hội cùng gây liên kết với Đức Kitô. Mọi năng lực siêu nhiên của Giáo hội đều do Thần Khí mà có.

Một số tác giả khác lại muốn tổng hợp cả hai quan niệm vừa kể trên đây: “Giáo hội là [hiện thân của] Đức Kitô phục sinh cùng [của] Thần Khí Ngài, và được coi như là mối liên hệ cứu độ nối kết mọi người; mối liên hệ này hiện hữu cách tất yếu, hiện thời, năng động và vĩnh viễn, được tỏ lộ cách khả giác... ngõ hầu mọi người có thể hiệp thông với Thiên Chúa cũng như với nhau, và cả với muôn vật trong ngày cuối cùng.”¹⁹ Muốn bảo toàn các yếu tố xã hội của Giáo hội, K. Rahner đã phát biểu là: “Giáo hội là một cộng đoàn được Chúa Kitô kết dựng với tính cách xã hội theo pháp lý; trong đó, qua đức tin, đức cậy và đức mến, Thiên Chúa tự mạc khải chính mình cho con người trong Đức Kitô, ngay giữa thế giới và cho thế giới, dưới dạng thể chân lý và tình yêu, như Người đã định từ muôn thuở.”²⁰

* * *

¹⁸ H. Mühlen, *Una Mystica Persona*, München 1964; bằng Pháp ngữ *L'Esprit-Saint dans l'Église*; x. G. Dejaifve, “Un tournant dans l'Éclésiologie,” *Nouv. Rev. Théo.* 87 (1965) 961tt.

¹⁹ Xin xem P. Chirico, “One Church: What does it mean?,” *Theol. Studies* 1967, 668.

²⁰ Rahner, K., *Handbuch der Pastoraltheologie*, Herder, Freiburg-Basel-Wien 1964, I, tr. 118-119.

Những định nghĩa vừa nêu trên đây và cả những định nghĩa khác nữa, tất cả đều ra sức nêu bật những yếu tố coi như tất yếu và chủ chốt nhất trong bản chất của Hội thánh; nhưng công thức định nghĩa nào cũng đều phải cần đến các yếu tố bổ túc bởi của những công thức khác. Quả thế, không thể làm khác hơn, bởi Giáo hội là một thực tại phức tạp và rất phong phú; rồi còn hơn thế nữa, bởi Giáo hội là một mẫu nhiệm. Thế nên, nhiều nhà thần học nghĩ rằng tốt hơn hết là nên mô tả Giáo hội theo nhiều phương diện và cách thức khác nhau, xét vì không một công thức định nghĩa nào có sức biểu trình Giáo hội cho đầy đủ hoàn toàn được.²¹ Trong truyền thống, các tác giả thường dùng những ẩn dụ rút từ Kinh Thánh, có tính cách gợi ý hơn là định nghĩa. Trong cách thức đó, Giáo hội cũng được gọi là “đoàn chiên nhỏ” hoặc “Hiền thê Đức Kitô;” còn cách gọi “Giáo hội từ Abel” là để nói lên sự việc Giáo hội hiện diện suốt trong toàn bộ tiến trình lịch sử nhân loại; cũng còn nhiều cách gọi hoặc biểu đạt khác, như là: *ecclesia vocandorum*, tức Giáo hội của những kẻ được kêu mời; “Giáo hội ba thành phần” (*ecclesia tripartita*), hay Giáo hội ba giai đoạn: Giáo hội chiến đấu (nơi trần thế), Giáo hội vinh thắng (ở trên trời) và Giáo hội luyện trạng (trong luyện ngục). Công đồng Vaticanô II đã dùng trở lại các hình bóng của Kinh Thánh về Giáo hội như: đoàn chiên, ngôi nhà hay gia đình của Thiên Chúa, đền thờ, hiền thê Đức Kitô, mẹ chúng ta, v.v... nhưng rồi cũng không định nghĩa Giáo hội là gì. Vậy, ít nhất phải dùng đến hai mệnh đề để miêu trình về Giáo hội: một để diễn tả các khía cạnh nhân loại, xã hội, hữu hình... và một để chỉ về các yếu

²¹ Xin xem Y. Congar, “Peut-on définir l’Église?,” trong *La Sainte Église* (Unam sanctam 41) Paris 1964, 21-44; Fenton, J.C., “Scholastic Definitions of the Catholic Church,” *Amer. Eccl. Review* 59 (1969) 59-69; 131-145; 218-228.

tố siêu nhiên, thần linh, vô hình... Phàm nhân sẽ không bao giờ thấu hiểu được Giáo hội là gì, cho đến khi được chiêm ngưỡng Hội Thánh thành tựu vinh quang trong “ngày Tiệc Cưới của Chiên Con.”

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC CÁC NƠI

Âu Châu:

* **Tòa soạn:**

Hợp Tuyển Thần Học (xem trang bìa 2)

* **Hoàng Minh Thắng**

Sezione Vietnamita, Radio Vaticana

CITTÀ DEL VATICANO

☎: (06) 698 83214

Mỹ Châu:

* **Nguyễn Văn Giáo**
3925 Tambor Road
San Diego, CA 92124
U.S.A.

☎: (619) 571 7839

* **John Vũ Hiến**
781 Via Baja Drive
Milpitas, CA 95035
U.S.A.

☎: (408) 946 7555

* **Nguyễn Mạnh Tùng**
1503 Mukiltlo Blvd
Everett, WA 98203
U.S.A.

☎: (206) 252 0690

* **Trương Thành Hào**
1202 rue de Bleury
Montréal, P.Q. H3B 3J3
CANADA

☎: (514) 874 9836

* **Nguyễn Châu Lang**
17302 Bonnard Circle
Springs, TX 77379
U.S.A.

☎: (713) 376 1344

* **Bùi Hữu Thu**
1609 Lozano Drive
Vienna, VA 22182
U.S.A.

☎: (703) 281 7929

Úc Châu:

Phạm Minh Ước, S.J.

4 Milner Street - P.O. Box 179, Hindmarsh, S.A. 5007

AUSTRALIA

☎: (08) 346 9763